

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 546/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 22 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, năm 2025 nguồn ngân sách Trung ương giao cấp huyện quản lý vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, năm 2025 của ngân sách cấp tỉnh; điều chỉnh thông tin dự án, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; phân bổ vốn đầu tư công ngân sách Trung ương năm 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 33**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước; Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước;

Căn cứ Căn cứ Quyết định số 1148/QĐ-TTg ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách Trung ương năm 2025 cho các địa phương thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia (đợt 2);

Xét Tờ trình số 511/TTr-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 872/BC-DT ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Ban Dân tộc của HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại Kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giao cấp huyện quản lý vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 cấp tỉnh quản lý

1. Tổng vốn điều chỉnh: 2.369.922 triệu đồng.

2. Phương án điều chỉnh:

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giao huyện Bắc Yên (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 cấp tỉnh quản lý: 205.257 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giao huyện Mai Sơn (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 cấp tỉnh quản lý: 148.055 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giao thị xã Mộc Châu (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 cấp tỉnh quản lý: 104.481 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giao huyện Phù Yên (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 cấp tỉnh quản lý: 256.213 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giao huyện Quỳnh Nhai (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 cấp tỉnh quản lý: 118.914 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giao huyện Mường La (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 cấp tỉnh quản lý: 367.383 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giao huyện Sông Mã (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 cấp tỉnh quản lý: 240.156 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giao huyện Sốp Cộp (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 cấp tỉnh quản lý: 132.051 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giao huyện Thuận Châu (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 cấp tỉnh quản lý: 374.534 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giao huyện Yên Châu (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 cấp tỉnh quản lý: 193.995 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giao huyện Vân Hồ (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 cấp tỉnh quản lý: 212.982 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giao thành phố Sơn La (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 cấp tỉnh quản lý: 15.901 triệu đồng.

Điều 2. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giao cấp huyện quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 cấp tỉnh quản lý

1. Tổng vốn điều chỉnh: 330.471 triệu đồng.

2. Phương án điều chỉnh:

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giao huyện Bắc Yên (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 cấp tỉnh quản lý: 23.408 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giao huyện Mai Sơn (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 cấp tỉnh quản lý: 23.835 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giao thị xã Mộc Châu (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 cấp tỉnh quản lý: 12.260 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giao huyện Phù Yên (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 cấp tỉnh quản lý: 29.062 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giao huyện Quỳnh Nhai (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 cấp tỉnh quản lý: 2.942 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giao huyện Mường La (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 cấp tỉnh quản lý: 59.428 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giao huyện Sông Mã (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 cấp tỉnh quản lý: 32.735 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giao huyện Sốp Cộp (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 cấp tỉnh quản lý: 17.164 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giao huyện Thuận Châu (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 cấp tỉnh quản lý: 66.018 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giao huyện Yên Châu (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 cấp tỉnh quản lý: 26.178 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giao huyện Vân Hồ (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 cấp tỉnh quản lý: 35.886 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giao thành phố Sơn La (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 cấp tỉnh quản lý: 1.555 triệu đồng.

Điều 3. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giao cấp huyện quản lý năm trước được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025 vào kế hoạch đầu tư năm 2025 cấp tỉnh quản lý

1. Tổng vốn điều chỉnh: 34.506 triệu đồng.

2. Phương án điều chỉnh:

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm trước được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025 nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giao huyện Bắc Yên (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 cấp tỉnh quản lý: 9.562 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm trước được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025 nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giao huyện Mai Sơn (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 cấp tỉnh quản lý: 2.617 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm trước được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025 nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giao thị xã Mộc Châu (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 cấp tỉnh quản lý: 3.663 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm trước được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025 nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giao huyện Phù Yên (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 cấp tỉnh quản lý: 511 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm trước được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025 nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giao huyện Quỳnh Nhai (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 cấp tỉnh quản lý: 442 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm trước được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025 nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giao huyện Mường La (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 cấp tỉnh quản lý: 4.417 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm trước được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025 nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giao huyện Sốp Cộp (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 cấp tỉnh quản lý: 29 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm trước được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025 nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giao huyện Thuận Châu (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 cấp tỉnh quản lý: 2.419 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm trước được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025 nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giao huyện Yên Châu (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 cấp tỉnh quản lý: 1.821 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm trước được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025 nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giao huyện Vân Hồ (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 cấp tỉnh quản lý: 8.710 triệu đồng.

- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm trước được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025 nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giao thành phố Sơn La (cũ) quản lý vào kế hoạch đầu tư công năm 2025 cấp tỉnh quản lý: 314 triệu đồng.

(Chi tiết tại Biểu số 01 và các biểu 01.1 – 01.12 kèm theo)

Điều 4. Điều chỉnh thông tin dự án, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025

1. Điều chỉnh thông tin dự án (*quy mô, tổng mức đầu tư...*) 08 dự án thuộc Tiểu dự án 1, Dự án 4 và 01 dự án thuộc Dự án 6 theo quyết định phê duyệt dự án (các dự án đã được phê duyệt tại các Nghị quyết: số 189/NQ-HĐND ngày 02 tháng 6 năm 2023, số 291/NQ-HĐND ngày 31 tháng 01 năm 2024, số 325/NQ-HĐND ngày 16 tháng 5 năm 2024, số 379/NQ-HĐND ngày 02 tháng 10 năm 2024, số 400/NQ-HĐND ngày 29 tháng 10 năm 2024, số 488/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2025).

(Chi tiết tại Biểu số 02 kèm theo)

2. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025

2.1. Tổng kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh: 151.281 triệu đồng.

2.2. Phương án điều chỉnh

- Điều chỉnh giảm 151.281 triệu đồng kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 đã giao thực hiện các dự án thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi do không có khả năng hoàn thành giải ngân vốn trong năm 2025, không còn nhu cầu, đối tượng để thực hiện và do giảm quy mô đầu tư.

- Số vốn thu hồi 151.281 triệu đồng:

+ Phân bổ 138.424 triệu đồng kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các dự án thuộc Chương trình MTQG phát

triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có nhu cầu vốn để triển khai thực hiện.

+ Hoàn trả ngân sách Trung ương 12.857 triệu đồng kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 đã giao thực hiện Tiểu dự án 2, Dự án 3 và Tiểu dự án 2, Dự án 10 do hết đối tượng thực hiện.

(Chi tiết tại Biểu số 03 kèm theo)

Điều 5. Phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách Trung ương năm 2025 (bổ sung) thực hiện chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

3.1. Tổng vốn đầu tư ngân sách trung ương bổ sung năm 2025 cho tỉnh Sơn La để thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi *(được giao tại Quyết định số 1148/QĐ-TTg ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)* là 155.603 triệu đồng.

3.2. Phương án phân bổ

Phân bổ 155.603 triệu đồng kế hoạch đầu tư công năm 2025 vốn ngân sách Trung ương thực hiện thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, trong đó:

- Phân bổ cho các dự án cấp tỉnh quản lý: 99.727 triệu đồng.
- Phân bổ cho các dự án cấp huyện (cũ) chuyển về cấp tỉnh quản lý: 55.876 triệu đồng.

(Chi tiết tại Biểu số 04 kèm theo)

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết và phân bổ chi tiết, điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Trung ương năm 2025 thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Luật Đầu tư công.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La Khoá XV, Kỳ họp chuyên đề thứ 33, thông qua ngày 22 tháng 8 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

Biểu số 01.8

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN
KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI HUYỆN SÓP CỘP QUẢN LÝ VỀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ
CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025 CẤP TỈNH QUẢN
(Kèm theo Nghị quyết số 546/NQ- HĐND ngày 22/8/2025 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục Dự án	Chủ đầu tư theo quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Chủ đầu tư điều chỉnh (sau khi sắp nhập)	Địa điểm thực hiện dự án theo Quyết định đầu tư	Địa điểm thực hiện dự án sau sắp xếp	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt dự án				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Nguồn vốn CTMTQG)	Lũy kế kế hoạch vốn đã giao đến năm 2025			Điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh quản lý			Ghi chú
							Số, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó			Tổng số	Trong đó: Kế hoạch vốn giao năm 2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn giao năm 2025		
									Nguồn vốn CTMTQG	Ngân sách huyện			Kế hoạch vốn chuyển nguồn từ các năm trước	Kế hoạch giao năm 2025		Kế hoạch vốn chuyển nguồn từ các năm trước	Kế hoạch giao năm 2025	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	TỔNG SỐ							142.762	138.458	4.304	132.051	125.462	29	17.164	132.051	29	17.164	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt							15.514	15.367	147	14.078	13.376	14	1.408	14.078	14	1.408	
a	Hỗ trợ đất ở																	
b	Hỗ trợ nhà ở							308	308		280	280			280			
1	Hỗ trợ nhà ở cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo	Phòng KTHT		Các xã		2022-2025		308	308		280	280			280			
	Xã Mường Và	UBND Xã Mường Và	UBND xã Sốp Cộp	Xã Mường Và	Xã Sốp Cộp						280	280			280			
c	Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề																	
d	Hỗ trợ nước sinh hoạt							15.206	15.059	147	13.798	13.096	14	1.408	13.798	14	1.408	
*	Các Dự án hoàn thành quyết toán							13.103	12.956	147	11.852	11.719	14	150	11.852	14	150	

1	Nước sinh hoạt tập trung bản Huổi Sang, xã Sam Kha	Ban QLDA ĐTXD huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Sam Kha	Xã Púng Bính	2022-2023	1920, 07/10/2022	1.108	1.108	0	1.020	1.020			1.020			
2	Nước sinh hoạt tập trung bản Pá Khoang, xã Mường Và	Ban QLDA ĐTXD huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Mường Và	Xã Sốp Cộp	2022-2023	1975, 19/10/2022	1.089	1.089	0	938	938			938			
3	Nước sinh hoạt tập trung bản Nậm Lạnh, xã Nậm Lạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Nậm Lạnh	Xã Sốp Cộp	2022-2023	1978, 19/10/2022	1.681	1.681	0	1.567	1.567			1.567			
4	Nước sinh hoạt tập trung Cụm dân cư Co Hả, bản Khá, xã Mường Lạn	Ban QLDA ĐTXD huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Mường Lạn	Xã Mường Lạn	2022-2023	2018, 29/10/2022	891	891	0	818	818			818			
5	Nước sinh hoạt tập trung bản Chăm Hỳ, xã Mường Lèo	Ban QLDA ĐTXD huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Mường Lèo	Xã Mường Lèo	2022-2023	1938, 12/10/2022	983	983	0	913	913			913			
6	Nước sinh hoạt bản Huổi Pót, xã Mường Và, huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Mường Và	Xã Sốp Cộp	2024-2025	2191, 16/12/2023	1.396	1.396	0	1.250	1.250			1.250			
7	Nước sinh hoạt bản Huổi Nó, xã Dòom Cang, huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Dòom Cang	Xã Sốp Cộp	2024-2025	2193, 16/12/2023	1.300	1.300	0	1.254	1.254			1.254			
8	Sửa chữa nước sinh hoạt bản Mạt, xã Mường Lèo, huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD huyện Sốp	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các	Xã Mường Lèo	Xã Mường Lèo	2024-2025	2192, 16/12/2023	1.700	1.700	0	1.618	1.618			1.618			

		Cộng	công trình Nông nghiệp và PTNT														
9	Nước sinh hoạt bản Huổi Lầu, xã Mường Vả, huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Mường Vả	Xã Sốp Cộp	2024-2025	222, 12/3/2024	2.955	2.808	147	2.474	2.341	14	150	2.474	14	150
*	Các Dự án hoàn thành chưa quyết toán							2.103	2.103	0	1.946	1.258	0	1.258	1.946	0	1.258
1	Nước sinh hoạt tập trung khu Phiêng Ban, bản Liên Ban, xã Púng Bính huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Púng Bính	Xã Púng Bính	2025	1405, 28/11/2024	2.103	2.103	0	1.946	1.258		1.258	1.946		1.258
*	Phân bổ sau											119					
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết							30.878	30.878	0	30.888	25.942	13	4.689	30.888	13	4.689
*	Các Dự án hoàn thành quyết toán							20.388	20.388	0	20.388	16.413	13	160	20.388	13	160
1	Dự án bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Pu Hao, xã Mường Lạn	Ban QLDA ĐTXD huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Mường Lạn	Xã Mường Lạn	2022-2024	2189, 18/11/2022	20.388	20.388	0	20.388	16.413	13	160	20.388	13	160
*	Các Dự án chuyển tiếp							10.490	10.490	0	10.500	9.529	0	4.529	10.500	0	4.529
1	Dự án bố trí sắp xếp dân cư tập trung (tại chỗ) bản Nậm Pùn, xã Mường Lèo	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Mường Lèo	Xã Mường Lèo	2024-2025	1076, 17/9/2024	10.490	10.490	0	10.500	9.529		4.529	10.500		4.529
3	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công							78.982	75.326	3.657	70.017	69.928	0	9.117	70.017	0	9.117
3.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi							78.982	75.326	3.657	70.017	69.928	0	9.117	70.017	0	9.117
a	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên đối với các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn.							78.982	75.326	3.657	70.017	69.928	0	9.117	70.017	0	9.117
*	Các Dự án hoàn thành quyết toán							66.482	66.482	0	63.134	63.045	0	2.234	63.134	0	2.234

1	Công trình giao thông trung tâm xã Sam Kha đi bản Pu Sút, Ten Lán (đoạn Km5) đến bản Phá Thổng xã Sam Kha	Ban QLDA ĐTXD huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Sam Kha	Xã Púng Bánh	2022-2024	2020, 31/10/2022	10.300	10.300	0	10.083	10.083			10.083			
2	Đường giao thông từ bản Tông Hùm đến Huồi Pốt, xã Mường Và	Ban QLDA ĐTXD huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Mường Và	Xã Sốp Cộp	2022-2024	1997, 26/10/2022	10.439	10.439	0	9.851	9.851			9.851			
3	Đường giao thông trung tâm Sốp Cộp - Cửa Khẩu Lạnh Bánh (đoạn Km11) đi bản Nậm Lạnh, xã Nậm Lạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Nậm Lạnh	Xã Sốp Cộp	2022-2024	2021, 31/10/2022	7.500	7.500	0	7.407	7.407			7.407			
4	Đường giao thông Púng Bánh - Mường Lèo (đoạn Km8) đi bản Phá Thổng, xã Púng Bánh	Ban QLDA ĐTXD huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Púng Bánh	Xã Púng Bánh	2022-2024	1950, 14/10/2022	7.800	7.800	0	7.644	7.644		99	7.644		99	
5	Đường giao thông từ ngã ba đường Mường Lèo - Sam Quảng (Km1) đi bản Huồi Lán, xã Mường Lèo	Ban QLDA ĐTXD huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Mường Lèo	Xã Mường Lèo	2022-2024	1962, 17/10/2022	8.500	8.500	0	7.846	7.846			7.846			
6	Công trình đường nội bản Tà Cọ, xã Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Sốp Cộp	Xã Sốp Cộp	2022-2023	2022, 31/10/2022	1.025	1.025	0	931	931			931			
7	Công trình đường giao thông liên bản Tóc Liu - Huồi Nó, xã Dồm Cang	Ban QLDA ĐTXD huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Dồm Cang	Xã Sốp Cộp	2022-2023	1945, 13/10/2022	2.500	2.500	0	2.446	2.446			2.446			
8	Thủy lợi phai Lon Cút, bản Tông Hùm, xã Mường Và	Ban QLDA ĐTXD	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban	Xã Mường Và	Xã Sốp Cộp	2023-2025	225, 06/3/2023	3.410	3.410	0	3.203	3.203		854	3.203		854	

		huyện Sốp Cộp	QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT															
9	Thủy lợi Nà Ca, bản Nà Khi, xã Mường Lạn	Ban QLDA ĐTXD huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Mường Lạn	Xã Mường Lạn	2023-2025	435, 26/3/2023	4.500	4.500	0	4.271	4.271		223	4.271		223	
10	Sửa chữa nâng cấp thủy lợi bản Tia, xã Sam Kha	Ban QLDA ĐTXD huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Sam Kha	Xã Púng Bánh	2023-2025	227, 06/3/2023	1.500	1.500	0	1.090	1.090			1.090			
11	Sửa chữa nâng cấp thủy lợi liên bản: Bản Lùn, bản Liêng, bản Kéo Cọ, xã Púng Bánh	Ban QLDA ĐTXD huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Púng Bánh	Xã Púng Bánh	2023-2025	210, 03/3/2023	1.029	1.029	0	855	855			855			
12	Cấp điện khu bỏ trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Nậm Lạn, xã Mường Lạn, huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Mường Lạn	Xã Mường Lạn	2023-2025	1867, 26/9/2023	4.031	4.031	0	3.724	3.635			3.724			
13	Nâng cấp đường giao thông từ cầu tràn bản Huồi Yên đến bản Pá Hóc, xã Dòm Cang	Ban QLDA ĐTXD huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Dòm Cang	Xã Púng Bánh	2024-2025	2195, 16/12/2023	2.988	2.988	0	2.877	2.877		977	2.877		977	
14	Đường nội bản Pá Hóc, xã Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Sốp Cộp	Xã Sốp Cộp	2024-2025	2194, 16/12/2023	960	960	0	906	906		79	906		79	
*	Các Dự án chuyển tiếp							12.500	8.843	3.657	3.064	3.064	0	3.064	3.064	0	3.064	
1	Nhà bán trú điểm trung tâm trường PTDT BT Tiểu học Mường Lạn xã Mường Lạn	Ban QLDA ĐTXD huyện Sốp	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các	Xã Mường Lạn	Xã Mường Lạn	2024-2025	1364, 19/11/2024	12.500	8.843	3.657	3.064	3.064		3.064	3.064		3.064	

		Cộng	công trình Nông nghiệp và PTNT															
*	Hoàn trả Chương trình MTQ giảm nghèo							38.558	0	0	3.820	3.820	0	3.820	3.820	0	3.820	
*	Các Dự án hoàn thành quyết toán							27.900	0	0	279	279	0	279	279	0	279	
1	Nâng cấp tuyến đường từ cầu cứng đi bản Huổi Niêng, xã Mường Và	Ban QLDA ĐTXD huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Mường Và	Xã Sốp Cộp	2022-2024	1933, 10/10/2022	14.850			90	90		90	90		90	
2	Cầu qua suối từ đường giao thông Sốp Cộp - Mường Lạn sang bản Hộc Một (bản Nà Một cũ), xã Mường Và, huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Mường Và	Xã Sốp Cộp	2024-2025	2196, 16/12/2023	3.200			71	71		71	71		71	
3	Cầu qua suối bản Huổi Ca -Huổi Dương, xã Mường Và, huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Mường Và	Xã Sốp Cộp	2024-2025	757, 03/7/2024	3.000			105	105		105	105		105	
4	NSH tập trung liên bản: bản Púng, bản Bánh xã Púng Bánh	Ban QLDA ĐTXD huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Púng Bánh	Xã Púng Bánh	2023-2025	228, 06/3/2023	6.850			13	13		13	13		13	
*	Các Dự án hoàn thành chưa quyết toán							1.473	0	0	580	580	0	580	580	0	580	
1	Nhà văn hoá bản Phiêng Pen xã Mường Lạn	Ban QLDA ĐTXD huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Mường Lạn	Xã Mường Lạn	2025	1395 28/11/2024	1.473	0		580	580		580	580		580	
*	Các Dự án chuyển tiếp							9.185			2.961	2.961		2.961	2.961		2.961	
1	Thủy lợi Phai Co Lụ, bản Cọ, xã Púng Bánh	Ban QLDA ĐTXD huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Púng Bánh	Xã Púng Bánh	2.025	1384, 25/11/2024	2.157			670	670		670	670		670	

2	Thủy lợi phai Huồi phải, bản Phải, xã Púng Bính	Ban QLDA ĐTXD huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Púng Bính	Xã Púng Bính	2.025	1385, 25/11/2024	1.894			620	620		620	620		620	
3	Nhà văn hóa bản Huồi Niêng, xã Mường Và	Ban QLDA ĐTXD huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Mường Và	Xã Sốp Cộp	2.025	1403, 28/11/2024	1.442			550	550		550	550		550	
4	Nhà văn hóa bản Nà Vạc xã Mường Lạn	Ban QLDA ĐTXD huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Mường Lạn	Xã Mường Lạn	2025	1404 28/11/2024	1.473			660	660		660	660		660	
5	Nhà Văn hóa xã Nậm Lạnh	Ban QLDA ĐTXD huyện Sốp Cộp	UBND xã Sốp Cộp	Xã Nậm Lạnh	Xã Sốp Cộp	2.025	1398, 28/11/2024	2.219			461	461		461	461		461	
4	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực							14.980	14.980	0	15.175	14.418	0	1.327	15.175	0	1.327	
*	Các Dự án hoàn thành quyết toán							14.980	14.980	0	15.175	14.418	0	1.327	15.175	0	1.327	
1	Trường PTDT bán trú TH và THCS Nậm Lạnh huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Nậm Lạnh	Xã Sốp Cộp	2022-2023	2017, 29/10/2022	14.980	14.980	0	15.175	14.418		1.327	15.175		1.327	
5	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch							2.407	1.907	500	1.893	1.798	2	623	1.893	2	623	
*	Các Dự án hoàn thành quyết toán							2.407	1.907	500	1.893	1.798	2	623	1.893	2	623	
1	Khu thể thao bản Co Đũa, xã Mường Và	UBND xã Mường Và	UBND xã Sốp Cộp	Xã Mường Và	Xã Sốp Cộp	2023-2025		477	477	0	477	477			477			
2	Khu thể thao bản Mường Và, xã Mường Và, huyện Sốp Cộp	UBND xã Mường Và	UBND xã Sốp Cộp	Xã Mường Và	Xã Sốp Cộp	2024-2025	405, 26/4/2024	950	450	500	450	450			450			
3	Khu thể thao bản Liêng, xã Púng Bính, huyện Sốp Cộp	UBND xã Púng Bính	UBND xã Púng Bính	Xã Púng Bính	Xã Púng Bính	2024-2025	406, 26/4/2024	490	490	0	477	477		229	477		229	
4	Khu thể thao văn hóa bản Tông Hùm, xã Mường Và, huyện Sốp Cộp	UBND xã Mường Và	UBND xã Sốp Cộp	Xã Mường Và	Xã Sốp Cộp	2.025	374, 03/12/2024	490	490	0	489	394	2	394	489	2	394	

Biểu số 01.9

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN
KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI HUYỆN THUẬN CHÂU QUẢN LÝ VỀ KẾ HOẠCH
ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025 CẤP TỈNH QUẢN LÝ
(Kèm theo Nghị quyết số 546/NQ- HĐND ngày 22/8/2025 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục Dự án	Chủ đầu tư theo quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Chủ đầu tư điều chỉnh (sau khi sắp nhập)	Địa điểm thực hiện dự án theo Quyết định đầu tư	Địa điểm thực hiện dự án sau sắp xếp	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt dự án				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Nguồn vốn CTMTQG)	Lũy kế kế hoạch vốn đã giao đến năm 2025			Điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh quản lý			Ghi chú
							Số, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó			Tổng số	Trong đó: Kế hoạch vốn giao năm 2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn giao năm 2025		
									Nguồn vốn CTMTQG	Ngân sách huyện			Kế hoạch vốn chuyển nguồn từ các năm trước	Kế hoạch giao năm 2025		Kế hoạch vốn chuyển nguồn từ các năm trước	Kế hoạch giao năm 2025	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	TỔNG CỘNG							396.659	388.381	0	374.534	355.932	2.419	66.018	374.534	2.419	66.018	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt							21.142	21.142	0	28.246	26.837	0	7.328	28.246	0	7.328	
a	Hỗ trợ đất ở										641				641			
b	Hỗ trợ nhà ở										6.800	6.800			6.800			
	Xã Chiềng Ly	UBND xã Chiềng Ly	UBND xã Thuận Châu	Xã Chiềng Ly	Xã Thuận Châu						200	200						
	Xã Chiềng Bóm	UBND xã Chiềng Bóm	UBND xã Thuận Châu	Xã Chiềng Bóm	Xã Thuận Châu						400	400						
	Xã Long Hẹ	UBND xã Long Hẹ	UBND xã Long Hẹ	Xã Long Hẹ	Xã Long Hẹ						400	400						
	Xã Bán Lắm	UBND xã Bán Lắm	UBND xã Muối Nọi	Xã Bán Lắm	Xã Muối Nọi						400	400						
	Xã Phông Lăng	UBND xã Phông Lăng	UBND xã Thuận Châu	Xã Phông Lăng	Xã Thuận Châu						400	400						
	Xã Chiềng Pắc	UBND xã Chiềng Pắc	UBND xã Thuận Châu	Xã Chiềng Pắc	Xxã Thuận Châu						200	200						

	Xã Chiềng La	UBND xã Chiềng La	UBND xã Chiềng La	Xã Chiềng La	Xã Chiềng La						280	280						
	Xã Mường Khiêng	UBND xã Mường Khiêng	UBND xã Mường Khiêng	Xã Mường Khiêng	Xã Mường Khiêng						200	200						
	Xã Nậm Lầu	UBND xã Nậm Lầu	UBND xã Nậm Lầu	Xã Nậm Lầu	Xã Nậm Lầu						200	200						
	Xã Chiềng Ngâm	UBND xã Chiềng Ngâm	UBND xã Chiềng La	Xã Chiềng Ngâm	Xã Chiềng La						200	200						
	Xã Co Tông	UBND xã Co Tông	UBND xã Co Mạ	Xã Co Tông	Xã Co Mạ						400	400						
	Xã Bon Phăng	UBND xã Bon Phăng	UBND xã Muối Nội	Xã Bon Phăng	Xã Muối Nội						200	200						
	Xã Chiềng Pha	UBND xã Chiềng Pha	UBND xã Bình Thuận	Xã Chiềng Pha	Xã Bình Thuận						480	480						
	Xã Mường Bám	UBND xã Mường Bám	UBND xã Mường Bám	Xã Mường Bám	Xã Mường Bám						400	400						
	Xã Co Mạ	UBND xã Co Mạ	UBND xã Co Mạ	Xã Co Mạ	Xã Co Mạ						400	400						
	Xã Phông Lập	UBND xã Phông Lập	UBND xã Mường É	Xã Phông Lập	Xã Mường É						280	280						
	Xã Liệp Tè	UBND xã Liệp Tè	UBND xã Mường Khiêng	Xã Liệp Tè	Xã Mường Khiêng						280	280						
	Xã Mường É	UBND xã Mường É	UBND xã Mường É	Xã Mường É	Xã Mường É						400	400						
	Xã Pá Lông	UBND xã Pá Lông	UBND xã Co Mạ	Xã Pá Lông	Xã Co Mạ						400	400						
	Xã Muối Nội	UBND xã Muối Nội	UBND xã Muối Nội	Xã Muối Nội	Xã Muối Nội						200	200						
	Xã Bó Mười	UBND xã Bó Mười	UBND xã Mường Khiêng	Xã Bó Mười	Xã Mường Khiêng						200	200						
	Xã Nong Lay	UBND xã Nong Lay	UBND xã Chiềng La	Xã Nong Lay	Xã Chiềng La						280	280						
c	Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề																	
d	Hỗ trợ nước sinh hoạt							21.142	21.142	0	20.805	20.037	0	7.328	20.805	0	7.328	
*	Các Dự án hoàn thành quyết toán							13.396	13.396	0	13.012	12.949	0	240	13.012	0	240	
1	Sửa chữa nước sinh hoạt bản Buổng	Ban QLDA ĐTXD huyện Thuận Châu		Bản Lắm	Muối Nội	2022-2023	4994-21/9/2022	4.000	4.000		3.803	3.803			3.803			
2	Nước sinh hoạt bản Phăng	Ban QLDA ĐTXD huyện Thuận Châu		Bon Phăng	Muối Nội	2022-2023	4833-09/9/2022	3.700	3.700		3.630	3.630			3.630			
3	Sửa chữa nước sinh hoạt bản Ten Ké, Ten Muông	Ban QLDA ĐTXD huyện Thuận Châu		Chiềng Bôm	Nậm Lầu	2022-2023	5240-11/10/2022	1.900	1.900		1.892	1.892			1.892			

4	Sửa chữa nước sinh hoạt bản Hèo Trai, Trọ Phảng	Ban QLDA ĐTXD huyện Thuận Châu		Chiềng Pha	Bình Thuận	2022-2023	5258-11/10/2022	1.199	1.199		1.150	1.150			1.150			
5	Nước sinh hoạt bản Sai xã Chiềng Pha	Ban QLDA ĐTXD huyện Thuận Châu		Chiềng Pha	Bình Thuận	2022-2023	5099-05/10/2022	1.098	1.098		1.037	1.037			1.037			
6	NSH bản Nà Muồng, xã É Tòng	Ban QLDA ĐTXD huyện Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	É tòng	Long Hẹ	2024-2025	4505-18/10/2024	1.500	1.500		1.500	1.437		240	1.500		240	
*	Các Dự án hoàn thành chưa quyết toán							2.046	2.046	0	2.046	2.000	0	2.000	2.046	0	2.000	
1	NSH bản Hát Pang xã Mường Bám	Ban QLDA ĐTXD huyện Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Mường Bám	Mường Bám	2025-2026	5193-09/12/2024	2.046	2.046		2.046	2.000		2.000	2.046		2.000	
*	Các Dự án chuyển tiếp							5.700	5.700	0	5.700	5.088	0	5.088	5.700	0	5.088	
1	NSH bản Linh Luông, xã Chiềng Pắc	Ban QLDA ĐTXD huyện Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Chiềng Pắc	Thuận Châu	2025-2026	5194-09/12/2024	2.800	2.800		2.800	2.625		2.625	2.800		2.625	
2	NSH bản Pục Tẩn xã Mường Khiêng	Ban QLDA ĐTXD huyện Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Mường Khiêng	Mường Khiêng	2025-2026	5195-09/12/2024	2.900	2.900		2.900	2.463		2.463	2.900		2.463	
*	Chưa phân bổ chi tiết										47				47			
2	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công							280.359	274.081	0	255.354	242.613	595	42.807	255.354	595	42.807	
2.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi							280.359	274.081	0	255.354	242.613	595	42.807	255.354	595	42.807	
a	<i>Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên đối với các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn.</i>							278.900	272.622	0	253.949	241.208	595	42.807	253.949	595	42.807	
*	Các Dự án hoàn thành quyết toán							202.905	196.627	0	175.770	174.197	23	3.416	175.770	23	3.416	
1	Đường giao thông bản Sai	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Chiềng Pha	Bình Thuận	2022-2023	4992-21/9/2022	2.000	1.850		1.785	1.785			1.785	0	0	
2	Cầu cứng bản Phé	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Tông Cọ	Chiềng La	2022-2023	5103-05/10/2022	2.571	2.371		1.893	1.893			1.893	0	0	
3	Đường Trung tâm xã - Nà Hém - Sam Phông - Huổi Lương - Thẩm Ổn	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		É Tòng	Long Hẹ	2022-2024	5260-11/10/2022	14.098	12.598		12.337	12.337			12.337	0	0	

4	Đường vào bản Pá Ný	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Pá Lông	Co Mạ	2022-2023	5097- 05/10/2022	6.400	5.600		5.556	5.418			5.556	0	0	
5	Đường vào trường Tiểu học, MN xã Bản Lắm	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Bản Lắm	Muối Nọi	2022-2023	5248- 11/10/2022	1.634	1.434		1.423	1.423			1.423	0	0	
6	Thủy lợi bản Phăng	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Bon Phăng	Muối Nọi	2022-2023	5068-28/9/2022	780	780		626	626			626	0	0	
7	Thủy lợi phai Còi bản Dân Chủ	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Chiềng Pắc	Thuận Châu	2022-2023	5067-28/9/2022	1.204	1.204		1.100	1.100			1.100	0	0	
8	Đường giao thông bản Chùn	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Thôm Môn	Thuận Châu	2022-2023	5077-29/9/2022	6.952	5.952		5.952	5.696			5.952	0	0	
9	Đường giao thông bản Ta Khoang	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Chiềng Pha	Bình Thuận	2022-2023	5102- 05/10/2022	999	599		592	592			592	0	0	
10	Cầu cạn Tin Nôm bản Lê	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Tông Cọ	Chiềng La	2022-2023	5649- 04/11/2022	1.026	1.005		500	500			500	0	0	
11	Sửa chữa thủy lợi phai Hán, bản Tra, xã Bó Mười	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Bó Mười	Mường Khiềng	2022-2023	5656- 04/11/2022	2.234	2.189		424	424			424	0	0	
12	Nhà lớp học Trường TH Tông Cọ	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Tông Cọ	Chiềng La	2022-2023	5255- 11/10/2022	5.650	5.650		5.403	5.403			5.403	0	0	
13	Nhà lớp học Trường TH-THCS Chiềng La	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Chiềng La	Chiềng La	2022-2024	5249- 11/10/2022	8.600	8.600		8.545	8.545			8.545	0	0	
14	Nhà bán trú Trường TH-THCS Co Tông	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Co Tông	Co Mạ	2022-2023	5247- 11/10/2022	3.537	3.537		3.101	3.101			3.101	0	0	
15	Nhà lớp học Trường TH-THCS Long Hẹ	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Long Hẹ	Long Hẹ	2022-2023	5253- 11/10/2022	4.870	4.870		4.686	4.686			4.686	0	0	
16	Nhà bán trú Trường THCS Chiềng Bôm + Tường rào + Nhà vệ sinh	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Chiềng Bôm	Nậm Lầu	2022-2023	5107- 06/10/2022	2.789	2.789		2.729	2.729			2.729	0	0	
17	NLH Trường MN Chiềng Pha	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Chiềng Pha	Bình Thuận	2022-2023	5662- 04/11/2022	8.392	8.224		6.370	6.370			6.370	0	0	
18	NLH trường TH Co Mạ 1	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Co Mạ	Co Mạ	2022-2023	5658- 04/11/2022	6.000	5.880		4.099	4.090			4.099	0	0	
19	NLH 2T8P Trường TH-THCS Phổng Láng (điểm TH)	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Phổng Láng	Thuận Châu	2022-2023	5659- 04/11/2022	5.973	5.854		4.553	4.553			4.553	0	0	
20	NLH 2T6P Trường THCS Chiềng Ngâm	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Chiềng Ngâm	Chiềng La	2022-2023	5660- 04/11/2022	4.295	4.209		2.441	2.441			2.441	0	0	

21	NLH 2T6P Trường THCS Nậm Lầu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Nậm Lầu	Nậm Lầu	2022-2023	5661-04/11/2022	5.763	5.648		3.742	3.742			3.742	0	0	
22	NLH 2T8P Trường TH Mường Bám 2	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Mường Bám	Mường Bám	2022-2023	5664-04/11/2022	5.277	5.171		3.314	3.314			3.314	0	0	
23	NVH bán Chợ Muông	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Chiềng Pha	Bình Thuận	2022-2023	5072-28/9/2022	1.800	1.700		1.663	1.663			1.663	0	0	
24	NVH bán Cự	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Chiềng Ly	Thuận Châu	2022-2023	5073-28/9/2022	1.873	1.873		1.713	1.713			1.713	0	0	
25	NVH bán Co Khiết	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Liệp Tè	Mường Khiêng	2022-2023	5075-28/9/2022	1.605	1.605		1.529	1.529			1.529	0	0	
26	NVH bán Sai	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Chiềng Pha	Bình Thuận	2022-2023	5261-11/10/2022	1.200	1.200		1.192	1.192			1.192	0	0	
27	NVH bán Nong Láo	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Chiềng Pha	Bình Thuận	2022-2023	5254-11/10/2022	1.200	1.000		984	984			984	0	0	
28	Sửa chữa NVH bán Cát Lót	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Chiềng La	Chiềng La	2022-2023	5262-11/10/2022	500	500		489	489			489	0	0	
29	NVH xã Phòng Lập	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Phòng Lập	Mường É	2022-2023	5256-11/10/2022	2.596	2.596		2.490	2.490			2.490	0	0	
30	NVH bán Nà Ten	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Bó Mười	Mường Khiêng	2022-2023	5083-03/10/2022	1.200	1.200		1.150	1.150			1.150	0	0	
31	NVH bán Nà Tong	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Chiềng Ly	Bình Thuận	2022-2023	5263-11/10/2022	1.752	1.752		1.642	1.642			1.642	0	0	
32	Đường vào bán Nà Mát (cũ)	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Púng Tra	Púng Tra	2023-2024	1657-11/4/2023	2.200	2.200		2.078	2.078			2.078	0	0	
33	NLH trường THCS Muối Nội	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Muối Nội	Muối Nội	2023-2024	1651-11/4/2023	9.500	9.500		8.969	8.969			8.969	0	0	
34	NLH trường MN Ánh Dương	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Nong Lay	Chiềng La	2023-2024	2023-21/4/2023	5.800	5.800		5.643	5.643			5.643	0	0	
35	Nhà lớp học trường THCS Mường É	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Mường É	Mường É	2023-2024	1658-11/4/2023	5.400	5.400		5.294	5.294			5.294	0	0	
36	NLH Trường TH-THCS Bon Phăng	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Bon Phăng	Muối Nội	2023-2024	1672-12/4/2023	4.700	4.700		4.515	4.515			4.515	0	0	
37	NLH Trường TH-THCS Chiềng Pắc	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Chiềng Pắc	Thuận Châu	2023-2024	1751-13/4/2023	7.800	7.800		7.609	7.609			7.609	0	0	

38	NLH trường TH-THCS Bó Mười B	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Bó Mười	Mường Khiêng	2023-2024	1673-12/4/2023	4.700	4.700		4.500	4.500			4.500	0	0	
39	NVH bản Thái Cống	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Phổng Lăng	Thuận Châu	2023-2024	1671-12/4/2023	1.300	1.300		1.224	1.224			1.224	0	0	
40	NVH xã Mường É	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Mường É	Mường É	2022-2023	5669-04/11/2022	3.780	3.705		2.005	1.865			2.005	0	0	
41	Cầu Pá Chông, xã Mường Bám	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Mường Bám	Mường Bám	2023-2024	1660-11/4/2023	7.000	6.200		6.050	6.050			6.050	0	0	
42	Đường giao thông bản Phé	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Tôgn Cọ	Chiềng La	2023-2024	2025-21/4/2023	1.918	1.918		1.918	1.757			1.918	0	0	
43	NLH trường THCS Mường Khiêng	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Mường Khiêng	Mường Khiêng	2023-2024	1900-18/4/2023	3.665	3.592		1.668	1.668			1.668	0	0	
44	Đường giao thông bản Hán - Ta Khoang	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Chiềng Pha	Bình Thuận	2024-2025	5794 22/11/2023	7.562	7.562		7.562	7.380		1.380	7.562	0	1.380	
45	NBT trường THCS Mường Khiêng, xã Mường Khiêng	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Mường Khiêng	Mường Khiêng	2024-2025	5798 22/11/2023	4.687	4.687		4.687	4.561		623	4.687	0	623	
46	Cầu Pá Hóc, xã Co Tông	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Co Tông	Co Mạ	2024-2025	5618 17/11/2023	977	977		977	911	10		977	10	0	
47	Nhà văn hóa bản Pá Cháo A	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Co Tông	Co Mạ	2024-2025	6056 25/11/2023	1.270	1.270		1.270	1.205	13		1.270	13	0	
48	Đường vào bản Tịa Tậu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Pá Lông	Co Mạ	2024-2025	5606 16/11/2023	4.441	4.441		4.441	4.212		846	4.441	0	846	
49	Trường MN 1/T4P điểm Pha Lụ	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Chiềng La	Chiềng La	2024-2025	5793 22/11/2023	3.557	3.557		3.557	3.479		51	3.557	0	51	

50	Đường bán Kẹ - bán Mẫu Xá	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Phòng Lập	Mường É	2024-2025	5792 22/11/2023	5.000	5.000		5.000	4.877		70	5.000	0	70	
51	NVH bán Cang	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Liệp Tề	Bó Mười	2024-2025	6057 25/11/2023	1.263	1.263		1.211	1.211			1.211	0	0	
52	Sân thể thao xã É Tòng	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	É Tòng	Long Hẹ	2024-2025	5007 26/11/2024	1.617	1.617		1.572	1.572		446	1.572	0	446	
*	Các Dự án hoàn thành chưa quyết toán							40.100	40.100	0	38.920	37.650	531	10.071	38.920	531	10.071	
1	Nhà ở bán trú học sinh trường PTDTBT - THCS Co Mạ	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Co Mạ	Co Mạ	2024-2025	6055 25/11/2023	8.069	8.069		8.069	7.822		2.022	8.069	0	2.022	
2	Nhà lớp học trường TH - THCS É Tòng	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	É Tòng	Long Hẹ	2024-2025	5620 17/11/2023	4.800	4.800		3.753	3.566		1.066	3.753	0	1.066	
3	Cầu qua suối Hua Lảnh - Pá Lầu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	bán Lắm	Mười Nội	2024-2025	5607 16/11/2023	2.200	2.200		2.200	2.066		466	2.200	0	466	
4	Đường vào bán Pù	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Chiềng Ngảm	Chiềng La	2024-2025	5796 22/11/2023	6.142	6.142		6.030	5.997		855	6.030	0	855	
5	Cầu bán Mùa	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Chiềng Ngảm	Chiềng La	2024-2025	5797 22/11/2023	1.782	1.782		1.782	1.694		1.106	1.782	0	1.106	
6	Cầu bán Pải	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Nậm lầu	Nậm lầu	2024-2025	5609 16/11/2023	2.689	2.689		2.668	2.598	0	398	2.668	0	398	

7	Dự án điện an toàn trên địa bàn huyện	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Mường Khiêng, Pá Lông...	Mường Khiêng, Co Mạ	2024-2025	6049 24/11/2023	5.096	5.096		5.096	4.922	412	55	5.096	412	55	
8	Thủy lợi bản Tịm	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Chiềng Bôm	Púng Tra	2024-2025	5795 22/11/2023	2.580	2.580		2.580	2.401		1.385	2.580	0	1.385	
9	Đường vào bản Dồm	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Púng Tra	Púng Tra	2024-2025	5608 16/11/2023	2.267	2.267		2.267	2.110		1.356	2.267	0	1.356	
10	Đường bản Huổi Luông	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Phông Lãng	Thuận Châu	2024-2025	5619 17/11/2023	4.475	4.475		4.475	4.475	118	1.362	4.475	118	1.362	
*	Các Dự án chuyển tiếp							35.895	35.895	0	35.895	29.361	41	29.320	35.895	41	29.320	
1	Đường giao thông bản Bĩa, xã Phông Lãng	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Phông Lãng		2024-2025	4944 - 20/11/2024	540	540		540	535		535	540	0	535	
2	Đường giao thông Pá Cháo B	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Co Tông		2024-2025	4945 - 20/11/2024	1.698	1.698		1.698	1.698		1.698	1.698	0	1.698	
3	Đường giao thông bản Chăn	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Bó mười		2024-2025	4946 - 20/11/2024	4.000	4.000		4.000	4.000		4.000	4.000	0	4.000	
4	Cầu bản Nong	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Nậm Lầu		2024-2025	4947 - 20/11/2024	2.480	2.480		2.480	2.480		2.480	2.480	0	2.480	
5	Đường giao thông nội bản Co Khết	Ban QLDA huyện	Đã chuyển về xã Mường Khiêng làm CĐT	Liệp Tè	Mường Khiêng	2024-2025	4948 - 20/11/2024	4.424	4.424		4.424				4.424			
6	NLH 2T6P TH-THCS Bản Lăm	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA	Bản Lăm		2024-2025	5169 7/12/2024	6.100	6.100		6.100	6.038		6.038	6.100	0	6.038	

			ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT															
7	NLH 2T6P Trường MN 19/5 Phông Lập	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Phông Lập		2024-2025	5170 7/12/2024	8.200	8.200		8.200	8.100		8.100	8.200	0	8.100	
8	Nhà văn hóa bản Pá Hóc	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Cơ Tông		2024-2025	5171 7/12/2024	1.270	1.270		1.270	1.237		1.237	1.270	0	1.237	
9	NVH bản Khem	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Bó Mười		2024-2025	5172 7/12/2024	1.300	1.300		1.300	1.291	41	1.250	1.300	41	1.250	
10	NVH bản Phạ	Ban QLDA huyện	Đã chuyển về xã Năm Lầu làm CĐT	Púng Tra	Năm Lầu	2024-2025	5173 7/12/2024	1.591	1.591		1.591				1.591			
11	Nhà văn hóa bản Lót Măn	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Bó Mười		2024-2025	5174 7/12/2024	1.500	1.500		1.500	1.492		1.492	1.500	0	1.492	
12	Nhà văn hóa bản Cùn	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Chiềng Bôm		2024-2025	5175 7/12/2024	1.200	1.200		1.200	1.200		1.200	1.200	0	1.200	
13	Nhà văn hoá bản Ái Khôm, xã Mường É	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Mường É		2024-2025	1685 10/4/2025	1.591	1.591		1.591	1.290		1.290	1.591	0	1.290	
*	Phân bổ chi tiết sau										3.365				3.365			
b	Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.							1.459	1.459	0	1.405	1.405	0	0	1.405	0	0	
*	Các Dự án hoàn thành quyết toán							1.459	1.459	0	1.405	1.405	0	0	1.405	0	0	
1	Chợ xã Mường Khiêng	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Mường Khiêng		2022-2023	5259- 11/10/2022	1.459	1.459		1.405	1.405			1.405	0	0	
3	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực							7.000	7.000		7.082	6.813	0	0	7.082	0	0	
3.1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú,							7.000	7.000	0	7.082	6.813	0	0	7.082	0	0	

	trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số																	
a	Các Dự án hoàn thành quyết toán							7.000	7.000		6.813	6.813	0	0	6.813	0	0	
1	Trường THCS Mường Bám, huyện Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Mường Bám		2022-2023	5106-06/10/2022	7.000	7.000		6.813	6.813			6.813	0	0	
b	Phân bổ chi tiết sau										269				269			
4	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch							1.936	1.936	0	1.893	1.798	556	623	1.893	556	623	
a	Các Dự án hoàn thành quyết toán							500	500	0	471	471	0	0	471	0	0	0
1	Sửa chữa, nâng cấp Nhà văn hóa bản Ta Khoang, xã Chiềng Pha	UBND xã Chiềng Pha	Chiềng Pha			2023-2024	70-17/4/2023	500	500		471	471			471			
*	Dự án hoàn thành chưa quyết toán							1.436	1.436		1.422	1.327	556	623	1.422	556	623	
1	Nhà văn hóa bản Phát Chập, xã Mường É	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Mường É	Mường É	2024-2025	4905 17/11/2024	1.436	1.436		1.422	1.327	556	623	1.422	556	623	
5	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn							86.222	84.222		81.959	77.871	1.268	15.260	81.959	1.268	15.260	
5.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù							86.222	84.222	0	81.959	77.871	1.268	15.260	81.959	1.268	15.260	
a	Dự án hoàn thành quyết toán							48.151	46.151	0	44.148	43.833	3	960	44.148	3	960	
1	Đường giao thông nội bản Song	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Chiềng La	Chiềng La	2022-2023	5100-05/10/2022	3.602	3.602		3.347	3.347			3.347	0	0	
2	Đường giao thông bản Huổi Lọng	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Nong Lay	Chiềng La	2022-2023	5069-28/9/2022	1.276	1.276		1.169	1.169			1.169	0	0	
3	Đường giao thông bản Hán, xã Chiềng Pha	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Chiềng Pha	Bình Thuận	2022-2023	5264-11/10/2022	8.195	7.195		6.984	6.984			6.984	0	0	
4	Thủy lợi bản Hán	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Chiềng Pha	Bình Thuận	2022-2023	5101-05/10/2022	787	787		763	763			763	0	0	
5	Đường liên bản Hán - bản Nà Hèo, xã Chiềng Pha	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Chiềng Pha	Bình Thuận	2022-2023	5265-11/10/2022	7.717	6.717		6.540	6.540			6.540	0	0	
6	Nhà lớp học Trường TH - THCS Nong Lay	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Nong Lay	Chiềng La	2022-2023	5250-11/10/2022	7.340	7.340		7.211	7.211			7.211	0	0	

7	Bếp ăn cho học sinh Trường Mầm non Liệp Tè	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Liệp Tè	Mường Khiêng	2022-2023	5041-26/9/2022	500	500		476	476			476	0	0	
8	Nhà lớp học Trường Mầm Non Liệp Tè	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Liệp Tè	Mường Khiêng	2022-2023	5026-23/9/2022	2.796	2.796		2.767	2.767			2.767	0	0	
9	Nhà lớp học Trường Tiểu học Liệp Tè	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Liệp Tè	Mường Khiêng	2022-2023	4982-20/9/2022	7.051	7.051		6.471	6.471			6.471	0	0	
10	Nâng cấp nhà văn hóa bán Hán	UBND xã Chiềng Pha	UBND xã Bình Thuận	Chiềng Pha	Bình Thuận	2023-2024	66-17/4/2023	77	77		74	74			74			
11	Thủy Lợi bản Hiên, xã Liệp Tè	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Liệp Tè	Mường Khiêng	2024-2025	5610 16/11/2023	693	693		693	581			693	0	0	
12	Thủy Lợi Bó Mạ	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Nong Lay	Chiềng La	2024-2025	5800 22/11/2023	696	696		696	580	3		696	3	0	
13	Nhà bán trú Trường THCS Liệp Tè - Bản Hiên	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Liệp Tè	Mường Khiêng	2024-2025	6058 25/11/2023	5.222	5.222		4.833	4.747		147	4.833	0	147	
14	Kè chống sạt lở Trường Tiểu học Liệp Tè - Bản Hiên	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Liệp Tè	Mường Khiêng	2024-2025	6061 25/11/2023	2.200	2.200		2.121	2.121		813	2.121	0	813	
b	Các Dự án hoàn thành chưa quyết toán							22.350	22.350	0	22.090	21.168	1.203	1.637	22.090	1.203	1.637	
1	Đường giao bản Song - Quốc lộ 6	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Chiềng La	Chiềng La	2023-2024	1727-13/4/2023	7.079	7.079		7.079	6.861	113		7.079	113	0	
2	Lưới điện sinh hoạt tại các bản có đồng bào dân tộc La Ha	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Liệp tè, chiềng La, ...	Mường Khiêng; Chiềng La	2024-2025	6051 24/11/2023	6.000	6.000		5.775	5.696		1.027	5.775	0	1.027	
3	Nhà lớp học Trường THCS Liệp Tè - Bản Hiên	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Liệp Tè	Mường Khiêng	2024-2025	6059 24/11/2023	6.368	6.368		6.368	5.807	1.021	7	6.368	1.021	7	
4	Kè chống sạt lở Trường THCS Liệp Tè - Bản Hiên	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Liệp Tè	Mường Khiêng	2024-2025	6060 25/11/2023	1.497	1.497		1.497	1.433	69	233	1.497	69	233	
5	Nhà lớp học, phòng công vụ giáo viên và các hạng mục phụ trợ	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Chiềng La	Chiềng La	2024-2025	5611 16/11/2023	1.406	1.406		1.371	1.371		371	1.371	0	371	
c	Các Dự án chuyển tiếp							15.721	15.721	0	15.721	12.726	62	12.662	15.721	62	12.662	
1	Đường xuống bến đò bản Tát Ưót	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Liệp Tè	Mường Khiêng	2024-2025	4949 - 20/11/2024	1.550	1.550		1.550	1.508		1.508	1.550	0	1.508	
2	Nâng cấp, sửa chữa đường từ bản Tát ưót đi trung tâm xã Liệp Tè	Ban QLDA huyện	Đã chuyển về xã Mường Khiêng làm CĐT	Liệp Tè	Mường Khiêng	2024-2025	4950 - 21/11/2024	1.920	1.920		1.920				1.920			

3	Đường nội bộ bản Song, xã Chiềng La	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Liệp Tè	Mường Khiêng	2024-2025	4951 - 21/11/2024	1.605	1.605		1.605	1.306		1.305	1.605	0	1.305	
4	Đường giao thông nội bản Bó Mạ	Ban QLDA huyện	Đã chuyển về xã Mường Khiêng làm CĐT	Liệp Tè	Mường Khiêng	2024-2025	4952 - 21/11/2024	463	463		463				463			
5	Đường nội bản Huổi Long, xã Nong Lay	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Nong Lay	Chiềng La	2024-2025	4953 - 21/11/2024	363	363		363	309		309	363	0	309	
6	Nâng cấp, cải tạo đường nội bộ bản Bó Mạ	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Nong Lay	Chiềng La	2024-2025	4954 - 21/11/2024	1.320	1.320		1.320	1.320		1.320	1.320	0	1.320	
7	Nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước đường giao thông bản Huổi Long	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Nong Lay	Chiềng La	2024-2025	1506 - 03/4/2025	1.500	1.500		1.500	1.500		1.500	1.500	0	1.500	
8	Nâng cấp, cải tạo đường từ trung tâm xã - bản Song, xã Chiềng La	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Chiềng La	Chiềng La	2024-2025	1689 - 10/4/2025	1.700	1.700		1.700	1.700		1.700	1.700	0	1.700	
9	Đường bản Song (xã Chiềng La) - bản Hán (xã Phông Ly)	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Chiềng La	Chiềng La	2024-2025	1673 - 09/4/2025	1.800	1.800		1.800	1.800		1.800	1.800	0	1.800	
10	Nhà lớp học trường mầm non Ánh Hồng - bản Hiên, xã Liệp Tè	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Liệp Tè	Mường Khiêng	2024-2025	1686 10/4/2025	3.500	3.500		3.500	3.282	62	3.220	3.500	62	3.220	
d	Nộp trả UBND tỉnh tại QĐ số 272 ngày 29/01/2024 của UBND huyện TC											145						

Biểu số 01.10
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN
KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI HUYỆN YÊN CHÂU QUẢN LÝ VỀ KẾ HOẠCH
ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025 CẤP TỈNH QUẢN LÝ
(Kèm theo Nghị quyết số 546/NQ- HĐND ngày 22/8/2025 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục Dự án	Chủ đầu tư theo quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Chủ đầu tư điều chỉnh (sau khi sắp nhập)	Địa điểm thực hiện dự án theo Quyết định đầu tư	Địa điểm thực hiện dự án sau sắp xếp	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt dự án				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Nguồn vốn CTMTQG)	Lũy kế kế hoạch vốn đã giao đến năm 2025			Điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh quản lý			Ghi chú
							Số, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó			Tổng số	Trong đó: Kế hoạch vốn giao năm 2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn giao năm 2025		
									Nguồn vốn CTMTQG	Ngân sách huyện			Kế hoạch vốn chuyển nguồn từ các năm trước	Kế hoạch giao năm 2025		Kế hoạch vốn chuyển nguồn từ các năm trước	Kế hoạch giao năm 2025	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	TỔNG SỐ							236.129	195.631	40.498	193.995	185.188	1.821	26.178	193.995	1.821	26.178	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt							61.431	58.863	2.568	57.227	54.372	1.605	9.070	57.227	1.605	9.070	
a	Hỗ trợ đất ở																	
b	Hỗ trợ nhà ở							5.588	5.080	508	5.080	5.080		0	5.080		0	
*	Các Dự án hoàn thành quyết toán							5.280	4.800	480	4.800	4.800	0	0	4.800	0	0	
1	Chiềng Khoi	UBND xã Chiềng Khoi	UBND xã Yên Châu	Xã Chiềng Khoi	Xã Yên Châu	2022-2024		44	40	4	40	40			40			
2	Chiềng Hặc	UBND xã Chiềng Hặc	UBND xã Chiềng Hặc	Xã Chiềng Hặc	Xã Chiềng Hặc	2022-2024		44	40	4	40	40			40			
3	Mường Lựm	UBND xã Mường Lựm	UBND xã Chiềng Hặc	Xã Mường Lựm	Xã Chiềng Hặc	2022-2024		44	40	4	40	40			40			
4	Tú Nang	UBND xã Tú Nang	UBND xã Chiềng Hặc	Xã Tú Nang	Xã Chiềng Hặc	2022-2024		396	360	36	360	360			360			

5	Phiêng Khoài	UBND xã Phiêng Khoài	UBND xã Phiêng Khoài	Xã Phiêng Khoài	Xã Phiêng Khoài	2022-2024		2.024	1.840	184	1.840	1.840			1.840			
6	Lóng Phiêng	UBND xã Lóng Phiêng	UBND xã Lóng Phiêng	Xã Lóng Phiêng	Xã Lóng Phiêng	2022-2024		220	200	20	200	200			200			
7	Sấp Vát	UBND xã Sấp Vát	UBND xã Yên Châu	Xã Sấp Vát	Xã Yên Châu	2022-2024		176	160	16	160	160			160			
8	Viêng Lán	UBND xã Viêng Lán	UBND xã Yên Châu	Xã Viêng Lán	Xã Yên Châu	2022-2024		44	40	4	40	40			40			
9	Yên Sơn	UBND xã Yên Sơn	UBND xã Yên Sơn	Xã Yên Sơn	Xã Yên Sơn	2022-2024		132	120	12	120	120			120			
10	Chiềng Tương	UBND xã Chiềng Tương	UBND xã Lóng Phiêng	Xã Chiềng Tương	Xã Lóng Phiêng	2022-2024		264	240	24	240	240			240			
11	Chiềng Sàng	UBND xã Chiềng Sàng	UBND xã Yên Châu	Xã Chiềng Sàng	Xã Yên Châu	2022-2024		88	80	8	80	80			80			
12	Chiềng Păn	UBND xã Chiềng Păn	UBND xã Yên Châu	Xã Chiềng Păn	Xã Yên Châu	2022-2024		44	40	4	40	40			40			
13	Chiềng Đông	UBND xã Chiềng Đông	UBND xã Yên Châu	Xã Chiềng Đông	Xã Yên Châu	2022-2024		396	360	36	360	360			360			
14	Chiềng On	UBND xã Chiềng On	UBND xã Yên Sơn	Xã Chiềng On	Xã Yên Sơn	2022-2024		1.364	1.240	124	1.240	1.240			1.240			
*	Các Dự án chuyển tiếp							308	280	28	280	280	0	0	280	0	0	
1	Mường Lựm	UBND xã Mường Lựm	UBND xã Chiềng Hặc	Xã Mường Lựm	Xã Chiềng Hặc	2022-2024		88	80	8	80	80			80			
2	Tú Nang	UBND xã Tú Nang	UBND xã Chiềng Hặc	Xã Tú Nang	Xã Chiềng Hặc	2022-2024		176	160	16	160	160			160			
3	Phiêng Khoài	UBND xã Phiêng Khoài	UBND xã Phiêng Khoài	Xã Phiêng Khoài	Xã Phiêng Khoài	2022-2024		44	40	4	40	40			40			
c	Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề																	
d	Hỗ trợ nước sinh hoạt							55.843	53.783	2.060	52.147	49.292	1.605	9.070	52.147	1.605	9.070	
*	Các Dự án hoàn thành quyết toán							41.628	40.280	1.348	38.644	38.617	0	0	38.644	0	0	

1	Công trình nước sinh hoạt tập trung bản Bát Đông, xã Sập Vạt, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Sập Vạt	Xã Yên Châu	2022-2024	728/QĐ-UBND-12/8/2022	2.200	2.200	0	2.175	2.175			2.175			
2	Công trình nước sinh hoạt tập trung bản Na Pa, xã Sập Vạt, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Sập Vạt	Xã Yên Châu	2022-2024	753/QĐ-UBND-14/8/2022	1.350	1.350	0	1.315	1.315			1.315			
3	Công trình nước sinh hoạt tập trung bản Không, xã Sập Vạt, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Sập Vạt	Xã Yên Châu	2022-2024	740/QĐ-UBND-13/8/2022	2.200	2.200	0	2.006	2.006			2.006			
4	Công trình nước sinh hoạt tập trung bản Lao Khô 1, xã Phiêng Khoài, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Phiêng Khoài	Xã Phiêng Khoài	2022-2024	754/QĐ-UBND-14/8/2022	4.650	4.650	0	4.495	4.495			4.495			
5	Nước sinh hoạt tập trung bản Huổi Thón, xã Chiềng Hặc	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Hặc	Xã Chiềng Hặc	2024	1052/QĐ-UBND ngày 09/8/2024	2.655	2.540	115	2.428	2.428			2.428			
6	Sửa chữa hệ thống nước sinh hoạt bản Ten Luông, xã Phiêng Khoài	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Phiêng Khoài	Xã Phiêng Khoài	2024	1051/QĐ-UBND ngày 09/8/2024	1.808	1.730	78	1.640	1.640			1.640			
7	Hệ thống nước sinh hoạt bản Ái 1, xã Phiêng Khoài	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Phiêng Khoài	Xã Phiêng Khoài	2024	1053/QĐ-UBND ngày 09/8/2024	2.550	2.440	110	2.292	2.292			2.292			

8	Hệ thống nước sinh hoạt bản Nà Đít, xã Chiềng On	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng On	Xã Yên Sơn	2024	1048/QĐ-UBND ngày 09/8/2024	4.910	4.700	210	4.485	4.485			4.485			
9	Sửa chữa hệ thống nước sinh hoạt bản Tráng Nặm, xã Chiềng On	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng On	Xã Yên Sơn	2024	1049/QĐ-UBND ngày 09/8/2024	4.200	4.020	180	3.732	3.732			3.732			
10	Hệ thống nước sinh hoạt bản Chiềng Húng, xã Yên Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Yên Sơn	Xã Yên Sơn	2024	1050/QĐ-UBND ngày 09/8/2024	6.200	5.930	270	5.793	5.765			5.793			
11	Hệ thống nước sinh hoạt bản Lắc Phiêng, xã Chiềng Hặc	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Hặc	Xã Chiềng Hặc	2024	1056/QĐ-UBND ngày 09/8/2024	900	860	40	829	829			829			
12	Hệ thống nước sinh hoạt bản Đín Chi, xã Chiềng Tương	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Tương	Xã Lóng Phiêng	2024	1054/QĐ-UBND ngày 09/8/2024	1.780	1.700	80	1.634	1.634			1.634			
13	Hệ thống nước sinh hoạt Pa Kha I, xã Chiềng Tương	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Tương	Xã Lóng Phiêng	2024	1055/QĐ-UBND ngày 09/8/2024	4.925	4.710	215	4.599	4.599			4.599			
14	Hệ thống nước sinh hoạt bản Cang, xã Chiềng Hặc	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Hặc	Xã Chiềng Hặc	2024	1057/QĐ-UBND ngày 09/8/2024	1.300	1.250	50	1.221	1.221			1.221			
*	Các Dự án hoàn thành chưa quyết toán							14.215	13.503	712	13.503	10.675	1.605	9.070	13.503	1.605	9.070	

1	Nước sinh hoạt tập trung bản Pa Hóc, xã Chiềng Hặc, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Hặc	Xã Chiềng Hặc	2025	284/QĐ-UBND, ngày 05/3/2025	1.864	1.770	94	1.770	1.190		1.190	1.770		1.190	
2	Nước sinh hoạt tập trung bản Hua Đán, xã Tú Nang, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Tú Nang	Xã Chiềng Hặc	2025	285/QĐ-UBND, ngày 05/3/2025	4.960	4.710	250	4.710	3.860	695	3.165	4.710	695	3.165	
3	Nước sinh hoạt tập trung bản Co Mon, xã Phiêng Khoài, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Phiêng Khoài	Xã Phiêng Khoài	2025	286/QĐ-UBND, ngày 05/3/2025	2.550	2.422	128	2.422	1.982	357	1.625	2.422	357	1.625	
4	Nước sinh hoạt tập trung bản Nà Cài, xã Chiềng On, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng On	Xã Yên Sơn	2025	287/QĐ-UBND, ngày 05/3/2025	2.240	2.130	110	2.130	1.745	315	1.430	2.130	315	1.430	
5	Nước sinh hoạt tập trung bản Suối Dương, xã Chiềng Đông, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Đông	Xã Yên Châu	2025	288/QĐ-UBND, ngày 05/3/2025	900	855	45	855	575		575	855		575	
6	Nước sinh hoạt tập trung bản Đáo, xã Mường Lựm, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Mường Lựm	Xã Chiềng Hặc	2025	289/QĐ-UBND, ngày 05/3/2025	1.701	1.616	85	1.616	1.323	238	1.085	1.616	238	1.085	
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết							14.810	14.810	0	14.810	14.694	158	0	14.810	158	0	
a	Các Dự án hoàn thành quyết toán							14.810	14.810	0	14.810	14.694	158	0	14.810	158	0	

1	Dự án định canh định cư bản Nậm Bó, xã Phiêng Khoài, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Phiêng Khoài	Xã Phiêng Khoài	2022-2024	729/QĐ-UBND-12/8/2022	4.944	4.944		4.944	4.828			4.944			
2	Dự án bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Tô Buông, xã Lóng Phiêng, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Lóng Phiêng	Xã Lóng Phiêng	2022-2024	751/QĐ-UBND-14/8/2022	9.866	9.866		9.866	9.866	158		9.866	158		
3	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công							150.395	112.605	37.790	112.605	106.986	0	16.360	112.605	0	16.360	
3.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi							150.395	112.605	37.790	112.605	106.986	0	16.360	112.605	0	16.360	
a	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên đối với các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn.							146.795	109.605	37.190	109.605	103.986	0	16.360	109.605	0	16.360	
*	Các Dự án hoàn thành quyết toán							82.200	66.381	15.819	66.381	65.120	0	2.821	66.381	0	2.821	
1	Nhà văn hóa bản Thín, xã Sáp Vạt, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Sáp Vạt	Xã Yên Châu	2022-2024	733/QĐ-UBND-12/8/2022	900	810	90	810	770			810			
2	Nhà văn hóa bản Khá, xã Sáp Vạt, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Sáp Vạt	Xã Yên Châu	2022-2024	72/QĐ-UBND-08/02/2023	2.400	810	1.590	810	810			810			
3	Nhà văn hóa bản Nghè, xã Sáp Vạt, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Sáp Vạt	Xã Yên Châu	2022-2024	735/QĐ-UBND-12/8/2022	1.200	1.080	120	1.080	1.066			1.080			
4	Bổ sung cơ sở vật chất trường mầm non Hòa Bình, xã Sáp Vạt, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Sáp Vạt	Xã Yên Châu	2022-2024	732/QĐ-UBND-12/8/2022	4.340	4.340	0	4.340	4.242			4.340			

5	Nhà văn hóa bán Pá Sang, xã Sáp Vạt, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Sáp Vạt	Xã Yên Châu	2022-2024	1013/QĐ-UBND-07/10/2022	900	810	90	810	769			810			
6	Nhà văn hóa xã Sáp Vạt, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Sáp Vạt	Xã Yên Châu	2022-2024	1014/QĐ-UBND-07/10/2022	2.150	2.150	0	2.150	2.138			2.150			
7	Nhà văn hóa bán Cò Chĩa, xã Yên Sơn, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Yên Sơn	Xã Yên Sơn	2022-2024	743/QĐ-UBND-13/8/2022	1.200	1.100	100	1.100	1.075			1.100			
8	Nhà văn hóa bán Kim Sơn 1, xã Yên Sơn, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Yên Sơn	Xã Yên Sơn	2022-2024	744/QĐ-UBND-13/8/2022	1.000	900	100	900	883			900			
9	Cải tạo, sửa chữa, bổ sung cơ sở vật chất Trường TH - THCS Yên Sơn, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Yên Sơn	Xã Yên Sơn	2024-2025	1757/QĐ-UBND-30/10/2023	4.371	4.371	0	4.371	4.371		1.310	4.371		1.310	
10	Nhà văn hóa bán Nhôm, xã Chiềng Đông, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Đông	Xã Yên Châu	2022-2024	731/QĐ-UBND-12/8/2022	1.000	900	100	900	890			900			
11	Nhà văn hóa xã Chiềng Đông, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Đông	Xã Yên Châu	2022-2024	742/QĐ-UBND-13/8/2022	2.500	2.500	0	2.500	2.242			2.500			

12	Nâng cấp đường từ QL6 - Thôn Luông, xã Chiềng Đông, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Đông	Xã Yên Châu	2022-2024	752/QĐ-UBND-14/8/2022	2.900	2.400	500	2.400	2.400			2.400			
13	Bổ sung cơ sở vật chất Trường THCS Chiềng Đông, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Đông	Xã Yên Châu	2024-2025	1758/QĐ-UBND-30/10/2023	2.273	2.273	0	2.273	2.273		367	2.273		367	
14	Nhà văn hóa bản Nà Dít, xã Chiềng On, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng On	Xã Yên Sơn	2022-2024	745/QĐ-UBND-13/8/2022	1.500	1.420	80	1.420	1.330			1.420			
15	Nhà văn hóa bản Đìn Chí, xã Chiềng On, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng On	Xã Yên Sơn	2022-2024	1017/QĐ-UBND-07/10/2022	1.200	1.080	120	1.080	1.035			1.080			
16	Nhà văn hóa bản Mường Lựm, xã Mường Lựm, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Mường Lựm	Xã Chiềng Hắc	2022-2024	1015/QĐ-UBND-07/10/2022	1.100	1.000	100	1.000	987			1.000			
17	Nhà văn hóa bản Mế, xã Mường Lựm, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Mường Lựm	Xã Chiềng Hắc	2022-2024	1016/QĐ-UBND-07/10/2022	1.100	1.000	100	1.000	977			1.000			
18	Nâng cấp đường từ Ngã ba Ôn Ốc - Bản Dào, xã Mường Lựm, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Mường Lựm	Xã Chiềng Hắc	2022-2024	1121/QĐ-UBND-24/10/2022	8.000	8.000	0	8.000	7.816			8.000			

19	Bổ sung cơ sở vật chất Trường Mầm non Sao Mai, xã Tú Nang, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Tú Nang	Xã Chiềng Hặc	2022-2024	1122/QĐ-UBND-24/10/2022	4.000	4.000	0	4.000	3.897			4.000			
20	Nâng cấp đường Bô Môn - Cay Ton, xã Tú Nang, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Tú Nang	Xã Chiềng Hặc	2022-2024	1123/QĐ-UBND-24/10/2022	7.600	6.000	1.600	6.000	5.787			6.000			
21	Bổ sung cơ sở vật chất trường Mầm non Hoa Mai, xã Phiêng Khoài, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Phiêng Khoài	Xã Phiêng Khoài	2022-2024	1125/QĐ-UBND-24/10/2022	5.000	5.000	0	5.000	4.925			5.000			
22	Nâng cấp đường Bô Rôm - Hang Cẩn, xã Phiêng Khoài, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Phiêng Khoài	Xã Phiêng Khoài	2024-2025	1779/QĐ-UBND-02/11/2023	5.729	3.000	2.729	3.000	3.000		1.144	3.000		1.144	
23	Nâng cấp đường Nà Múa - Cò Chĩa, xã Lóng Phiêng, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Lóng Phiêng	Xã Lóng Phiêng	2022-2024	1126/QĐ-UBND-24/10/2022	14.900	10.000	4.900	10.000	10.000			10.000			
24	Hệ thống thủy lợi phai Khê, xã Chiềng Sàng, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Sàng	Xã Yên Châu	2022-2024	750/QĐ-UBND-14/8/2022	4.937	1.437	3.500	1.437	1.437			1.437			
*	Các Dự án hoàn thành chưa quyết toán							37.341	19.741	17.600	19.741	18.812	0	2.885	19.741	0	2.885	
1	Nâng cấp đường từ Trung tâm xã Chiềng Tương - Đín Chĩ, Pom Khóc, xã Chiềng Tương huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Tương	Xã Lóng Phiêng	2022-2024	1124/QĐ-UBND-24/10/2022	24.841	9.741	15.100	9.741	9.741			9.741			

2	Nâng cấp đường Huôi Tỏi - Pa Hóc, xã Chiềng Hắc, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Hắc	Xã Chiềng Hắc	2024-2025	1797/QĐ-UBND-10/11/2023	12.500	10.000	2.500	10.000	9.071		2.885	10.000		2.885	
*	Các Dự án chuyển tiếp							27.254	23.483	3.771	23.483	20.055	0	10.654	23.483	0	10.654	
1	Dự án cấp điện nông thôn trên địa bàn huyện Yên Châu giai đoạn 2023-2025	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Huyện Yên Châu	Các xã	2023-2025	408-17/5/2023	27.254	23.483	3.771	23.483	20.055		10.654	23.483		10.654	
b	Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.							3.600	3.000	600	3.000	3.000	0	0	3.000	0	0	
*	Các Dự án hoàn thành quyết toán							3.600	3.000	600	3.000	3.000	0	0	3.000	0	0	
1	Đầu tư chợ xã Yên Sơn, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Yên Sơn	Xã Yên Sơn	2022-2024	730/QĐ-UBND-12/8/2022	1.750	1.500	250	1.500	1.500			1.500			
2	Đầu tư chợ xã Chiềng On, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng On	Xã Yên Sơn	2022-2024	741/QĐ-UBND-13/8/2022	1.850	1.500	350	1.500	1.500			1.500			
4	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực							7.082	7.082	0	7.082	6.978	58	0	7.082	58	0	
4.1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số							7.082	7.082	0	7.082	6.978	58	0	7.082	58	0	
a	Các Dự án hoàn thành quyết toán							7.082	7.082	0	7.082	6.978	58	0	7.082	58	0	

1	Trường PTDT bán trú THCS Chiềng On, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng On	Xã Yên Sơn	2022-2024	755/QĐ-UBND-14/8/2022	7.082	7.082		7.082	6.978	58		7.082	58		
5	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch							2.411	2.271	140	2.271	2.158	0	748	2.271	0	748	
a	Các Dự án hoàn thành quyết toán							2.411	2.271	140	2.271	2.158	0	748	2.271	0	748	
1	Nhà văn hóa bản Ái 1, xã Phiêng Khoài, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Phiêng Khoài	Xã Phiêng Khoài	2024-2025	1756/QĐ-UBND-30/10/2023	1.540	1.400	140	1.400	1.287		748	1.400		748	
2	Cải tạo Nhà văn hóa bản Cồn Huốt II, xã Phiêng Khoài, huyện Yên Châu	UBND xã Phiêng Khoài	UBND xã Phiêng Khoài	Xã Phiêng Khoài	Xã Phiêng Khoài	2023	369/QĐ-UBND-04/5/2023	298	298		298	298			298			
3	Cải tạo Nhà văn hóa bản Khuông, xã Chiềng On, huyện Yên Châu	UBND xã Chiềng On	UBND xã Yên Sơn	Xã Chiềng On	Xã Yên Sơn	2023	370/QĐ-UBND-04/5/2023	275	275		275	275			275			
4	Cải tạo Nhà văn hóa bản Hạm, xã Chiềng Đông, huyện Yên Châu	UBND xã Chiềng Đông	UBND xã Yên Châu	Xã Chiềng Đông	Xã Yên Châu	2024	1731/QĐ-UBND-13/10/2023	298	298		298	298			298			

Biểu số 01.11

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN
KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI HUYỆN VÂN HỒ QUẢN LÝ VỀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ
CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025 CẤP TỈNH QUẢN LÝ
(Kèm theo Nghị quyết số 546/NQ- HĐND ngày 22/8/2025 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục Dự án	Chủ đầu tư theo quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Chủ đầu tư điều chỉnh (sau khi sắp nhập)	Địa điểm thực hiện dự án theo Quyết định đầu tư	Địa điểm thực hiện dự án sau sắp xếp	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt dự án				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Nguồn vốn CTMTQG)	Lũy kế kế hoạch vốn đã giao đến năm 2025			Điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh quản lý			Ghi chú
							Số, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó			Tổng số	Trong đó: Kế hoạch vốn giao năm 2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn giao năm 2025		
									Nguồn vốn CTMTQG	Ngân sách huyện			Kế hoạch vốn chuyên nguồn từ các năm trước	Kế hoạch giao năm 2025		Kế hoạch vốn chuyên nguồn từ các năm trước	Kế hoạch giao năm 2025	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	TỔNG SỐ										212.982	198.190	8.710	35.886	212.982	8.710	35.886	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt							28.157	21.293		37.056	35.207	6.200	8.327	37.056	6.200	8.327	
a	Hỗ trợ đất ở	UBND các xã				2023-2025					1.320	1.400	880		1.320	880		
1	Lóng Luông	UBND xã Lóng Luông	UBND xã Vân Hồ	Xã Lóng Luông	Xã Vân Hồ							40						
2	Xuân Nha	UBND xã Xuân Nha	UBND xã Xuân Nha	Xã Xuân Nha	Xã Xuân Nha							120						
3	Xã Chiềng Xuân	UBND xã Chiềng Xuân	UBND xã Chiềng Sơn	Xã Chiềng Xuân	Xã Chiềng Sơn							40						
4	Xã Liên Hòa	UBND xã Liên Hòa	UBND xã Song Khùa	Xã Liên Hòa	Xã Song Khùa							760	720			720		
5	Xã Mường Men	UBND xã Mường Men	UBND xã Vân Hồ	Xã Mường Men	Xã Vân Hồ							40						

6	Xã Quang Minh	UBND Xã Quang Minh	UBND xã Song Khùa	Xã Quang Minh	Xã Song Khùa							80						
7	Xã Tân Xuân	UBND xã Tân Xuân	UBND xã Xuân Nha	Xã Tân Xuân	Xã Xuân Nha							160						
8	Chiềng Yên	UBND xã Chiềng Yên	UBND xã Vân Hồ	Xã Chiềng Yên	Xã Vân Hồ							80	80			80		
9	Mường Tè	UBND xã Mường Tè	UBND xã Song Khùa	Xã Mường Tè	Xã Song Khùa													
10	Song Khùa	UBND xã Song Khùa	UBND xã Song Khùa	Xã Song Khùa	Xã Song Khùa													
11	Suối Bàng	UBND xã Suối Bàng	UBND xã Tô Múa	Xã Suối Bàng	Xã Tô Múa							80	80			80		
b	Hỗ trợ nhà ở	UBND các xã		UBND các xã		2023-2025						1.320	8.480	3.120		1.320	3.120	
1	Lóng luông	UBND xã Lóng luông	UBND xã Vân Hồ	Xã Lóng luông	Xã Vân Hồ							800						
2	Xuân Nha	UBND xã Xuân Nha	UBND xã Xuân Nha	Xã Xuân Nha	Xã Xuân Nha							640						
3	Chiềng Xuân	UBND Xã Chiềng Xuân	UBND xã Chiềng Sơn	Xã Chiềng Xuân	Xã Chiềng Sơn							600	160			160		
4	Chiềng Yên	UBND xã Chiềng Yên	UBND xã Vân Hồ	Xã Chiềng Yên	Xã Vân Hồ							480	240			240		
5	Liên Hòa	UBND Xã Liên Hòa	UBND xã Song Khùa	Xã Liên Hòa	Xã Song Khùa							1.160	960			960		
6	Lóng luông	UBND xã Lóng luông	UBND xã Vân Hồ	Xã Lóng luông	Xã Vân Hồ							360	360			360		
7	Mường Men	UBND Xã Mường Men	UBND xã Vân Hồ	Xã Mường Men	Xã Vân Hồ							320	240			240		
8	Mường Tè	UBND xã Mường Tè	UBND xã Song Khùa	Xã Mường Tè	Xã Song Khùa							880	120			120		
9	Quang Minh	UBND Xã Quang Minh	UBND xã Song Khùa	Xã Quang Minh	Xã Song Khùa							360	80			80		

10	Song Khùa	UBND xã Song Khùa	UBND xã Song Khùa	Xã Song Khùa	Xã Song Khùa							880						
11	Tân Xuân	UBND xã Tân Xuân	UBND xã Xuân Nha	Xã Tân Xuân	Xã Xuân Nha							240						
12	Chiềng Khoa	UBND xã Chiềng Khoa	UBND xã Tô Múa	Xã Chiềng Khoa	Xã Tô Múa							120						
13	Vân Hồ	UBND xã Vân Hồ	UBND xã Vân Hồ	Xã Vân Hồ	Xã Vân Hồ							400	40			40		
14	Tô Múa	UBND xã Tô Múa	UBND xã Tô Múa	Xã Tô Múa	Xã Tô Múa							320						
15	Suối Bàng	UBND xã Suối Bàng	UBND xã Tô Múa	Xã Suối Bàng	Xã Tô Múa							920	920			920		
c	Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề																	
d	Hỗ trợ nước sinh hoạt							27.446	20.643		25.100	25.100	2.200	7.087	25.100	2.200	7.087	
*	Các Dự án hoàn thành quyết toán							13.469	6.956		12.079	12.079			12.079			
1	NSH tập trung bán Khả Nhài xã Mường Men	Ban QLDA ĐTXD	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	Xã Mường Men	Xã Vân Hồ	2022-2023	901 14/9/2022	1.500	1.271		1.271	1.271			1.271			
2	NSH tập trung bán Chiềng Lè xã Chiềng Khoa	Ban QLDA ĐTXD	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	Chiềng Khoa	Xã Tô Múa	2022-2023	902 14/9/2022	1.400	1.152		1.152	1.152			1.152			
3	NSH tập trung bán Niên xã Chiềng Yên	Ban QLDA ĐTXD	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	Xã Chiềng Yên	Xã Vân Hồ	2022-2023	903 14/9/2022	1.600	1.337		1.337	1.337			1.337			
4	NSH tập trung bán Pa Cốp xã Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	Xã Vân Hồ	Xã Vân Hồ	2022-2023	808 31/8/2022	3.407	3.196		3.196	3.196			3.196			
5	NSH bán Cột Móc xã Tân Xuân	Ban QLDA ĐTXD	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	Xã Tân Xuân	Xã Xuân Nha	2023-2024	255-29/3/2023	2.231			2.069	2.069			2.069			
6	NSH bán Nhúng xã Mường Tè	Ban QLDA ĐTXD	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	Xã Mường Tè	Xã Song Khùa	2023-2024	283-06/4/2023	2.374			2.167	2.167			2.167			
7	NSH bán Pà Puộc xã	Ban QLDA	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ	Xã Chiềng Yên	Xã Vân Hồ	2023-2024	363-20/4/2023	957			887	887			887			

	Chiềng Yên	ĐTXD	thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn														
*	Các Dự án chuyển tiếp							13.977	13.688		13.021	13.021	2.200	7.087	13.021	2.200	7.087
1	Nước sinh hoạt tập trung bản Lũng Xá, bản Tà Dê, xã Lũng Luông, huyện Văn Hồ	Ban QLDA ĐTXD	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	Xã Lũng Luông	Xã Văn Hồ	2024	201 14/3/2024	8.000	8.000		7.821	7.821		4.087	7.821		4.087
2	Nâng cấp, sửa chữa nước sinh hoạt bản Chiềng Hìn, xã Xuân Nha	Ban QLDA ĐTXD	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	Xã Xuân Nha	Xã Xuân Nha	2025	1927 31/12/2024	1.493	1.493		1.300	1.300		1.300	1.300		1.300
3	Nước sinh hoạt bản Tà Phủ, xã Liên Hòa, huyện Văn Hồ	Ban QLDA ĐTXD	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	Xã Liên Hòa	Xã Song Khũa	2025	14 06/01/2025	1.995	1.995		1.700	1.700		1.700	1.700		1.700
4	Nâng cấp, sửa chữa nước sinh hoạt điểm tái định cư xen ghép Tường Hoa, bản Ngâm, xã Liên Hòa, huyện Văn Hồ	Ban QLDA ĐTXD	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	xã Liên Hòa	Xã Song Khũa	2025	13 06/01/2025	711	650		650	650	650		650	650	
5	Nâng cấp, sửa chữa nước sinh hoạt bản Tầu Dầu, xã Song Khũa, huyện Văn Hồ	Ban QLDA ĐTXD	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	Xã Song Khũa	Xã Song Khũa	2025	1926 31/12/2024	1.777	1.550		1.550	1.550	1.550		1.550	1.550	
e	Chưa phân bổ chi tiết										9.316	227		1.240	9.316		1.240
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết					-		16.854	14.519	-	15.281	14.519	1.016	408	15.281	1.016	408
a	Các Dự án hoàn thành quyết toán							14.154	12.681	-	12.681	12.681	69		12.681	69	
1	ĐA định canh định cư bản A Lang xã Tân xuân (gđ2)	Ban QLDA	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	Tân Xuân	Xã Xuân Nha	2022-2023	812 31/8/2022	4.126	3.744		3.744	3.744	69		3.744	69	
2	ĐA định canh định cư Pa Cốp xã Văn Hồ	Ban QLDA	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	Văn Hồ	Xã Văn Hồ	2022-2023	904 14/9/2022	10.028	8.937		8.937	8.937			8.937		
b	Các Dự án chuyển tiếp							2.700	1.838	-	1.838	1.838	947	408	1.838	947	408
1	Đường giao thông vào khu Tái định cư xen ghép ruộng Pi - bản Co Hó, xã Song Khũa, huyện Văn Hồ, tỉnh Sơn La	Ban QLDA	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	Xã Song Khũa	Xã Song Khũa	2024-2025	1525 - 01/11/2024	1.200	860		860	860	556	160	860	556	160

2	Đường giao thông từ bản Suối Nậu đến khu tái định cư xen ghép Tương Liên xã Liên Hòa, huyện Văn Hồ	Ban QLDA	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	Xã Liên Hòa	Xã Song Khũa	2024-2025	1524 - 01/11/2024	1.500	978		978	978	391	248	978	391	248	
c	Chưa phân bổ chi tiết										762				762			
3	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị										5.607				5.607			
*	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi										5.607				5.607			
	Chưa phân bổ										5.607				5.607			
3	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công							175.692	152.392		149.474	143.177	1.494	26.223	149.474	1.494	26.223	
3.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi							175.692	152.392		142.688	142.688	1.494	26.223	142.688	1.494	26.223	
a	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên đối với các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn.							172.986	149.686		140.722	140.722	1.349	26.223	140.722	1.349	26.223	
*	Các Dự án hoàn thành quyết toán							145.367	122.067		114.965	114.965	1.334	2.946	114.965	1.334	2.946	
1	Đường gt liên bản Nồn bản Lán xã Liên Hoà	Ban QLDA	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	Liên Hòa	Xã Song Khũa	2022-2023	804 31/8/2022	1.500	1.500		1.425	1.425			1.425			
2	Đường lên trường mầm non bản Tân thành xã Chiềng Xuân	Ban QLDA	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	Chiềng Xuân	Xã Chiềng Sơn	2022-2023	890 08/9/2022	541	541		603	603			603			
3	Đường từ bản Pơ tao đi bản Hinh xã Mường Tè	Ban QLDA	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	Mường Tè	Xã Song Khũa	2022-2023	911 14/9/2022	12.000	12.000		10.963	10.963			10.963			
4	Xây dựng cầu bản Pư lai xã Suối bàng	Ban QLDA	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	Suối Bàng	Xã Tô Múa	2022-2023	811 31/8/2022	1.680	1.680		2.222	2.222			2.222			
5	Bếp ăn điểm tr.tiểu học Tân thành, Nậm Đên - Ch.Xuân	Ban QLDA	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	Chiềng Xuân	Xã Chiềng Sơn	2022-2023	909 14/9/2022	588	588		641	641			641			
6	HT nương phai bản L.Luông, Suối bon xã Lóng Luông	Ban QLDA	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	Xã Lóng Luông	Xã Văn Hồ	2022-2023	900 14/9/2022	4.705	4.705		4.374	4.374			4.374			

7	Thủy lợi bản Pơ tảo xã Mường Tè	Ban QLDA	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	Mường Tè	Xã Song Khũa	2022-2023	810 31/8/2022	1.690	1.690		1.553	1.553			1.553			
8	Nhà lh bộ môn trường TH và THCS Mường Tè	Ban QLDA	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	Mường Tè	Xã Song Khũa	2022-2023	816 31/8/2022	5.995	5.995		5.695	5.695			5.695			
9	Đường lb Âm, Chiềng đa, bản Suối xã Suối Bàng	Ban QLDA	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	Chiềng Yên	Xã Tô Múa	2022-2023	1385-02/12/2021	15.000			2.166	2.166			2.166			
10	Ht bỏ sung tuyến đường từ tt xã Q.mính đến bản Lôm	Ban QLDA	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	Quang Minh	Xã Song Khũa	2022-2023	1389-02/12/2021	2.800			1.000	1.000			1.000			
11	Đường gtlb Tàu dầu - Un xã Song Khũa	Ban QLDA	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	Song Khũa	Xã Song Khũa	2022-2023	1393-02/12/2021	3.500	3.500		1.730	1.730			1.730			
12	Đường lb Suối Mực - Pà pụa - Chiềng yên	Ban QLDA	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	Xã Chiềng Yên	Xã Văn Hồ	2022-2023	1385-02/12/2021	15.000	15.000		10.080	10.080	1.037	480	10.080	1.037	480	
13	Nhà lh 2táp + Nhà vệ sinh trường THCS Xuân Nha	Ban QLDA	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	Xuân Nha	Xã Xuân Nha	2022-2023	1391-02/12/2021	5.500			3.035	3.035			3.035			
14	Nhà lh bản Ch. Lê TH-THCS Chiềng Khoa	Ban QLDA	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	Chiềng Khoa	Xã Tô Múa	2022-2023	1386-02/12/2021	2.600	2.600		1.565	1.565			1.565			
15	Đường GT từ tt xã đến bản To Ngùi xã Quang Minh	Ban QLDA	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	Xã Quang Minh	Xã Song Khũa	2022-2023	938/QĐ-UBND 22/9/2022	3.463	3.463		3.300	3.300			3.300			
16	Nc sửa chữa trạm truyền thanh - Truyền hình - X. Nha	Ban QLDA	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	Xã Xuân Nha	Xã Xuân Nha	2022-2023	939/QĐ-UBND 22/9/2022	1.100	1.100		970	970			970			
17	Bờ kè + tường Rào+ công trường + sân tr MN tt- S. Khũa	Ban QLDA	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	Xã Song Khũa	Xã Song Khũa	2022-2023	940/QĐ-UBND 22/9/2022	1.744	1.744		1.662	1.662			1.662			
18	Nc sửa chữa thủy lợi bản Thín xã Xuân Nha	Ban QLDA	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	Xã Xuân Nha	xã Xuân Nha	2022-2023	941/QĐ-UBND 22/9/2022	880	880		845	845			845			

19	Nhà văn hóa bán Suối Liếm	Ban QLDA	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	Xã Tô Múa	Xã Tô Múa	2022-2023	942/QĐ-UBND 22/9/2022	1.000	1.000		461	461			461			
20	Sân vận động Xuân Nha (các hạng mục phụ trợ)	Ban QLDA	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	xã Xuân Nha	Xã Xuân Nha	2023-2024	369-21/4/2023	1.421	1.421		1.312	1.312			1.312			
21	Khởi phòng hc 24p hạng mục phụ tr mầm non X.nha	Ban QLDA	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	xã Xuân Nha	Xã Xuân Nha	2023-2024	357-18/4/2022	3.369	3.369		3.180	3.180			3.180			
22	Đầu tư hạng mục phụ bờ kè, sân tr TH và THCS X. Nha	Ban QLDA	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	xã Xuân Nha	Xã Xuân Nha	2023-2024	350-17/4/2022	1.278	1.278		1.142	1.142			1.142			
23	Đầu tư hạng mục phụ tr. Tàu Dâu bờ kè, sân tr TH và THCS S. Khúa	Ban QLDA	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	xã Song Khúa	Xã Song Khúa	2023-2024	300-11/4/2023	541	541		498	498			498			
24	Kè chắn đất khu dc bán Pù lầu xã Xuân Nha	Ban QLDA	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	Xã Xuân Nha	Xã Xuân Nha	2023-2024	351 17/4/2023	1.439	1.439		1.327	1.327			1.327			
25	Đầu tư hạng mục phụ Bán Thín bếp ăn bờ kè, sân tr mầm non X.Nha	Ban QLDA	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	xã Xuân Nha	Xã Xuân Nha	2023-2024	362-20/4/2023	985	985		905	905			905			
26	Đường gt từ b. Tân thành đi bán Nậm Dền xã Chiềng xuân	Ban QLDA	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	Xã Chiềng Xuân	Xã Chiềng Sơn	2023-2024	287-06/4/2023	6.500	6.500		6.142	6.142			6.142			
27	Đường ngõ xóm bán Pù lầu xã Xuân Nha	UBND xã Xuân Nha	UBND xã Xuân Nha	Xã Xuân Nha	Xã Xuân Nha	2023	45-06/4/2023	498	498		498	498			498			
28	Đường nội đồng bán Mường An xã Xuân Nha	UBND xã Xuân Nha	UBND xã Xuân Nha	Xã Xuân Nha	Xã Xuân Nha	2023	46-07/4/2023	495	495		495	495			495			
29	Đường nội đồng bán Thín xã Xuân Nha	UBND xã Xuân Nha	UBND xã Xuân Nha	Xã Xuân Nha	Xã Xuân Nha	2023	47-07/4/2023	498	498		498	498			498			
30	Hệ thống mương phai bán Pá cốp xã Văn Hồ	Ban QLDA	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	Xã Văn Hồ	Xã Văn Hồ	2023-2024	282-06/4/2023	2.005	2.005		2.304	2.304			2.304			
31	Lớp học điểm tr. TT tr. TH và THCS Song khúa	Ban QLDA	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	Xã Song Khúa	Xã Song Khúa	2023-2024		2.800	2.800		2.640	2.640			2.640			

32	Nhà hiệu bộ điểm trường tt tr. Mầm non Song Khũa	Ban QLDA	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	Xã Song Khũa	Xã Song Khũa	2023-2024		2.000	2.000		1.832	1.832			1.832			
33	NSH và thoát ngập bán Khảm xã Tô Múa	Ban QLDA	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	Xã Tô Múa	Xã Tô Múa	2023-2024	544-19/5/2023	2.366	2.366		2.175	2.175			2.175			
34	Đầu tư điện nông thôn điện không an toàn huyện Văn Hồ	Ban QLDA	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	Huyện Văn Hồ	UBND các xã	2023-2025	810 07/7/2023	27.720	27.720		26.626	26.626	262		26.626	262		
35	Đường giao thông từ đầu bán Co Hồ đến điểm ĐTC Pura Đình	Ban QLDA	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	Song Khũa	Xã Song Khũa	2022-2023	706 13/6/2024	2.818	2.818		2.655	2.655	35		2.655	35		
36	Điểm trường Mầm non bán Mường An (Bếp ăn, tường bao)	Ban QLDA	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	Xuân Nha	Xã Xuân Nha	2022-2023	521 08/5/2024	912	912		846	846	16		846		16	
37	Đầu tư Nhà lớp học 2T8P điểm trường THCS Tô Múa	Ban QLDA	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	Tô Múa	Xã Tô Múa	2022-2023	707 13/6/2024	6.436	6.436		5.600	5.600		2.450	5.600		2.450	
*	<i>Các Dự án hoàn thành chưa quyết toán</i>							2.619	2.619		2.480	2.480	15		2.480	15		
1	Nhà lớp học 2T4P TH & THCS bán Khoang Tường	Ban QLDA	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	Xã Suối Bàng	Xã Tô Múa	2024-2025	432 12/4/2024	2.619	2.619		2.480	2.480	15		2.480	15		
*	<i>Các Dự án chuyển tiếp</i>							25.000	25.000		23.277	23.277		23.277	23.277		23.277	
1	Đường liên bản Tây Tà Lão và Đông Tà Lão xã Tân Xuân, huyện Văn Hồ	Ban QLDA	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	Xã Tân Xuân	Xã Song Khũa	2025-2026	627 14/5/2025	7.000	7.000		6.800	6.800		6.800	6.800		6.800	
2	Đường từ TL 101 đến bản Hào xã Mường Tè, huyện Văn Hồ	Ban QLDA	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	Xã Mường Tè	Xã Song Khũa	2025-2026	628 14/5/2025	5.250	5.250		4.700	4.700		4.700	4.700		4.700	
3	Đường từ trung tâm bản Nà Pa - bản Cóm xã Mường Men, huyện Văn Hồ	Ban QLDA	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	Xã Mường Men	Xã Văn Hồ	2025-2026	629 14/5/2025	5.250	5.250		4.700	4.700		4.700	4.700		4.700	
4	Đường từ trung tâm bản Nà Pa - bản Chột xã Mường Men huyện Văn Hồ	Ban QLDA	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	Xã Mường Men	Xã Văn Hồ	2025-2026	630 14/5/2025	7.500	7.500		7.077	7.077		7.077	7.077		7.077	
*	<i>Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu</i>							2.706	2.706		1.966	1.966	145		1.966	145		

	<i>số và miền núi.</i>																
1	Đầu tư chợ trung tâm xã Xuân Nha	Ban QLDA	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	Xuân Nha	Xã Xuân Nha	2022-2023	906 14/9/2022	2.706	2.706		1.966	1.966	145		1.966	145	
3.2	Chưa phân bổ							25.000	25.000		6.786	489			6.786		
4	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực										5.564	5.287		928	5.564	928	
4.1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số										5.564	5.287		928	5.564	928	
a	Các Dự án hoàn thành quyết toán							6.416	6.416		5.564	5.287		928	5.564	928	
1	Công trình Trường TH và THCS Mường Men	Ban QLDA ĐTXD	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	Xã Mường Men	Xã Văn Hồ	2023-2024	344-14/4/2023	6.416	6.416		5.564	5.287		928	5.564	928	

Biểu số 01.12

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN
KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI THÀNH PHỐ SƠN LA QUẢN LÝ VỀ KẾ HOẠCH
ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025 CẤP TỈNH QUẢN LÝ
(Kèm theo Nghị quyết số 546/NQ- HĐND ngày 22/8/2025 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục Dự án	Chủ đầu tư theo quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Chủ đầu tư điều chỉnh (sau khi sắp nhập)	Địa điểm thực hiện dự án theo Quyết định đầu tư	Địa điểm thực hiện dự án sau sắp xếp	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt dự án				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Nguồn vốn CTMTQG)	Lũy kế kế hoạch vốn đã giao đến năm 2025			Điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh quản lý			Ghi chú
							Số, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó			Tổng số	Trong đó: Kế hoạch vốn giao năm 2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn giao năm 2025		
									Nguồn vốn CTMTQG	Ngân sách huyện			Kế hoạch vốn chuyển nguồn từ các năm trước	Kế hoạch giao năm 2025		Kế hoạch vốn chuyển nguồn từ các năm trước	Kế hoạch giao năm 2025	
1	2	3		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	TỔNG SỐ							16.626	16.626	0	15.901	15.107	314	1.555	15.901	314	1.555	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt							16.626	16.626	0	15.901	15.107	314	1.555	15.901	314	1.555	
a	Hỗ trợ nước sinh hoạt							16.626	16.626	0	15.901	15.107	314	1.555	15.901	314	1.555	
*	Các Dự án hoàn thành quyết toán							14.626	14.626	0	13.238	13.238	0	0	13.238	0	0	
1	Cấp nước sinh hoạt bản Tam, xã Chiềng Đen, thành phố Sơn La	Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố Sơn La	Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố Sơn La	Xã Chiềng Đen	Phường Chiềng An	2022-2024	1905-25/8/2022	1.227	1.227		1.095	1.095			1.095			
2	Nước sinh hoạt bản Hoàng Văn Thụ, xã Hua La, thành phố Sơn La	Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố Sơn La	Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố Sơn La	Xã Hua La	Phường Chiềng Còi	2022-2024	1906-25/8/2022	1.759	1.759		1.411	1.411			1.411			
3	Nước sinh hoạt bản Nà Lo, xã Chiềng Ngần, thành phố Sơn La	Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố Sơn La	Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố Sơn La	Xã Chiềng Ngần	Phường Chiềng Sinh	2022-2024	1907-25/8/2022	2.134	2.134		1.932	1.932			1.932			

4	Nước sinh hoạt bản Hĩa, xã Hua La, thành phố Sơn La	Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố Sơn La	Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố Sơn La	Xã Hua La	Phường Chiềng Cỏi	2022-2024	1908-25/8/2022	1.134	1.134		973	973			973			
5	Nước sinh hoạt bản Co Phung xã Hua La, thành phố Sơn La	Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố Sơn La	Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố Sơn La	Xã Hua La	Phường Chiềng Cỏi	2022-2024	1909-25/8/2022	2.851	2.851		2.612	2.612			2.612			
6	Nước sinh hoạt bản Ót Nọi, xã Chiềng Cọ, thành phố Sơn La	Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố Sơn La	Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố Sơn La	Xã Chiềng Cọ	Phường Chiềng Cỏi	2024-2025	436-08/3/2024	3.122	3.122		2.913	2.913			2.913			
7	Nước sinh hoạt bản Ót Luông, xã Chiềng Cọ, thành phố Sơn La	Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố Sơn La	Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố Sơn La	Xã Chiềng Cọ	Phường Chiềng Cỏi	2024-2025	442-11/3/2024	2.400	2.400		2.301	2.301			2.301			
*	Các Dự án chuyển tiếp							2.000	2.000	0	1.869	1.869	314	1.555	1.869	314	1.555	
1	Nước sinh hoạt tổ 3, tổ 4, bản Lá Sắng, phường Chiềng An, thành phố Sơn La	Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố Sơn La	Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố Sơn La	Phường Chiềng An	Phường Chiềng An	2025-2026	2940 - 27/12/2024	2.000	2.000		1.869	1.869	314	1.555	1.869	314	1.555	
*	Chưa giao chi tiết							0	0	0	794	0	0	0	794	0	0	

Biểu số 02
ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN DỰ ÁN TIÊU DỰ ÁN 1, DỰ ÁN 4 VÀ DỰ ÁN 6 CHƯƠNG TRÌNH
MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI
(Kèm theo Nghị quyết số 546/NQ-HĐND ngày 22/8/2025 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

		Chủ đầu tư		Địa điểm		Quy mô đầu tư		Tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn				Kế hoạch vốn trung hạn còn dư	Ghi chú
		Đã phê duyệt	Nội dung điều chỉnh	Đã phê duyệt	Nội dung điều chỉnh	Quy mô đầu tư đã được phê duyệt	Quy mô đầu tư điều chỉnh, bổ sung	Đã được phê duyệt		Đề nghị điều chỉnh, bổ sung			
								Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn NSTW hỗ trợ	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn NSTW hỗ trợ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG SỐ							166.570	95.792	162.870	93.118	2.673	
I	ĐIỀU CHỈNH QUY MÔ, TỔNG MỨC ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT TẠI CÁC NGHỊ QUYẾT SỐ 291/NQ- HĐND NGÀY 31/01/2024, SỐ 325/NQ-HĐND NGÀY 16/5/2024, SỐ 379/NQ-HĐND NGÀY 02/10/2024, SỐ 400/NQ-HĐND NGÀY 29/10/2024, SỐ 488/NQ-HĐND NGÀY 29/4/2025 (TIÊU DỰ ÁN 1, DỰ ÁN 4)							156.340	85.562	153.268	83.516	2.046	
1	Đầu tư cứng hóa đường giao thông từ bản Bua Hin - trung tâm xã Mường Hung, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La (Nghị quyết số 291/NQ- HĐND ngày 31/01/2024)	UBND huyện Sông Mã	UBND xã Mường Hung	Huyện Sông Mã	Xã Mường Hung	Giữ nguyên quy mô (Chiều dài tuyến L= 12 Km; Thiết kế theo tiêu chuẩn đường GTNT loại B (TCVN 10380-2014); Tuyến 1, có điểm đầu tại điểm đầu nối với đường bê tông thuộc bản Bua Hin, điểm cuối tại ngã ba Yên Sơn, xã Mường Hung, với tổng chiều dài L1 = 7,1 km; Tuyến 2, có điểm đầu trùng với Km2 + 969 tuyến 1, thuộc bản Co Bướm, điểm cuối tại bản Kéo Co, xã Mường Hung, với tổng chiều dài L2 = 2,6 km; Tuyến 3, có điểm đầu trùng với Km1 + 087 tuyến 2, thuộc bản Nà Ngần, điểm cuối tại nhà Văn hóa bản Huổi Ơi, xã Mường Hung, với tổng chiều dài L3 = 2,3 km.	Xây dựng tuyến đạt tiêu chuẩn đường GTNT cấp B (TCVN 10380:2014) với tổng chiều dài đầu tư xây dựng cứng hóa L=11,779Km. - Tuyến 1 có điểm đầu kết nối với đường bê tông thuộc bản Hua Bin, điểm cuối tại ngã ba Yên Sơn, xã Mường Hung với chiều dài L1=7,077Km; - Tuyến 2 có điểm đầu đầu nối với Km2+969 tuyến 1, thuộc bản Co Bướm, điểm cuối tại bản Co Kéo, xã Mường Hung với chiều dài L2= 2,544Km; - Tuyến 3 có điểm đầu đầu nối với Km1+087 tuyến 2, thuộc bản Nà Ngần, điểm cuối tại nhà văn hóa bản Huổi Ơi, xã Mường Hung với chiều dài L3= 2,158Km.	36.000	19.200	34.846	18.846	353,60	Điều chỉnh tổng mức đầu tư theo quyết định phê duyệt dự án. Điều chỉnh chủ đầu tư và địa điểm xây dựng theo quyết định số 1658/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của UBND tỉnh

2	Cứng hóa đường từ bản Suối Gà - Chè Mè đến trung tâm xã Mường Bang, huyện Phù Yên (Nghị quyết số 400/NQ-HĐND ngày 29/10/2024)	UBND huyện Phù Yên	UBND xã Mường Bang	Huyện Phù Yên	Xã Mường Bang	Xây dựng đạt tiêu chuẩn đường GTNT cấp B (theo TCVN10380:2014 Đường giao thông nông thôn - yêu cầu thiết kế); Chiều dài tuyến L=8,54 Km; Bền = 5m (4,0m); Bmặt = 3,5m (3,0m); mặt đường BTXM	Xây dựng đạt tiêu chuẩn đường GTNT cấp B (theo TCVN10380:2014 Đường giao thông nông thôn - yêu cầu thiết kế); Chiều dài tuyến L=8,14 Km ; Bền = 5m (4,0m); Bmặt = 3,5m (3,0m); mặt đường BTXM	21.500	13.664	21.360	13.623	40,96	Điều chỉnh tổng mức đầu tư theo quyết định phê duyệt dự án. Điều chỉnh chủ đầu tư và địa điểm xây dựng theo quyết định số 1658/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của UBND tỉnh
3	Đầu tư củng cố đường từ trung tâm xã Nậm Ét đến trung tâm xã Mường Sại (Nghị quyết số 325/NQ-HĐND ngày 16/5/2024)	UBND huyện Quỳnh Nhai	UBND xã Mường Sại	Huyện Quỳnh Nhai	Xã Mường Sại	Xây dựng đạt tiêu chuẩn đường GTNT cấp B (theo TCVN10380 : 2014 Đường giao thông nông thôn – yêu cầu thiết kế); Chiều dài tuyến L=7,5 Km; Bền = 5m (4,0m); Bmặt = 3,5m (3,0m); mặt đường BTXM	Xây dựng đạt tiêu chuẩn đường GTNT cấp B (theo TCVN10380 : 2014 Đường giao thông nông thôn – yêu cầu thiết kế); Chiều dài tuyến L=7,27 Km; Bền = 5m (4,0m); Bmặt = 3,5m (3,0m); mặt đường BTXM	19.000	12.000	18.632	11.632	368,00	Điều chỉnh tổng mức đầu tư theo quyết định phê duyệt dự án. Điều chỉnh chủ đầu tư và địa điểm xây dựng theo quyết định số 1658/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của UBND tỉnh
4	Đường giao thông bản Hua Piêng đi trung tâm xã Nậm Pấm (Nghị quyết số 379/NQ-HĐND ngày 02/10/2024)	UBND huyện Mường La	UBND xã Mường La	Điểm đầu: bản Hua Piêng đi qua bản Huổi Sỏi - Nà Ten và bản Piêng; điểm cuối tại km8+800m, ĐT109 (bản Piêng), Xã Nậm Pấm, huyện Mường La	Xã Mường La	Xây dựng đạt tiêu chuẩn đường GTNT cấp B (TCVN10380:2014); Chiều dài tuyến L=6,6 Km; mặt đường BTXM	Xây dựng đạt tiêu chuẩn đường GTNT cấp B (TCVN10380:2014); Chiều dài tuyến L=6,345 Km ; mặt đường BTXM	21.800	10.560	21.280	10.166	393,60	Điều chỉnh tổng mức đầu tư theo quyết định phê duyệt dự án. Điều chỉnh chủ đầu tư và địa điểm xây dựng theo quyết định số 1658/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của UBND tỉnh
5	Cứng hóa đường giao thông từ bản Tổng Cầu (bản Suối Tàu cù) đến trung tâm xã Mường Thái, huyện Phù Yên (Nghị quyết số 379/NQ-HĐND ngày 02/10/2024)	UBND huyện Phù Yên	UBND xã Mường Cơi	Điểm đầu bản Tổng Cầu (bản Suối Tàu cù), điểm cuối trung tâm xã Mường Thái	Xã Mường Cơi	Xây dựng đạt tiêu chuẩn đường GTNT cấp B (TCVN10380:2014); Chiều dài tuyến L=2,436 Km; mặt đường BTXM	Xây dựng đạt tiêu chuẩn đường GTNT cấp B (TCVN10380:2014); Chiều dài tuyến L=2,317Km ; mặt đường BTXM	7.000	3.898	6.809	3.707	190,60	Điều chỉnh tổng mức đầu tư theo quyết định phê duyệt dự án. Điều chỉnh chủ đầu tư và địa điểm xây dựng theo quyết định số 1658/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của UBND tỉnh
6	Đường liên bản Nà Tra - Pá Chóng - Bôm Kham đến trung tâm xã Mường Bám, huyện Thuận Châu (Nghị quyết số 379/NQ-HĐND ngày 02/10/2024)	UBND huyện Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Đầu tuyến: Bản Nà Tra; Điểm trung gian: Đi qua bản Pá Chóng, bản Bôm Kham; Điểm cuối: Nối với đường TL108 tại bản Nà La, xã Mường Bám, huyện Thuận Châu.	Xã Mường Bám	Xây dựng đạt tiêu chuẩn đường GTNT cấp B (TCVN10380 : 2014); Chiều dài tuyến L=6,4 Km; Bền = 5m (4,0m); Bmặt = 3,5m (3,0m); mặt đường BTXM	Xây dựng đạt tiêu chuẩn đường GTNT cấp B (TCVN10380 : 2014); Chiều dài tuyến L=6,214 Km; Bền = 5m (4,0m); Bmặt = 3,5m (3,0m); mặt đường BTXM	12.040	10.240	11.742	9.942	297,60	Điều chỉnh tổng mức đầu tư theo quyết định phê duyệt dự án. Điều chỉnh chủ đầu tư và địa điểm xây dựng theo quyết định số 1658/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của UBND tỉnh

7	Đường bản Ta Tú đến trung tâm xã Phòng Lập, huyện Thuận Châu (Nghị quyết số 379/NQ-HĐND ngày 02/10/2024)	UBND huyện Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Điểm đầu bản Ta Tú, xã Phòng Lập Điểm cuối: Nối với đường Long Hẹ - Phòng Lập ra trung tâm xã	Xã Mường É	Xây dựng đạt tiêu chuẩn đường GTNT cấp B (TCVN10380 : 2014); Chiều dài tuyến khoảng L=3 Km; Bền = 5m (4,0m); Bmặt = 3,5m (3,0m); mặt đường BTXM	Xây dựng đạt tiêu chuẩn đường GTNT cấp B (TCVN10380 : 2014); Chiều dài tuyến L=2,749 Km; Bền = 5m (4,0m); Bmặt = 3,5m (3,0m); mặt đường BTXM	6.000	4.800	5.598	4.398	401,60	Điều chỉnh tổng mức đầu tư theo quyết định phê duyệt dự án. Điều chỉnh chủ đầu tư và địa điểm xây dựng theo quyết định số 1658/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 của UBND tỉnh
8	Đường từ bản Huổi Siều – bản Na Pán kết nối đến Trung tâm xã Chiềng Đông (Nay là xã Yên Châu) - Nghị quyết số 488/NQ-HĐND ngày 29/4/2025	UBND huyện Yên Châu	UBND xã Yên Châu	Điểm đầu bản Huổi Siều, điểm cuối bản Na Pán, xã Chiềng Đông, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	xã Yên Châu	Xây dựng tuyến đường đạt tiêu chuẩn đường cấp V, dài 7,0 km	Cứng hóa mặt đường trên cơ sở sửa chữa, cải tạo theo đường hiện trạng, chiều dài khoảng 7,0 km (chiều dài cụ thể sẽ được chuẩn xác trong bước lập dự án)	33.000	11.200	33.000	11.200		
II	ĐIỀU CHỈNH GIẢM TỔNG MỨC ĐẦU TƯ DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT tại Nghị quyết số 189/NQ- HĐND ngày 02/6/2023 (DỰ ÁN 6)							10.230	10.230	9.603	9.603	627	
1	Tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích quốc gia đặc biệt Khu di tích lịch sử cách mạng Việt Nam - Lào, bản Lao Khô xã Phiêng Khoài huyện Yên Châu.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		Xã Phiêng Khoài		- Chỉnh trang suối cảnh quan: + Cải tạo kè loại 1 (kè bờ phải suối): Tổng chiều dài tuyến kè 194,95m; + Bổ sung tuyến kè loại 2 (kè bờ trái suối): Tổng chiều dài tuyến kè 209,06m; + Bổ sung 01 cầu nối qua suối nối hai bờ kè có bề rộng 2m; - Bổ sung kè ốp mái loại 3 (phía sau đài biêu tượng) chiều dài khoảng 25,88m; - Chỉnh trang đồi đất hiện trạng trên nền diện tích khoảng 4.272m2; - Các hạng mục phụ trợ khác: Tường rào, lan can hai bên cầu, sửa chữa lại hệ thống điện chiếu sáng tổng thể.		10.230	10.230	9.603	9.603	627,41	Điều chỉnh tổng mức đầu tư theo quyết định phê duyệt dự án

Biểu số 03

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI
(Kèm theo Nghị quyết số 546/NQ-HĐND ngày 22/8/2025 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục Dự án	Chủ đầu tư theo quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Chủ đầu tư điều chỉnh (sau khi sắp nhập)	Địa điểm thực hiện dự án theo Quyết định đầu tư	Địa điểm thực hiện dự án sau sắp xếp	Thời gian thực hiện	Quy mô đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Nguồn vốn CTMTQG)	Lũy kế kế hoạch vốn đã giao đến năm 2025		Điều chỉnh về ngân sách cấp tỉnh quản lý		Kế hoạch điều chỉnh		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú								
								Số, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó											Tổng số	Trong đó: Kế hoạch vốn giao năm 2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn giao năm 2025		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng
										Nguồn vốn CTMTQG	Ngân sách huyện											Kế hoạch vốn chuyển nguồn từ các năm trước	Kế hoạch giao năm 2025		Kế hoạch vốn chuyển nguồn từ các năm trước	Kế hoạch giao năm 2025		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23						
	TỔNG SỐ								1.751.274	1.224.535	32.875	1.284.988	1.141.559	17.475	187.040	1.284.988	17.475	187.040	151.281	151.281	1.284.988							
A	CẤP TỈNH QUẢN LÝ								789.411	325.648	0	334.944	287.789	0	0	334.944	0	0	67.934	126.025	393.034							
I	ĐIỀU CHỈNH GIẢM SỐ VỐN GIAO CÁC NGHỊ QUYẾT SỐ 291/NQ- HĐND NGÀY 31/01/2024, SỐ 245/NQ-HĐND NGÀY 15/11/2023,SỐ 325/NQ-HĐND NGÀY 16/5/2024, SỐ 379/NQ-HĐND NGÀY 02/10/2024, SỐ 400/NQ-HĐND NGÀY 29/10/2024, SỐ 488/NQ-HĐND NGÀY 29/4/2025								406.084	325.648		334.944	287.789			334.944			67.934	0	267.010							
(1)	Tiểu dự án 1, Dự án 4								196.768	116.332		118.378	72.316			118.378			46.062	0	72.316							
1	Đầu tư củng hòa đường giao thông từ bản Bua Hìn - trung tâm xã Mường Hung, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La (Nghị quyết số 291/NQ- HĐND ngày 31/01/2024)	UBND huyện Sông Mã	UBND xã Mường Hung	Huyện Sông Mã	Xã Mường Hung	2023-2025		2016-26/9/2024	34.846	18.846		19.200	18.846			19.200			354		18.846	Theo TMDT được duyệt						
2	Củng hóa đường từ bản Suối Gà - Chè Mè đến trung tâm xã Mường Bang, huyện Phù Yên (Nghị quyết số 400/NQ-HĐND ngày 29/10/2024)	UBND huyện Phù Yên	UBND xã Mường Bang	Huyện Phù Yên	Xã Mường Bang	2023-2025		778-04/4/2025	21.360	13.623		13.664	13.623			13.664			41		13.623	Theo TMDT được duyệt						
3	Đầu tư củng hòa đường từ trung tâm xã Nậm Êt đến trung tâm xã Mường Sại (Nghị quyết số 325/NQ-HĐND ngày 16/5/2024)	UBND huyện Quỳnh Nai	UBND xã Mường Sại	Huyện Quỳnh Nai	Xã Mường Sại	2024-2025		497-04/3/2025	18.632	11.632		12.000	11.632			12.000			368		11.632	Theo TMDT được duyệt						
4	Đường giao thông bản Hua Piêng đi trung tâm xã Nậm Păm (Nghị quyết số 379/NQ-HĐND ngày 02/10/2024)	UBND huyện Mường La	UBND xã Mường La	Điểm đầu: bản Hua Piêng đi qua bản Huổi Sỏi - Nà	Xã Mường La	2024-2025		865-16/4/2025	21.280	10.166		10.560	10.166			10.560			394		10.166	Theo TMDT được duyệt						

				Tên và bản Piêng; điểm cuối tại km8+800m, ĐT109 (bản Piêng), Xã Năm Păm, huyện Mường La																		
5	Củng hóa đường giao thông từ bản Tổng Cầu (bản Suối Tàu cũ) đến trung tâm xã Mường Thái, huyện Phù Yên (Nghị quyết số 379/NQ-HĐND ngày 02/10/2024)	UBND huyện Phù Yên	UBND xã Mường Cơi	Điểm đầu bản Tổng Cầu (bản Suối Tàu cũ), điểm cuối trung tâm xã Mường Thái	Xã Mường Cơi	2024-2025		661-25/3/2025	6.809	3.707		3.898	3.707				3.898		191		3.707	Theo TMBT được duyệt
6	Đường liên bản Nà Tra - Pá Chóng - Bóm Kham đến trung tâm xã Mường Bám, huyện Thuận Châu (Nghị quyết số 379/NQ-HĐND ngày 02/10/2024)	UBND huyện Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Đầu tuyến: Bản Nà Tra; Điểm trung gian:Đi qua bản Pá Chóng, bản Bóm Kham; Điểm cuối: Nối với đường TL108 tại bản Nà La, xã Mường Bám, huyện Thuận Châu.	Xã Mường Bám	2024-2025		86-13/01/2025	11.742	9.942		10.240	9.942				10.240		298		9.942	Theo TMBT được duyệt
7	Đường bản Ta Tú đến trung tâm xã Phổng Láp, huyện Thuận Châu (Nghị quyết số 379/NQ-HĐND ngày 02/10/2024)	UBND huyện Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Điểm đầu bản Ta Tú, xã Phổng Láp Điểm cuối: Nối với đường Long Hẹ - Phổng Láp ra trung tâm xã	Xã Mường É	2024-2025		46-07/01/2025	5.598	4.398		4.800	4.398				4.800		402		4.398	Theo TMBT được duyệt
8	Củng hóa đường giao thông từ bản Phiêng Phá - Bản Đán Ớn - Trung tâm xã Chiềng Lao (Nghị quyết số 488/NQ-HĐND ngày 29/4/2025)	UBND huyện Mường La		huyện Mường La		2023-2025		245/NQ-HĐND ngày 15/11/2023; 488/NQ-HĐND ngày 29/4/2025	12.500	8.320		8.320					8.320		8.320		0	
9	Đầu tư củng cố đường giao thông liên xã từ trung tâm xã Chiềng Phung - Trung tâm xã Mường Lăm, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La (Nghị quyết số 245/NQ-HĐND ngày 15/11/2023)	UBND huyện Sông Mã		huyện Sông Mã		2023-2025		245/NQ-HĐND ngày 15/11/2023	35.000	26.400		26.400					26.400		26.400		0	
10	Đường giao thông từ bản Pá Hâu đến trung tâm xã Chiềng Lao (Nghị quyết số 488/NQ-HĐND ngày 29/4/2025)	UBND huyện Mường La		huyện Mường La		2024-2025		379/NQ-HĐND ngày 02/10/2024; 488/NQ-HĐND ngày 29/4/2025	29.000	9.296		9.296					9.296		9.296		0	
(2)	Tiểu dự án 1, Dự án 5								187.382	187.382		187.382	187.382				187.382		13.529	0	173.853	

1	Trường PTDT nội trú Mường La	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Huyện Mường La	xã Mường La	2022-2024		997-08/6/2023	17.500	17.500		17.500	17.500			17.500			3.116		14.384	
2	Trường PTDT nội trú Quỳnh Nhai	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Huyện Quỳnh Nhai	xã Quỳnh Nhai	2022-2024		1003-09/6/2023	20.782	20.782		20.782	20.782			20.782			1.330		19.452	
3	Trường PTDT nội trú Thuận Châu	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Huyện Thuận Châu	xã Thuận Châu	2022-2024		695-28/4/2023; 21-03/01/2025	20.000	20.000		20.000	20.000			20.000			1.446		18.554	
4	Trường PTDT nội trú Vân Hồ	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Huyện Vân Hồ	xã Vân Hồ	2022-2024		1014-12/6/2023	14.900	14.900		14.900	14.900			14.900			1.430		13.470	
5	Trường PTDT nội trú Yên Châu	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Huyện Yên Châu	xã Yên Châu	2022-2024		996-08/6/2023	18.000	18.000		18.000	18.000			18.000			1.633		16.367	
6	Trường THPT Co Mạ, huyện Thuận Châu	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Huyện Thuận Châu	xã Co Mạ	2022-2024		887-26/5/2023	19.000	19.000		19.000	19.000			19.000			241		18.759	
7	Trường THPT Mộc Hạ, huyện Vân Hồ	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Huyện Vân Hồ	xã Tô Múa	2022-2024		872-24/5/2023	14.900	14.900		14.900	14.900			14.900			392		14.508	
8	Trường PTDT nội trú Mai Sơn	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Huyện Mai Sơn	xã Mai Sơn	2023-2025		1923-28/9/2023	14.900	14.900		14.900	14.900			14.900			386		14.514	
9	Trường PTDT nội trú Mộc Châu	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Huyện Mộc Châu	Phường Mộc Sơn	2023-2025		2293-04/11/2023	10.000	10.000		10.000	10.000			10.000			1.135		8.865	
10	Trường PTDT nội trú Bắc Yên	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Huyện Bắc Yên	Xã Bắc Yên	2023-2025		1488-10/8/2023	12.500	12.500		12.500	12.500			12.500			1.000		11.500	
11	Trường PTDT nội trú Sốp Cộp	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Huyện Sốp Cộp	xã Sốp Cộp	2023-2025		1792-15/9/2023	14.900	14.900		14.900	14.900			14.900			803		14.097	
12	Trường PTDT nội trú Phù Yên	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Huyện Phù Yên	Xã Phù Yên	2023-2025		2038-10/10/2023	6.000	6.000		6.000	6.000			6.000			389		5.611	
13	Trường PTDT nội trú tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Thành phố Sơn La	Phường Chiềng Sinh	2023-2025		1489-10/8/2023	4.000	4.000		4.000	4.000			4.000			228		3.772	
(3)	Dự án 6								21.935	21.935		21.935	20.841			21.935			1.094	0	20.841	
1	Tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích Tháp Mường Và, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Huyện Sốp Cộp	xã Sốp Cộp	2022-2024		1000-08/6/2023	12.332	12.332		12.332	11.514			12.332			818		11.514	
2	Tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích quốc gia đặc biệt Khu di tích lịch sử cách mạng Việt Nam - Lào, bản Lao Khô xã Phiêng Khoai huyện Yên Châu.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	xã Phiêng Khoai	xã Phiêng Khoai	2024-2025		1151-18/6/2024	9.603	9.603		9.603	9.327			9.603			276		9.327	Theo TMDT được duyệt
(4)	Tiểu dự án 2, Dự án 10								0	0		7.250	7.250			7.250			7.250	0	0	

1	Chưa phân bổ											7.250	7.250					7.250			7.250		0	Điều chỉnh tại Nghị quyết số 516/NQ- HĐND ngày 23/6/2025
II	ĐIỀU CHỈNH TĂNG								383.327	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	126.025	126.025			
(I)	Tiểu dự án 1, Dự án 4								383.327	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	126.025	126.025			
1	Đường giao thông đi bản Hua Lanh xã Sốp Cộp (từ cầu trần đi bản Hua Lanh).		UBND xã Sốp Cộp		xã Sốp Cộp	2025-2026	5,5 km		14.950											4.915	4.915			
2	Dự án đường giao thông từ bản Suối Vách, bản Suối Kénh(xã Kim Bon cũ) đến bản Suối Tiểu, bản Tang Lang (xã Đă Đô cũ)		UBND xã Kim Bon		Xã Kim Bon	2025-2026	13 Km		25.700											8.449	8.449			
3	Dự án đường giao thông từ bản Bãi Vàng đi bản Liên Hợp		UBND xã Kim Bon		Xã Kim Bon	2025-2026	5,8 Km		11.990											3.942	3.942			
4	Đường từ bản Lũng Khoai đi bản Suối Tọ		UBND xã Suối Tọ		Xã Suối Tọ	2025-2026	3,7 km		7.500											2.466	2.466			
5	Đường từ bản Suối Khang đi bản Suối Ngang		UBND xã Suối Tọ		Xã Suối Tọ	2025-2026	3,2 km		6.500											2.137	2.137			
6	Đường từ bản Nhôm đi Hua Mí, xã Yên Châu, tỉnh Sơn La		UBND xã Yên Châu		xã Yên Châu	2025-2026	5 km		18.500											6.082	6.082			
7	Đường từ bản Pa Kha 2 - Đến bản Pa kha 3		UBND xã Lóng Phiêng		Xã Lóng Phiêng	2025-2026	2 km		8.617											2.833	2.833			
8	Đường Tong Chính - Na Va		UBND xã Phiêng Cầm		Điểm đầu: Bản Tong Chính; Điểm cuối: Bản Na Va	2025-2026	7 km		15.400											5.063	5.063			
9	Đường Phiêng Phụ B - Xã Liệt		UBND xã Phiêng Cầm		Điểm đầu: Bản Phiêng Phụ B; Điểm cuối: Bản Xã Liệt	2025-2026	4 km		8.800											2.893	2.893			
10	Đường giao thông bản Buổi đến bản Chom cọ(xã Tạ Bú cũ), xã Mường Bú, tỉnh Sơn La		UBND xã Mường Bú		Xã Mường Bú	2025-2026	Đường cấp C; Chiều dài tuyến khoảng 7,8 km.		31.200											10.257	10.257			
11	Đường từ đầu cầu bản mìn đến bản Tạ Búng (xã Tạ Bú cũ), xã Mường Bú, tỉnh Sơn La		UBND xã Mường Bú		Xã Mường Bú	2025-2026	Mở nền đường, đổ bê tông mặt đường + hệ thống công rãnh thoát nước,		7.000											2.301	2.301			

						Chiều dài 2,5 Km															
12	Đường vào bản Hua Lánh, xã Muối Nọi		UBND xã Muối Nọi		Xã Muối Nọi	2025-2026	khoảng L=5,0Km		15.000										4.931	4.931	
13	Nâng cấp , sửa chữa đường từ ngã ba Phảng Cuôm đi bản Bon, Hm Lep, Sinh Lep.		UBND xã Mường Khiêng		xã Mường Khiêng	2025-2026	Chiều dài tuyến L=6,7km, Nâng cấp, sửa chữa nền đường + Mặt đường + Công trình trên tuyến		19.500										6.411	6.411	
14	Nâng cấp tuyến đường từ bản Nà Láng - bản Phên - bản Pá Ban, xã Mường Bám, tỉnh Sơn La		UBND xã Mường Bám		Điểm đầu bản Nà Láng. Điểm cuối bản Pá Ban, xã Mường Bám, tỉnh Sơn La.	2025-2026	Chiều dài tuyến L= 5,5Km - Đường cấp B theo tiêu chuẩn TCVN 10380: 2014		19.960										6.562	6.562	
15	Nâng cấp tuyến đường từ bản Pá Chông - bản Năm Ún, xã Mường Bám, tỉnh Sơn La		UBND xã Mường Bám		Điểm đầu bản Pá Chông. Điểm cuối bản Năm Ún, xã Mường Bám, tỉnh Sơn La.	2025-2026	Chiều dài tuyến L= 5,0Km - Đường cấp B theo tiêu chuẩn TCVN 10380: 2014		18.500										6.082	6.082	
16	Đường liên bản Năm Luông - bản Tong Tái, xã Chiềng Sung, tỉnh Sơn La		UBND xã Chiềng Sung		Điểm đầu bản Năm Luông; Điểm cuối bản Tong Tái B, xã Chiềng Sung, tỉnh Sơn La	2025-2026	Chiều dài tuyến L= 8,0Km - Đường cấp B theo tiêu chuẩn TCVN 10380: 2014		20.700										6.805	6.805	
17	Đường từ Ngã 3 Đồn Biên phòng Lóng Phiêng - Đến bản Co lác - Đến bản Nà Múa		UBND xã Lóng Phiêng		Xã Lóng Phiêng	2025-2026	7,5 km		14.990										4.928	4.928	
18	Đường liên bản Móng - Pá Nó		UBND xã Tà Hộc		xã Tà Hộc	2025-2026	Chiều dài tuyến L= 6,5Km - Đường cấp B theo tiêu chuẩn TCVN 10380: 2014		18.200										5.984	5.984	
19	Đường Nà Ún - Phiêng Păn (đoạn tuyến từ bản Kết Hay đến bản Pá Nó), xã Phiêng Păn		UBND xã Phiêng Păn		xã Phiêng Păn	2025-2026	Chiều dài tuyến L= 3,5Km - Đường cấp B theo tiêu chuẩn		9.000										2.959	2.959	

							TCVN 10380: 2014															
20	Nâng cấp tuyến đường từ bản Sai - bản Tín Tóc, xã Chiềng Khương		UBND xã Chiềng Khương		xã Chiềng Khương	2025-2026	Chiều dài tuyến L= 2,5Km		5.100										1.677	1.677		
21	Đường liên bản Nà Lồi - Bản Suối Khẩu - Bản Bó, xã Tô Múa		UBND xã Tô Múa		Bản Nà Lồi, Suối Khẩu, Bản Bó, xã Tô Múa	2025-2026	Chiều dài tuyến L= 11,0Km - Đường cấp B theo tiêu chuẩn TCVN 10380: 2014		26.000										8.548	8.548		
22	Đường giao thông từ bản Ta Tạng đi bản Nà Hỳ, xã Mường Hung.		UBND xã Mường Hung		xã Mường Hung	2025-2026	Chiều dài tuyến L= 4 Km - Đường cấp B theo tiêu chuẩn TCVN 10380: 2014		13.500										4.438	4.438		
23	Đường giao thông từ bản Nà Bon đi bản Nhọt Cỏ, xã Mường Hung		UBND xã Mường Hung		xã Mường Hung	2025-2026	Chiều dài tuyến L= 3,3 Km - Đường cấp B theo tiêu chuẩn TCVN 10380: 2014		12.000										3.945	3.945		
24	Đường giao thông liên từ bản Hìn Pên - bản Huổi Phàng, xã Mường Lầm		UBND xã Mường Lầm		xã Mường Lầm	2025-2026	Chiều dài tuyến L= 7,2 Km - Đường cấp B theo tiêu chuẩn TCVN 10380: 2014		17.200										5.655	5.655		
25	Đường giao thông từ bản Mến đến bản Thăm Cọng, xã Chiềng Lao		UBND xã Chiềng Lao		xã Chiềng Lao	2025-2026	Chiều dài tuyến L= 5,4 Km - Đường cấp B theo tiêu chuẩn TCVN 10380: 2014		9.200										3.025	3.025		
26	Đường liên bản Púng Ngà đi bản Nặm Cùm, xã Chiềng Lao		UBND xã Chiềng Lao		xã Chiềng Lao	2025-2026	Chiều dài tuyến L= 4 Km - Đường cấp B theo tiêu chuẩn TCVN 10380: 2014		8.320										2.735	2.735		
B	CẤP HUYỆN CHUYỂN VỀ CẤP TỈNH QUẢN LÝ								961.862	898.887	32.875	950.044	853.771	17.475	187.040	950.044	17.475	187.040	83.347	12.400	879.097	
I	BẮC YÊN								72.350	72.350	0	73.239	63.059	3.393	16.779	73.239	3.393	16.779	7.203	6.489	72.525	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt								7.516	7.516	0	8.634	7.400	1.029	5.568	8.634	1.029	5.568	1.139		7.494	
c	Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề											1.082,73	0,00	0,00	0,00	1.082,73	0,00	0,00	1.082,73	0,00	0	

	Dự phòng chưa giao chi tiết										1.083				1.083			1.083		0	
d	Hỗ trợ nước sinh hoạt							7.516	7.516	0	7.551	7.400	1.029	5.568	7.551	1.029	5.568	57		7.494	
*	Các Dự án hoàn thành quyết toán							2.500	2.500	0	2.500	2.480	1.029	648	2.500	1.029	648	20		2.480	
1	Nâng cấp nước sinh hoạt bản Áng	Ban QLDA ĐTXD huyện Bắc Yên	Ban QLDA ĐTXD Bắc Yên thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	xã Pắc Ngà	Xã Pắc Ngà	2024-2025	1491- 29/10/2024	2.500	2.500		2.500	2.480	1.029	648	2.500	1.029	648	20		2.480	
*	Các Dự án chuyển tiếp							5.016	5.016	0	5.051	4.920	0	4.920	5.051	0	4.920	36		5.015	
1	Nước sinh hoạt bản Pa Cư Sáng, xã Hang Chú	Ban QLDA ĐTXD huyện Bắc Yên	Ban QLDA ĐTXD Bắc Yên thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	xã Hang Chú	Xã Xím Vàng	2025	1784- 27/12/2024	2.051	2.051		2.051	2.050		2.050	2.051		2.050	1		2.050	
2	Nước sinh hoạt bản Lùm Thương A xã Pắc Ngà	Ban QLDA ĐTXD huyện Bắc Yên	Ban QLDA ĐTXD Bắc Yên thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	xã Pắc Ngà	Xã Pắc Ngà	2025	1785- 27/12/2024	2.965	2.965		3.000	2.870		2.870	3.000		2.870	35		2.965	
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết							36.612	36.612	0	34.872	33.132	2.363	1.291	34.872	2.363	1.291	484	1.650	36.038	
a	Các Dự án hoàn thành quyết toán							21.863	21.863	0	21.820	20.081	0	1.291	21.820	0	1.291	483		21.337	
1	Dự án sắp xếp, ổn định dân cư Co Xe bản Tà ù	Ban QLDA ĐTXD huyện Bắc Yên	Ban QLDA ĐTXD Bắc Yên thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	xã Pắc Ngà	xã Pắc Ngà	2023-2024	1531- 08/12/2022	9.863	9.863		9.863	8.378		1.291	9.863		1.291	229		9.634	
2	Dự án sắp xếp, ổn định dân cư Pua Lương, bản Tà Đồ Mường	Ban QLDA ĐTXD huyện Bắc Yên	Ban QLDA ĐTXD Bắc Yên thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	xã Tạ Khoa	Xã Tạ Khoa	2022 - 2023	1237- 31/10/2022	12.000	12.000		11.957	11.702			11.957			255		11.702	
b	Các Dự án hoàn thành chưa quyết toán							14.749	14.749	0	13.052	13.051	2.363	0	13.052	2.363	0	1	1.650	14.701	
1	Dự án sắp xếp, ổn định dân cư Suối Tào,	Ban QLDA	Ban QLDA	xã Chiềng Sại	Xã	2022-2025	469-	14.749	14.749		13.052	13.051	2.363		13.052	2.363		1	1.650	14.701	

	bùn Tăng	ĐTXD huyện Bắc Yên	ĐTXD Bắc Yên thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT		Chiềng Sại			17/4/2025														
3	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công								22.322	22.322	0	23.817	16.844	0	9.920	23.817	0	9.920	5.347	4.839	23.309	
3.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi								22.322	22.322	0	23.817	16.844	0	9.920	23.817	0	9.920	5.347	4.839	23.309	
a	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên đối với các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn.								22.322	22.322	0	22.153	16.844	0	9.920	22.153	0	9.920	3.682	4.839	23.309	
*	Các Dự án hoàn thành quyết toán								9.842	9.842	0	9.673	8.824	0	1.900	9.673	0	1.900	811	438	9.300	
1	Đường bê tông từ khu Tả Xùa C đến khu Chung Trính	Ban QLDA ĐTXD huyện Bắc Yên	Ban QLDA ĐTXD Bắc Yên thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	xã Tả Xùa	Xã Tả Xùa	2024-2025		1330-16/11/2023	3.596	3.596		3.522	3.274		649	3.522		649	247		3.274	
2	Đường bê tông liên bản Tả Lú đến bản Lùm Thượng B	Ban QLDA ĐTXD huyện Bắc Yên	Ban QLDA ĐTXD Bắc Yên thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	xã Pắc Ngà	Xã Pắc Ngà	2024-2025		1338-16/11/2023	3.755	3.755		3.683	3.599		115	3.683		115	84		3.599	
3	Đường sản xuất từ điểm trường Suối Ủn đến lán nhà ông Thảo A Dơ	Ban QLDA ĐTXD huyện Bắc Yên	Ban QLDA ĐTXD Bắc Yên thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	xã Phiêng Ban	Xã Bắc Yên	2024-2025		1325-15/11/2023	1.118	1.118		1.093	1.067		251	1.093		251	26		1.067	
4	Đường bê tông trục chính bản Khọc B	Ban QLDA ĐTXD huyện Bắc Yên	Ban QLDA ĐTXD Bắc Yên thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	xã Mường Khoa	Xã Tả Khoa	2.025		1486-29/10/2024	1.374	1.374		1.375	884	0	884	1.375	0	884	453	438	1.360	
*	Các Dự án hoàn thành chưa quyết toán								2.520	2.520	0	2.520	1.620	0	1.620	2.520	0	1.620	619	841	2.742	
1	Đường bê tông nội bản Áng	Ban QLDA ĐTXD huyện	Ban QLDA ĐTXD Bắc Yên thuộc Ban	xã Pắc Ngà	Xã Pắc Ngà	2.025		1492-29/10/2024	2.520	2.520		2.520	1.620	0	1.620	2.520	0	1.620	619	841	2.742	

		Bắc Yên	QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT																		
*	Các Dự án chuyển tiếp							9.960	9.960	0	9.960	6.400	0	6.400	9.960	0	6.400	2.253	3.560	11.267	
1	Đường bê tông từ ngã ba đi bản Láng Chếu đến bản Suối Lộng - Páng Khùa (giai đoạn 1)	Ban QLDA ĐTXD huyện Bắc Yên	Ban QLDA ĐTXD Bắc Yên thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	xã Láng Chếu	xã Tà Xùa	2025	1485-29/10/2024	6.760	6.760		6.760	4.345	0	4.345	6.760	0	4.345	1.432,55	2.415	7.742	
2	Đường bê tông trục chính bản Dèo Chén	Ban QLDA ĐTXD huyện Bắc Yên	Ban QLDA ĐTXD Bắc Yên thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	xã Hua Nhàn	xã Tạ Khoa	2025	1497-30/10/2024	3.200	3.200		3.200	2.055	0	2.055	3.200	0	2.055	820	1.145	3.525	
c	Dự phòng chưa giao chi tiết										1.664				1.664			1.664		0	
4	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực							5.900	5.900	0	5.916	5.683	0	0	5.916	0	0	233		5.683	
4.1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số							5.900	5.900	0	5.916	5.683	0	0	5.916	0	0	233		5.683	
a	Các Dự án hoàn thành quyết toán							5.900	5.900	0	5.916	5.683	0	0	5.916	0	0	233		5.683	
1	Trường PTDT bán trú TH Hang Chú, huyện Bắc Yên	Ban QLDA ĐTXD huyện Bắc Yên	Ban QLDA ĐTXD Bắc Yên thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Hang Chú	Xã Xím Vàng	2022-2024	1109-28/9/2022	5.900	5.900		5.916	5.683			5.916			233		5.683	
II	MAI SƠN							137.042	127.547	3.196	128.430	121.041	1.004	12.563	128.430	1.004	12.563	7.389		121.041	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt						-	19.945	18.123	1.000	19.024	17.300	442	695	19.024	442	695	1.724		17.300	
d	Hỗ trợ nước sinh hoạt						-	19.945	18.123	1.000	18.123	17.299	442	695	18.123	442	695	824		17.299	
*	Dự án hoàn thành quyết toán							19.088	17.309	1.000	17.309	16.508	442	-	17.309	442	-	801		16.508	
1	Công trình Nâng cấp, sửa chữa Nước công trình sinh hoạt Nông Trường, Phiêng Cầm (trung tâm UBND xã)	Ban QLDADT XD và TĐC huyện	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Phiêng Cầm	Xã Phiêng Cầm	2022-2024	2336-30/10/2022	1.388	1.319		1.319	1.294			1.319			25		1.294	
2	Công trình Nước sinh hoạt Bản Yên	Ban QLDADT	Ban QLDA	Chiềng Chăn	Xã Chiềng	2021-2023	3151-	3.500	2.500	1.000	2.500	2.356			2.500			144		2.356	

	Bình, xã Chiềng Chăn	XD và TĐC huyện	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT		Sung			29/10/2021														
3	Công trình NSH liên bản xã Chiềng Mai	Ban QLDAĐT XD và TĐC huyện	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Chiềng Mai	Xã Chiềng Mai	2022-2024		2364-31/10/2022	6.000	5.700		5.700	5.448			5.700			252		5.448	
4	Công trình nước sinh hoạt bản Móm 1, Móm 2, xã Chiềng Lương.	Ban QLDAĐT XD và TĐC huyện	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Chiềng Lương	Xã Phiềng Păn	2022-2024		2363-31/10/2022	6.000	5.700		5.700	5.417			5.700			283		5.417	
7	Nâng cấp, sửa chữa công trình nước sinh hoạt bản Pá Nô, xã Tả Hộc, huyện Mai Sơn	Ban QLDAĐT XD và TĐC huyện	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Tả Hộc	Xã Nà Bó	2024-2025		484-08/3/2024	2.200	2.090		2.090	1.994	442		2.090	442		96		1.994	
*	Các dự án chuyển tiếp								857	814	0	814	791	0	695	814	0	695	23		791	0
4	Sửa chữa, nâng cấp công trình nước sinh hoạt bản Tàng xã Chiềng Lương	Ban QLDAĐT XD và TĐC huyện	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Chiềng Lương	Xã Phiềng Păn	2025		545/QĐ-UBND ngày 28/3/2025	857	814		814	791		695	814		695	23		791	
e	Chưa phân bổ chi tiết											901	1			901			900		1	
2	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công								116.336	108.664	2.196	108.664	103.056	561	11.868	108.664	561	11.868	5.607		103.056	
2.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi								116.336	108.664	2.196	108.664	103.056	561	11.868	108.664	561	11.868	5.607		103.056	
a	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên đối với các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn.								116.336	108.664	2.196	108.664	103.056	561	11.868	108.664	561	11.868	5.607		103.056	
*	Dự án hoàn thành quyết toán								106.259	99.090	2.196	99.090	93.690	561	3.956	99.090	561	3.956	5.401		93.690	
1	Công trình nhà văn hóa bản Hộc, xã Tả Hộc	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Tả Hộc	Xã Nà Bó	2022-2024		2327-30/10/2022	1.000	950		950	921			950			29		921	

2	Công trình Nhà Văn hóa bán Nà Rằm - Phú Lương, xã Chiềng Lương	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Lương	Xã Phiêng Păn	2022-2024		2329-30/10/2022	1.000	950		950	912			950			38		912	
3	Công trình Nhà Văn hóa bán Dăm Hoa, xã Chiềng Mai	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Mai	Xã Chiềng Mai	2022-2024		2330-30/10/2022	1.000	950		950	916			950			34		916	
4	Công trình nhà văn hóa bán Thăm, xã Chiềng Vè	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Vè	Xã Chiềng Mai	2022-2024		2339-30/10/2022	1.000	950		950	905			950			45		905	
5	Công trình nhà Văn hóa bán Trạm Hìn, xã Nà Ót	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Nà Ót	Xã Phiêng Păn	2022-2024		2334-30/10/2022	1.000	950		950	892			950			58		892	
6	Công trình nhà Văn hóa bán Xã Vặt, xã Nà Ót	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Nà Ót	Xã Phiêng Păn	2022-2024		2335-30/10/2022	1.000	950		950	894			950			56		894	
7	Công trình nhà văn hóa bán Lọng Hom, xã Phiêng Cắm	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Phiêng Cắm	Xã Phiêng Cắm	2022-2024		2337-30/10/2022	1.000	950		950	921			950			29		921	
8	Công trình nhà văn hóa bán Phiêng Mụ, xã Phiêng Cắm	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Phiêng Cắm	Xã Phiêng Cắm	2022-2024		2338-30/10/2022	700	665		665	646			665			19		646	

9	Nhà văn hoá xã Phiêng Cầm	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Phiêng Cầm	Xã Phiêng Cầm	2021-2023		1139-28/5/2021	2.400	989	1.296	989	918				989			71		918	
10	Công trình nhà văn hóa bản Ta Vắt, xã Phiêng Păn	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Phiêng Păn	Xã Phiêng Păn	2022-2024		2340-30/10/2022	1.000	950		950	905				950			45		905	
11	Nhà Văn hoá xã Chiềng Mai	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Mai	Xã Chiềng Mai	2022-2023		1232-27/6/2024	2.400	1.380	900	1.380	1.145	116		1.380	116			235		1.145	
12	Công trình đường nội bản Pù Tền, xã Tả Hộc	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Tả Hộc	Xã Nà Bó	2022-2024		2326-30/10/2022	780	741		741	716			741				25		716	
13	Công trình đường Pá Hóc đi Pù Tền, xã Tả Hộc	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Tả Hộc	Xã Nà Bó	2022-2024		2328-30/10/2022	1.620	1.539		1.539	1.475			1.539				64		1.475	
14	Công trình Cầu qua suối bản Lon Kéo, xã Chiềng Kheo	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Kheo	Xã Chiềng Mai	2022-2024		2331-30/10/2022	1.900	1.803		1.803	1.534			1.803				270		1.534	
15	Công trình đường liên bản Buốt Ván, xã Chiềng Kheo đi bản Nà Khoang, xã Chiềng Dong	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Dong	Xã Chiềng Mai	2022-2024		2332-30/10/2022	1.600	1.516		1.516	1.435			1.516				81		1.435	

16	Công trình đường bán Nà Khoáng, xã Chiềng Dong đi bán Ngòi, xã Chiềng Chung	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Chung	Xã Mường Chanh	2022-2024		2333-30/10/2022	5.600	5.317		5.317	5.166				5.317			151		5.166	
17	Công trình cầu tràn qua suối vào khu sản xuất bán Nà Hạ, xã Nà Ót	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Nà Ót	Xã Phiêng Păn	2022-2024		2325-30/10/2022	2.000	1.900		1.900	1.822				1.900			78		1.822	
18	Công trình Đường nội bán Thán, xã Phiêng Păn	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Phiêng Păn	Xã Phiêng Păn	2022-2024		2341-30/10/2022	1.600	1.520		1.520	1.440				1.520			80		1.440	
19	Công trình Nhà Văn hóa bán Nong Môn, xã Cò Nòi	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Cò Nòi	Xã Mai Sơn	2022-2024		2342-30/10/2022	1.000	950		950	868				950			82		868	
20	Công trình Nhà Văn hóa bán Tường Chung, xã Chiềng Chung	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Chung	Xã Mường Chanh	2022-2024		2343-30/10/2022	700	665		665	650				665			15		650	
21	Công trình Nhà Văn hóa bán Lo, xã Chiềng Mung	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Mung	Xã Chiềng Mung	2022-2024		2345-30/10/2022	1.000	950		950	892				950			58		892	
22	Công trình đường đi khu sản xuất bán Quỳnh Châu, xã Mường Bằng	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Mường Bằng	Xã Chiềng Mung	2022-2024		2344-30/10/2022	1.500	1.425		1.425	1.199				1.425			226		1.199	
23	Công trình nhà Văn hóa bán Bơ, xã Tả Hộc	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Tả Hộc	Xã Nà Bó	2023-2025		1024-12/6/2023	1.000	950		950	913				950			37		913	

24	Công trình nhà Văn hóa bán Vực Bon, xã Chiềng Mai	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Mai	Xã Chiềng Mai	2023-2025		1036-13/6/2023	1.000	950		950	902			950			48		902	
25	Công trình nhà văn hóa bán Buốt Ván, xã Chiềng Kheo	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Kheo	Xã Chiềng Mai	2023-2025		1027-12/6/2023	1.000	950		950	903			950			47		903	
26	Công trình đường liên bản (Nong Tàu Móng-Nong Nghè-Xã Nghè-Huổi Nhà-Phiêng Phụ A) xã Phiêng Cầm	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Phiêng Cầm	Xã Phiêng Cầm	2023-2025		1071-16/6/2023	4.900	4.658		4.658	4.484			4.658			175		4.484	
27	Công Trình Cầu qua suối bản Cho Cong, Chiềng Nọi	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Chiềng Nọi	Xã Phiêng Cầm	2023-2025		1044-14/6/2023	1.200	1.140		1.140	1.090			1.140			50		1.090	
28	Công trình đường liên bản, bản Púng đi bản Sươn Mẻ, xã Chiềng Vè	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Vè	Xã Chiềng Mai	2023-2025		1043-14/6/2023	3.360	3.192		3.192	3.113			3.192			79		3.113	
29	Công trình đường liên bản Lò Um đi bản Khổng Biên, xã Chiềng Dong	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Dong	Xã Chiềng Mai	2023-2025		1063-15/6/2023	1.442	1.369		1.369	1.334			1.369			35		1.334	
30	Công trình Cầu qua suối vào Trụ sở UBND xã Nà Ốt	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Nà Ốt	Xã Phiêng Păm	2023-2025		1045-14/6/2023	1.200	1.140		1.140	1.070			1.140			70		1.070	

31	Công trình Cầu treo qua suối Nà Nhung, bản Nà Nhung, xã Phiêng Păn	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Phiêng Păn	Xã Phiêng Păn	2023-2024		1072-16/6/2023	1.969	1.870		1.870	1.797				1.870			73		1.797	
32	Công trình đường đi khu sản xuất bản Kéo Bó, xã Nà Bó	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Nà Bó	Xã Nà Bó	2023-2025		1065-15/6/2023	1.330	1.264		1.264	1.069				1.264			196		1.069	
33	Công trình nhà Văn hóa bản Móng, xã Tả Hộc;	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Tả Hộc;	Xã Nà Bó	2024-2025		3790 ngày 24/11/2023	1.000	950		950	915				950			35		915	
34	Công trình Nhà Văn hóa xã Chiềng Ve	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Ve	Xã Chiềng Mai	2024-2025		3784 ngày 23/11/2023	2.400	2.280		2.280	2.214		184		2.280		184	66		2.214	
35	Công trình Nhà văn hóa bản Suối Mè, xã Chiềng Ve	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Ve	Xã Chiềng Mai	2024-2025		3783 ngày 23/11/2023	1.000	950		950	912				950			38		912	
36	Công trình Nhà Văn hóa bản Co Sấu, xã Chiềng Mai	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Mai	Xã Chiềng Mai	2024-2025		3782 ngày 23/11/2023	1.000	950		950	911				950			39		911	
37	Công trình nhà văn hóa bản Lò Dền, xã Nà Ôt	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Nà Ôt	Xã Phiêng Păn	2024-2025		3796 ngày 24/11/2023	1.000	950		950	913				950			37		913	
38	Công trình Nhà Văn hóa bản Nà Pòng - Pá Pò, Phiêng Păn	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp	Phiêng Păn	Xã Phiêng Păn	2024-2025		3792 ngày 24/11/2023	1.000	950		950	917	28			950	28		33		917	

			và PTNT																			
39	Từ đường liên xã (Hát Lót - Chiềng Mai) đến bản Pồn Vạy, xã Chiềng Mai	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Mai	Xã Chiềng Mai	2024-2025		3814 ngày 27/11/2023	2.420	2.299		2.299	2.235			2.299			64		2.235	
40	Đường nội bản bản Nghiêu Cọ xã Chiềng Dong	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Dong	Xã Chiềng Mai	2024-2025		3818 ngày 28/11/2023	1.000	950		950	893		49	950		49	57		893	
41	Đường giao thông liên bản Nà Viên đi bản Păng Săng, xã Chiềng Kheo	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Kheo	Xã Chiềng Mai	2024-2025		3739 ngày 17/11/2023	2.400	2.281		2.281	2.198	12		2.281	12		83		2.198	
42	Công trình Cầu qua suối bản Buốt Ván, xã Chiềng Kheo	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Kheo	Xã Chiềng Mai	2024-2025		3773 ngày 22/11/2023	2.500	2.376		2.376	2.250	39		2.376	39		126		2.250	
43	Công trình Đường giao thông từ QL4G - bản Lọ Dên (Huổi Dên), xã Nà Ốt	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Nà Ốt	Xã Phiềng Păn	2024-2025		3807 ngày 24/11/2023	3.500	3.325		3.325	3.221			3.325			104		3.221	
44	Công trình Đường nội bản Pá Liêng, xã Phiềng Păn	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Phiềng Păn	Xã Phiềng Păn	2024-2025		3808 ngày 24/11/2023	3.200	3.040		3.040	2.975		525	3.040		525	65		2.975	
46	Công trình Thủy lợi bản Cuộm Sơn, Dăm Hoa, xã Chiềng Mai	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Mai	Xã Chiềng Mai	2024-2025		3798 ngày 24/11/2023	1.060	1.005		1.005	979	0,30		1.005	0,30		26		979	
47	Công trình nhà văn hóa bản Ít Hò	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA	Bản Ít Hò	Xã Mường Chanh	2024-2025		3789 ngày 23/11/2023	1.000	950		950	902	14		950	14		48		902	

			ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT																		
48	Công trình Nhà Văn Hóa bán Yên Bình (cầu đường), Chiềng Chăn	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Chiềng Chăn	Xã chiềng Sung	2024-2025		3788 ngày 23/11/2023	1.000	950		950	926		451	950		451	24		926
49	Công trình Nhà Văn hóa Bán Tông Tái B, Chiềng Chăn	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Chiềng Chăn	Xã chiềng Sung	2024-2025		3797 ngày 24/11/2023	1.000	950		950	913			950			37		913
50	Công trình Đường nội bán bán Yên Bình (cầu đường), Chiềng Chăn	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Chiềng Chăn	Xã chiềng Sung	2024-2025		3819 ngày 28/11/2023	600	570		570	553			570			17		553
51	Công trình đường giao thông nội Bán Nong Môn, Cò Nòi	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Cò Nòi	Xã Mai Sơn	2024-2025		3820 ngày 28/11/2023	600	570		570	550			570			20		550
52	Công trình Đường bán Mé đến bán Xam Ta, Chiềng Chung	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Chiềng Chung	Xã Mường Chanh	2024-2025		3802 ngày 24/11/2023	1.500	1.425		1.425	1.374	0,114		1.425	0,114		51		1.374
53	Công trình Cầu tràn bán lít Hò, Chiềng Chung	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Chiềng Chung	Xã Mường Chanh	2024-2025		1178 - 20/6/2024	840	798		798	774		90	798		90	24		774
54	Công trình nâng cấp điện không an toàn	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Các cả	Các cả	2023-2024		1077 - 16/6/2023	11.286	10.757		10.757	9.821	352		10.757	352		936		9.821

55	Công trình Đường từ bản Nhung Dưới đến bản Bàng Ban, xã Chiềng Núi	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Núi	Xã Phiêng Cầm	2024-2025		1190-21/6/2024	11.500	11.237		11.237	10.601		2.658	11.237		2.658	636		10.601	
56	Nhà văn hóa bản Pha Đin, xã Chiềng Dong	UBND xã Chiềng Dong	UBND xã Chiềng Mai	Xã Chiềng Dong	Xã Chiềng Mai	2022-2023		2486 18/11/2022	500	473		473	435			473			39		435	
57	Kênh mương tưới tiêu cho đồng ruộng bản Vực Bón, xã Chiềng Mai	UBND xã Chiềng Mai	UBND xã Chiềng Mai	Xã Chiềng Mai	Xã Chiềng Mai	2022-2023		2367-31/10/2022	359	341		341	306			341			35		306	
58	Kênh mương tưới tiêu cho đồng ruộng bản Khiêng, xã Chiềng Vè	UBND xã Chiềng Vè	UBND xã Chiềng Mai	Xã Chiềng Vè	Xã Chiềng Mai	2022-2024		2489 21/11/2022	400	380		380	271			380			109		271	
59	Đường nội bản Tông Tái B xã Chiềng Chăn	UBND xã Chiềng Chăn	UBND xã Chiềng Sung	Xã Chiềng Chăn	Xã Chiềng Sung	2022-2024		2378-02/11/2022	500	471		471	427			471			45		427	
60	Công trình đường nội bản Nậm Luông, xã Chiềng Chăn	UBND xã Chiềng Chăn	UBND xã Chiềng Sung	Xã Chiềng Chăn	Xã Chiềng Sung	2023-2025		87-16/6/2023	494	469		469	460			469			9		460	
*	Các dự án chuyển tiếp								10.077	9.573	-	9.573	9.367	-	7.912	9.573	-	7.912	207		9.367	-
1	Công trình nhà văn hóa bản Lọng Nghịu, Phiêng Cầm	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Phiêng Cầm	Phiêng Cầm	2024-2025		3795 ngày 24/11/2023	1.000	950		950	907			950			43		907	
4	Đường giao thông liên bản Bàng Ban đi bản Sái Khao, xã Chiềng Núi	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Ban QLDA ĐTXD Mai Sơn thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Núi	Xã Phiêng Cầm	2024-2025		2743 ngày 12/12/2024; 654 ngày 18/2025	9.077	8.623		8.623	8.460		7.912	8.623		7.912	164		8.460	
3	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch								761	761	-	742	685	-	-	742	-	-	57		685	
*	Dự án hoàn thành quyết toán								761	761	-	742	685	-	-	742	-	-	57		685	-
1	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất Nhà văn hóa bản Ban, xã Chiềng Mai	UBND xã Chiềng Mai	UBND xã Chiềng Mai	Xã Chiềng Mai	Xã Chiềng Mai	2024-2025		90 - 21/6/2024	481	481		462	410			462			52		410	

2	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất Nhà văn hóa bán Cúp, xã Chiềng Mai	UBND xã Chiềng Mai	UBND xã Chiềng Mai	Xã Chiềng Mai	Xã Chiềng Mai	2024-2025		89 - 21/6/2024	280	280		280	275			280			5		275	
III	MỘC CHÁU								99.219	55.390	22.023	55.235	51.794	3.593	8.454	55.235	3.593	8.454	3.426		51.810	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt								38.400	11.812	5.539	11.658	11.291	-	1.997	11.658	-	1.997	366		11.291	
d	Hỗ trợ nước sinh hoạt								38.400	11.812	5.539	11.658	11.291	-	1.997	11.658	-	1.997	366		11.291	
*	Các Dự án hoàn thành quyết toán								28.500	7.451	-	7.340	6.970	-	1.155	7.340	-	1.155	371		6.970	
1	Nước sinh hoạt liên xã Tà Lại, Nà Mương, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	Ban QLDA ĐTXD huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD Mộc Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Tà Lại, Nà Mương	Đoàn Kết	2021 - 2023		309 01/03/2022	25.000	3.951		3.951	3.666		288	3.951		288	285		3.666	
2	Nâng cấp, sửa chữa công trình nước sinh hoạt bản Tông, xã Chiềng Khừa, huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD Mộc Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Chiềng Khừa	Lóng Sập	2023 - 2025		2002 07/12/2022	1.550	1.550		1.439	1.437			1.439			3		1.437	
3	Nước sinh hoạt bản Cang, xã Chiềng Khừa, huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD Mộc Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Chiềng Khừa	Lóng Sập	2024 - 2026		641 15/3/2024	1.950	1.950		1.950	1.867		867	1.950		867	83		1.867	
*	Các Dự án hoàn thành chưa quyết toán								9.900	4.361	5.539	4.317	4.322	-	842	4.317	-	842	- 4		4.322	
1	Cải tạo, nâng cấp công trình nước sinh hoạt bản Lũng Mú, Bò Liều, Tầm Phé, xã Tân Hợp, huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD Mộc Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Tân Hợp	Tân Yên	2024 - 2025		642 15/3/2024	9.900	4.361	5.539	4.317	4.322		842	4.317		842	- 4		4.322	
2	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công								41.950	25.145	16.048	25.145	22.988	65	4.152	25.145	65	4.152	2.141		23.004	
2.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi								41.950	25.145	16.048	25.145	22.988	65	4.152	25.145	65	4.152	2.141		23.004	
a	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên đối với các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn.								41.950	25.145	16.048	25.145	22.988	65	4.152	25.145	65	4.152	2.141		23.004	

*	Các Dự án hoàn thành quyết toán								12.660	7.300	5.360	7.300	6.498	20	162	7.300	20	162	802		6.498	
1	Đường giao thông từ bản Nà Cạn, xã Tả Lài - bản Tâm Phắc, xã Tân Hợp	Ban QLDA ĐTXD huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD Mộc Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Tân Hợp	Đoàn Kết, Tân Yên	2023 - 2025		2004 15/12/2022	10.660	5.300	5.360	5.300	4.562		162	5.300		162	738		4.562	
2	Đường giao thông liên bản Suối Đơn - Căng Ty, xã Chiềng Khừa	Ban QLDA ĐTXD huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD Mộc Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Chiềng Khừa	Lóng Sập	2023 - 2025		2006 15/12/2022	2.000	2.000		2.000	1.936	20	0	2.000	20	0	64		1.936	
*	Các Dự án hoàn thành chưa quyết toán								29.290	17.845	10.688	17.845	16.490	45	3.990	17.845	45	3.990	1.339		16.506	
1	Đường giao thông liên bản Tháng 5 - bản Nông Cụt, xã Tả Lài	Ban QLDA ĐTXD huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD Mộc Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Tả Lài	Đoàn Kết	2022 - 2024		1371 31/8/2022	2.000	1.243		1.243	1.148	31		1.243	31		79		1.164	
2	Đường giao thông từ bản Nà Mương - Suối Khoang, xã Tân Hợp	Ban QLDA ĐTXD huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD Mộc Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Tân Hợp	Tân Yên	2023 - 2025		3049 05/12/2024	6.500	6.500		6.500	5.953	14	2.119	6.500	14	2.119	547		5.953	
3	Đường giao thông liên bản Ông Lý - Xa Lú, xã Chiềng Khừa	Ban QLDA ĐTXD huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD Mộc Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Chiềng Khừa	Lóng Sập	2023 - 2025		2005 15/12/2022	5.500	3.800	1.700	3.800	3.787		1.287	3.800		1.287	13		3.787	
4	Điện nông thôn trên địa bàn huyện Mộc Châu, giai đoạn 2022-2025	UBND huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD Mộc Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Chiềng Sơn, Mương Sang, Tân Lập, Tân Hợp, Tả Lài, Nà Mương	Chiềng Sơn, Mộc Châu, Đoàn Kết	2023 - 2025		497 29/3/2023	15.290	6.302	8.988	6.302	5.602		584	6.302		584	700		5.602	
3	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực								6.000	5.564	436	5.564	5.287	-	494	5.564	-	494	277		5.287	

3.1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số								6.000	5.564	436	5.564	5.287	-	494	5.564	-	494	277		5.287	
a	Các Dự án hoàn thành chưa quyết toán								6.000	5.564	436	5.564	5.287	-	494	5.564	-	494	277		5.287	
1	Nâng cấp Trường PTDT BT TH&THCS xã Chiềng Khừa	Ban QLDA ĐTXD huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD Mộc Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Chiềng Khừa	Lóng Sập	2023 - 2025		526 04/4/2023	6.000	5.564	436	5.564	5.287		494	5.564		494	277		5.287	
4	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch								12.869	12.869	-	12.869	12.227	3.528	1.811	12.869	3.528	1.811	642		12.227	
a	Các Dự án chuyển tiếp								12.869	12.869	-	12.869	12.227	3.528	1.811	12.869	3.528	1.811	642		12.227	
1	Dự án bảo tồn bản truyền thống dân tộc Mông bản Tà Sồ, xã Chiềng Hắc, huyện Mộc Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Mộc Châu	UBND Phường Mộc Châu	Chiềng Hắc	Mộc Châu	2022 - 2025		2140 28/12/2022	12.869	12.869		12.869	12.227	3.528	1.811	12.869	3.528	1.811	642		12.227	
IV	PHỤ YÊN								26.918	26.620	299	26.175	21.087	0	11.684	26.175	0	11.684	1.174		25.001	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt								5.200	4.901	299	5.086	3.784	0	1.244	5.086	0	1.244	337		4.748	
d	Hỗ trợ nước sinh hoạt								5.200	4.901	299	5.086	3.784	0	1.244	5.086	0	1.244	337		4.748	
*	Các Dự án hoàn thành chưa quyết toán								5.200	4.901	299	5.086	3.784	0	1.244	5.086	0	1.244	337		4.748	
1	Xây mới Nước sinh hoạt bản Dân và bản Khảo xã Tường Hạ	Ban QLDA ĐT&ĐT huyện Phù Yên	Ban QLDA ĐT&ĐT Phù Yên thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	Xã Tường Hạ	Tường Hạ	2024-2025		2966- 22/8/2024	3.000	2.701	299	2.907	2.284		854	2.907		854	299		2.609	
2	Xây mới Nước sinh hoạt bản Nà Pục xã Tường Tiến	Ban QLDA ĐT&ĐT huyện Phù Yên	Ban QLDA ĐT&ĐT Phù Yên thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	Xã Tường Tiến	Tường Hạ	2024-2025		2969- 22/8/2024	2.200	2.200	0	2.178	1.500		390	2.178		390	39		2.139	
3	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công								21.718	21.718	0	20.994	17.302	0	10.440	20.994	0	10.440	742		20.253	
3.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi								21.718	21.718	0	20.994	17.302	0	10.440	20.994	0	10.440	742		20.253	
a	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên đối với các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn.								21.718	21.718	0	20.760	17.302	0	10.440	20.760	0	10.440	507		20.253	
*	Các Dự án hoàn thành chưa quyết toán								21.718	21.718	0	20.760	17.302	0	10.440	20.760	0	10.440	507		20.253	

1	Nâng cấp sửa chữa đường từ bản Suối Bường đi bản Suối Vách, xã Kim Bôn	Ban QLDA ĐT&ĐT huyện Phù Yên	Ban QLDA ĐTĐT Phù Yên thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	xã Kim Bôn	xã Kim Bôn	2023-2025		3685-04/12/2024	2.000	2.000		2.000	600		600	2.000		600	136		1.864	
2	Nhà văn hóa bản Do, xã Mường Do	Ban QLDA ĐT&ĐT huyện Phù Yên	Ban QLDA ĐTĐT Phù Yên thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	Mường Do	Mường Bang	2023-2025		3749-16/12/202	1.020	1.020		1.020	906		906	1.020		906	26		994	
3	Nhà văn hóa bản Cốc 2 xã Tường Hạ	Ban QLDA ĐT&ĐT huyện Phù Yên	Ban QLDA ĐTĐT Phù Yên thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	Xã Tường Hạ	Xã Tường Hạ	2023-2025		3750-16/12/202	1.375	1.375		1.375	1.355		1.355	1.375		1.355	21		1.355	
4	Nhà văn hóa bản Liên Hợp xã Tường Hạ	Ban QLDA ĐT&ĐT huyện Phù Yên	Ban QLDA ĐTĐT Phù Yên thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	Xã Tường Hạ	Xã Tường Hạ	2023-2025		3751-16/12/202	1.375	1.375		1.375	1.351		1.351	1.375		1.351	25		1.351	
5	Nhà lớp học trường TH&THCS xã Tường Tiến	Ban QLDA ĐT&ĐT huyện Phù Yên	Ban QLDA ĐTĐT Phù Yên thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	Tường Tiến	Xã Tường Hạ	2023-2025		2398 - 09/12/2023	9.950	9.950		9.950	9.815		2.953	9.950		2.953	135		9.815	
6	Đường nội bản bản Pín, xã Nam Phong	Ban QLDA ĐT&ĐT huyện Phù Yên	Ban QLDA ĐTĐT Phù Yên thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	Nam Phong	Tân Phong	2023-2025		2287-06/12/2023	2.658	2.658		1.700	510		510	1.700		510	72		1.628	
7	Nhà văn hóa bản Suối Hiền, xã Suối Bau	Ban QLDA ĐT&ĐT huyện Phù Yên	Ban QLDA ĐTĐT Phù Yên thuộc Ban QLDA ĐTXD các công	Suối Bau	Gia Phù	2023-2025		3754-16/12/202	1.020	1.020		1.020	906		906	1.020		906	21		999	

			trình NN và PTNT																		
8	Nhà văn hoá bán Sọc xã Mường Bang	Ban QLDA ĐT&ĐT huyện Phù Yên	Ban QLDA ĐTĐT Phù Yên thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	Mường Bang	Mường Bang	2025	3757- 16/12/202	1.300	1.300		1.300	1.190		1.190	1.300		1.190	45		1.255	
9	Nhà văn hoá bán Hạp Phong xã Mường Bang	Ban QLDA ĐT&ĐT huyện Phù Yên	Ban QLDA ĐTĐT Phù Yên thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	Mường Bang	Mường Bang	2025	3759- 16/12/202	1.020	1.020		1.020	670		670	1.020		670	27		993	
c	Vốn chưa phân bổ										234,428				234,428			234		0	
4	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch							0	0	0	95	0	0	0	95	0	0	95		0	
1	NVH bán Tổng Cầu, xã Mường Thái	Ban QLDA ĐT&ĐT huyện Phù Yên	Ban QLDA ĐTĐT Phù Yên thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	Xã Mường Thái	Mường Coi	2024-2025	2973- 22/8/2024	1.600	975	625	920	916		218	920		218	4		916	
2	NVH bán Mường thượng, xã Huy Tường	Ban QLDA ĐT&ĐT huyện Phù Yên	Ban QLDA ĐTĐT Phù Yên thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	Xã Huy Tường	Phù Yên	2024-2025	2965- 2/8/2024	1.600	1.528	72	878	882		405	878		405			878	
b	Vốn chưa phân bổ										94,522				94,522			95		0	
V	QUỲNH NHAI							66.745	66.745	-	67.803	62.223	-	1.764	67.803	-	1.764	5.580		62.223	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt							13.274	13.274	-	12.923	12.318	-	-	12.923	-	-	605		12.318	
d	Hỗ trợ nước sinh hoạt							13.274	13.274	-	12.923	12.318	-	-	12.923	-	-	605		12.318	
*	Các Dự án hoàn thành quyết toán							13.274	13.274	-	12.923	12.318	-	-	12.923	-	-	605		12.318	
1	Sửa chữa công trình nước sinh hoạt điểm ĐCBC Phiêng Bó	Ban QLDA ĐTXD huyện Quỳnh Nhai	Ban QLDA đầu tư xây dựng Quỳnh Nhai thuộc Ban	Nậm É	Xã Mường Sại	2022-2024	1701 - 22/8/2022	200	200		200	181			200			19		181	

			QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT																				
2	Nâng cấp, sửa chữa nước sinh hoạt bản Nong xã Nậm Êt	Ban QLDA ĐTXD huyện Quỳnh Nhai	Ban QLDA đầu tư xây dựng Quỳnh Nhai thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	Nậm Êt	Xã Mường Sại	2022-2024		1702 - 22/8/2022	1.410	1.410		1.410	1.329				1.410		81		1.329		
3	Nâng cấp nước sinh hoạt bản Lan xã Nậm Êt	Ban QLDA ĐTXD huyện Quỳnh Nhai	Ban QLDA đầu tư xây dựng Quỳnh Nhai thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	Nậm Êt	Xã Mường Sại	2022-2024		1703 - 22/8/2022	675	675		675	642				675		33		642		
4	Sửa chữa công trình nước sinh hoạt + thủy lợi điểm ĐCĐC Phiêng Luông	Ban QLDA ĐTXD huyện Quỳnh Nhai	Ban QLDA đầu tư xây dựng Quỳnh Nhai thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	Chiềng Khay	Xã Mường Chiến	2022-2024		1704 - 22/8/2022	2.120	2.120		2.120	2.072				2.120		48		2.072		
5	Nâng cấp, sửa chữa nước sinh hoạt bản Cổ Nang + Táng Luông xã Chiềng Khay	Ban QLDA ĐTXD huyện Quỳnh Nhai	Ban QLDA đầu tư xây dựng Quỳnh Nhai thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	Chiềng Khay	Xã Mường Chiến	2022-2024		1705 - 22/8/2022	1.950	1.950		1.950	1.907				1.950		43		1.907		
6	Nâng cấp, sửa chữa công trình nước sinh hoạt bản Huổi Tăm xã Mường Sại	Ban QLDA ĐTXD huyện Quỳnh Nhai	Ban QLDA đầu tư xây dựng Quỳnh Nhai thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	Mường Sại	xã Mường Sại	2022-2024		1706 - 22/8/2022	849	849		849	725				849		124		725		
7	Nâng cấp, sửa chữa nước sinh hoạt bản Huổi Tôm xã Mường Sại	Ban QLDA ĐTXD huyện Quỳnh Nhai	Ban QLDA đầu tư xây dựng Quỳnh Nhai thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	Mường Sại	xã Mường Sại	2022-2024		1707 - 22/8/2022	1.000	1.000		1.000	910				1.000		90		910		
8	Nâng cấp, sửa chữa nước sinh hoạt bản Pá Bàng xã Mường Sại	Ban QLDA ĐTXD huyện	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Mường Sại	xã Mường	2022-2024		1708 - 22/8/2022	495	495		495	482				495		13		482		

		Quỳnh Nhai	Quỳnh Nhai thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT		Sại																
9	Nước sinh hoạt bản Phát xã Cà Nàng	Ban QLDA ĐTXD huyện Quỳnh Nhai	Ban QLDA đầu tư xây dựng Quỳnh Nhai thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	Cà Nàng	xã Mường Chiến	2022-2024		1709 - 22/8/2022	2.741	2.741		2.389	2.363			2.389			26		2.363
10	Sửa chữa nước sinh hoạt Phô Pha (điểm Huổi Pha) xã Cà Nàng	Ban QLDA ĐTXD huyện Quỳnh Nhai	Ban QLDA đầu tư xây dựng Quỳnh Nhai thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	Cà Nàng	xã Mường Chiến	2022-2024		1710 - 22/8/2022	1.835	1.835		1.835	1.706			1.835			129		1.706
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết								18.206	18.206	-	18.206	17.486	-	-	18.206	-	-	720		17.486
a	Các Dự án hoàn thành quyết toán								18.206	18.206	-	18.206	17.486	-	-	18.206	-	-	720		17.486
1	Dự án định canh định cư Phiêng Bô	Ban QLDA ĐTXD huyện Quỳnh Nhai	Ban QLDA đầu tư xây dựng Quỳnh Nhai thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	Nậm Êt	xã Mường Sại	2022-2024		1677 - 21/8/2022	7.538	7.538		7.538	6.956			7.538			582		6.956
2	Dự án định canh định cư Phiêng Luông	Ban QLDA ĐTXD huyện Quỳnh Nhai	Ban QLDA đầu tư xây dựng Quỳnh Nhai thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	Chiềng Khay	xã Mường Chiến	2022-2024		1678 - 21/8/2022	10.668	10.668		10.668	10.529			10.668			139		10.529
3	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công								1.780	1.780	-	2.832	1.764	-	1.764	2.832	-	1.764	1.068	-	1.764
3.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi								1.780	1.780	-	1.780	1.764	-	1.764	1.780	-	1.764	16		1.764
a	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên đối với các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn.								1.780	1.780	-	1.780	1.764	-	1.764	1.780	-	1.764	16		1.764
*	Các Dự án chuyển tiếp								1.780	1.780	-	1.780	1.764	-	1.764	1.780	-	1.764	16		1.764
1	Đầu tư củng cố hóa đường nội bộ bản Huổi Ván, xã Mường Giôn	Ban QLDA ĐTXD huyện Quỳnh Nhai	Ban QLDA đầu tư xây dựng Quỳnh Nhai	M. Giôn	Ban QLDA	2025		908- 16/4/2025	1.780	1.780		1.780	1.764		1.764	1.780		1.764	16		1.764

			thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT																		
3.2	Chưa giao chi tiết										1.052				1.052			1.052		0	
4	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch							-	-	-	15	-	-	-	15	-	-	15		0	
b	Chưa giao chi tiết										15				15			15		0	
5	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn							33.485	33.485	-	33.827	30.655	-	-	33.827	-	-	3.172		30.655	
5.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù							33.485	33.485	-	33.827	30.655	-	-	33.827	-	-	3.172		30.655	
a	Các Dự án hoàn thành quyết toán							33.485	33.485	-	33.485	30.655	-	-	33.485	-	-	2.830		30.655	
1	Sửa chữa nhà văn hóa bản Pha Đảo	Ban QLDA ĐTXD huyện Quỳnh Nhai	Ban QLDA đầu tư xây dựng Quỳnh Nhai thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	M.Sai	xã Mường Sại	2023-2025	2613 - 26/12/2022	650	650		650	621			650			29		621	
2	Sửa chữa nhà văn hóa bản Ten Che	Ban QLDA ĐTXD huyện Quỳnh Nhai	Ban QLDA đầu tư xây dựng Quỳnh Nhai thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	M.Sai	xã Mường Sại	2023-2025	2614 - 26/12/2022	650	650		650	618			650			32		618	
3	Nâng cấp đường nội bản Ten Che xã Mường Sại	Ban QLDA ĐTXD huyện Quỳnh Nhai	Ban QLDA đầu tư xây dựng Quỳnh Nhai thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	M.Sai	xã Mường Sại	2022-2024	1900 - 28/9/2022	1.600	1.600		1.600	1.464			1.600			136		1.464	
4	Nâng cấp đường vào điểm Pha Đảo (Huổi Tăm)	Ban QLDA ĐTXD huyện Quỳnh Nhai	Ban QLDA đầu tư xây dựng Quỳnh Nhai thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	M.Sai	xã Mường Sại	2022-2024	1688 - 21/8/2022	2.000	2.000		2.000	1.763			2.000			237		1.763	
5	Đường nội bộ bản Huổi Tôm	Ban QLDA ĐTXD huyện Quỳnh Nhai	Ban QLDA đầu tư xây dựng Quỳnh Nhai thuộc Ban QLDA ĐTXD	M.Sai	xã Mường Sại	2023-2025	2612 - 26/12/2022	2.400	2.400		2.400	2.286			2.400			114		2.286	

			các công trình NN và PTNT																			
6	Nâng cấp đường nội bản Pha Đảo xã Mường Sại	Ban QLDA ĐTXD huyện Quỳnh Nhai	Ban QLDA đầu tư xây dựng Quỳnh Nhai thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	M.Sại	xã Mường Sại	2022-2024		1901 - 28/9/2022	5.600	5.600		5.600	4.557			5.600			1.043		4.557	
7	Đường nội bản Huổi Hẹ xã Nậm Ét	Ban QLDA ĐTXD huyện Quỳnh Nhai	Ban QLDA đầu tư xây dựng Quỳnh Nhai thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	N.Ét	xã Mường Sại	2022-2024		1902 - 28/9/2022	697	697		697	645			697			52		645	
8	Đường nội bản Tôm (Sáng) xã Nậm Ét	Ban QLDA ĐTXD huyện Quỳnh Nhai	Ban QLDA đầu tư xây dựng Quỳnh Nhai thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	N.Ét	xã Mường Sại	2022-2024		1903 - 28/9/2022	1.861	1.861		1.861	1.840			1.861			21		1.840	
9	Nhà ở giáo viên bản Huổi Hẹ	Ban QLDA ĐTXD huyện Quỳnh Nhai	Ban QLDA đầu tư xây dựng Quỳnh Nhai thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	N.Ét	xã Mường Sại	2022-2024		1689 - 21/8/2022	1.200	1.200		1.200	1.103			1.200			97		1.103	
10	Nhà lớp học mầm non bản Huổi Hẹ	Ban QLDA ĐTXD huyện Quỳnh Nhai	Ban QLDA đầu tư xây dựng Quỳnh Nhai thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	N.Ét	xã Mường Sại	2022-2024		1690 - 21/8/2022	1.300	1.300		1.300	1.248			1.300			52		1.248	
11	Nhà ở giáo viên bản bản Tôm (Sáng)	Ban QLDA ĐTXD huyện Quỳnh Nhai	Ban QLDA đầu tư xây dựng Quỳnh Nhai thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	N.Ét	xã Mường Sại	2022-2024		1691 - 21/8/2022	1.449	1.449		1.449	1.395			1.449			54		1.395	
12	Nhà bếp ăn mầm non bản Tôm (Sáng)	Ban QLDA ĐTXD huyện Quỳnh Nhai	Ban QLDA đầu tư xây dựng Quỳnh Nhai	N.Ét	xã Mường Sại	2023-2025		2615 - 26/12/2022	900	900		900	839			900			61		839	

			thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT																		
13	Đường GTNT bản Huổi Hẹ đến bản Hào	Ban QLDA ĐTXD huyện Quỳnh Nhai	Ban QLDA đầu tư xây dựng Quỳnh Nhai thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	N.Ét	xã Mường Sại	2022-2024	1692 - 21/8/2022	2.400	2.400		2.400	2.191			2.400			209		2.191	
14	Nhà lớp học mầm non bản Tốm (Sáng)	Ban QLDA ĐTXD huyện Quỳnh Nhai	Ban QLDA đầu tư xây dựng Quỳnh Nhai thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	N.Ét	xã Mường Sại	2022-2024	1693 - 21/8/2022	2.500	2.500		2.500	2.313			2.500			187		2.313	
15	Nâng cấp đường vào điểm bản Huổi Hẹ	Ban QLDA ĐTXD huyện Quỳnh Nhai	Ban QLDA đầu tư xây dựng Quỳnh Nhai thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	N.Ét	xã Mường Sại	2022-2024	1694 - 21/8/2022	3.838	3.838		3.838	3.516			3.838			322		3.516	
16	Nâng cấp, sửa chữa đường vào điểm bản Pha Đảo	Ban QLDA ĐTXD huyện Quỳnh Nhai	Ban QLDA đầu tư xây dựng Quỳnh Nhai thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN và PTNT	M. Sại	xã Mường Sại	2023-2025	2611 - 26/12/2022	4.440	4.440		4.440	4.255			4.440			185		4.255	
b	Chưa giao chỉ tiết										342				342			342		0	
VI	MƯỜNG LA							228.760	228.760	0	230.422	213.847	1.749	53.406	230.422	1.749	53.406	8.771		221.651	0
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt							12.086	12.086	0	12.093	11.204	0	4.143	12.093	0	4.143	889		11.204	
d	Hỗ trợ sinh hoạt							12.086	12.086	0	12.093	11.204	0	4.143	12.093	0	4.143	889		11.204	
*	Công trình đã hoàn thành quyết toán							12.086	12.086	0	12.093	11.204	0	4.143	12.093	0	4.143	889		11.204	
1	Nước sinh hoạt Pù Khôm bản Ái Ngựa xã Hua Trai	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Hua Trai	Xã Chiềng Lao	2022-2024	1922/QĐ-UBND ngày 25/11/2022	1.195	1.195		1.195	1.134		0	1.195		0	61		1.134	

2	Nước sinh hoạt bản Luót xã Ngọc Chiến	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Ngọc Chiến	Xã Ngọc Chiến	2022-2024		1960/QĐ-UBND ngày 01/12/2022	3.997	3.997		3.997	3.924		0	3.997		0	73		3.924	
3	Nâng cấp sửa chữa nước sinh hoạt bản cái Lính, xã Chiềng Muôn	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Muôn	Xã Mường La	2022-2024		2056/QĐ-UBND ngày 08/12/2022	1.499	1.499		1.499	1.441		0	1.499		0	58		1.441	
4	Sửa chữa nước sinh hoạt bản Tạ Búng, xã Tạ Bú	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Tạ Bú	Xã Mường Bú	2024-2025		77/QĐ-UBND ngày 15/01/2024	962	962		966	940		631	966		631	26		940	
5	Sửa chữa nước sinh hoạt bản Pẩu, xã Tạ Bú	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Tạ Bú	Xã Mường Bú	2022-2024		79/QĐ-UBND ngày 15/01/2024	788	788		792	788		535	792		535	3		788	
6	Nước sinh hoạt bản Nong Luông, xã Chiềng San	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng San	Xã Mường La	2024-2025		2258/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	3.645	3.645		3.645	2.977		2.977	3.645		2.977	668		2.977	
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết		0						21.312	21.312	0	21.264	20.203	0	1.255	21.264	0	1.255	239		21.025	
a	Công trình đã hoàn thành quyết toán		0						21.312	21.312	0	21.264	20.203	0	1.255	21.264	0	1.255	239		21.025	
1	Bố trí ổn định dân cư vùng lũ thiên tai lũ ống lũ quét bản Lì	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Nậm Păm	Xã Mường La	2022-2024		2257/QĐ-UBND ngày 19/12/2022	9.900	9.900		9.900	9.347		605	9.900		605	192		9.708	

2	Bổ trí sắp xếp, ổn định dân cư tại điểm TBC Pá Hát	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Pá Toong	Xã Mường La	2022-2024		1874/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	11.412	11.412		11.364	10.856		650	11.364	650	47		11.317	
3	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công								105.456	105.456	0	105.408	99.545	4	15.942	105.408	4	15.942	3.776	101.632	
3.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi								105.456	105.456	0	105.408	99.545	4	15.942	105.408	4	15.942	3.776	101.632	
a	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên đối với các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn.								94.626	94.626	0	94.577	89.862	4	14.732	94.577	4	14.732	3.091	91.486	
*	Công trình đã hoàn thành quyết toán								94.626	94.626	0	94.577	89.862	4	14.732	94.577	4	14.732	3.091	91.486	
1	Nhà văn hóa Bán Lám	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng San	Xã Mường La	2022-2024		2061/QĐ-UBND ngày 08/12/2022	1.798	1.798		1.798	1.672		276	1.798	276	126		1.672	
2	Nâng cấp đường giao thông bán Pá Pẩu	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng San	Xã Mường La	2022-2024		1796/QĐ-UBND ngày 11/11/2022	4.902	4.902		4.902	4.793		31	4.902	31	110		4.793	
3	Nhà văn hóa bán Pá Chiến	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng San	Xã Mường La	2022-2024		2067/QĐ-UBND ngày 08/12/2022	1.797	1.797		1.797	1.626		245	1.797	245	171		1.626	
4	Nhà văn hóa bán Pá Hốp	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Nậm Giôn	Xã Chiềng Lao	2022-2024		2133/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	1.393	1.393		1.393	1.331			1.393		61		1.331	
5	Nhà công vụ UBND xã Nậm Giôn	Ban QLDA đầu	Ban QLDA ĐTXD Mường	Xã Nậm Giôn	Xã Chiềng	2022-2024		1915/QĐ-UBND ngày	800	800		800	775		149	800	149	25		775	

		tư xây dựng	La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT		Lao			25/11/2022													
6	Đường giao thông bản Púng Ngua	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Nậm Giôn	Xã Chiềng Lao	2022-2024		2090/QĐ-UBND ngày 12/12/2022	2.200	2.200		2.200	2.159		436	2.200		436	41	2.159	
7	Cầu đập tràn qua suối Xám bản Pậu	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Lao	Xã Chiềng Lao	2022-2024		2086/QĐ-UBND ngày 12/12/2022	3.984	3.984		3.984	3.884		770	3.984		770	100	3.884	
8	Sửa chữa nhà văn hóa và khuôn viên Bản Léch	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Lao	Xã Chiềng Lao	2022-2024		2064/QĐ-UBND ngày 08/12/2022	700	700		700	613		66	700		66	87	613	
9	Nhà văn hóa bản Phiêng Cại + Huổi Páng, xã Chiềng Lao	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Lao	Xã Chiềng Lao	2022-2024		2154/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	1.694	1.694		1.694	1.625		299	1.694		299	69	1.625	
10	Nhà văn hóa bản Tả Sải + Huổi La, xã Chiềng Lao	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Lao	Xã Chiềng Lao	2022-2024		2167/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	1.287	1.287		1.287	1.208		179	1.287		179	79	1.208	
11	Nhà văn hóa bản Nà Xu + Xu Xám + Nà Biêng	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Lao	Xã Chiềng Lao	2022-2024		2179/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	1.561	1.561		1.561	1.514		0	1.561		0	47	1.514	

12	Nhà văn hóa bán Nậm Hồng, xã Hua Trai	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Hua Trai	Xã Chiềng Lao	2022-2024		2156/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	1.297	1.297		1.297	1.269		256	1.297		256	28		1.269	
13	Đường giao thông bán Cang Phiang	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Pi Toong	Xã Mường La	2022-2024		1885/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	2.499	2.499		2.443	2.443		0	2.443		0	0		2.443	
14	Thủy lợi bán Ten, xã Pi Toong	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Pi Toong	Xã Mường La	2022-2024		1923/QĐ-UBND ngày 25/11/2022	1.278	1.278		1.278	1.154		154	1.278		154	124		1.154	
15	Thủy lợi bán Lúa, xã Pi Toong	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Pi Toong	Xã Mường La	2022-2024		1893/QĐ-UBND ngày 24/11/2022	1.397	1.397		1.397	1.263		171	1.397		171	134		1.263	
16	Thủy lợi bán Pá Khoang	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Muôn	Xã Mường La	2022-2024		2028/QĐ-UBND ngày 07/12/2022	2.800	2.800		2.800	2.745		557	2.800		557	55		2.745	
17	Thủy lợi bán Tộc Tát Trên	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Công	Xã Chiềng Hoa	2022-2024		1961/QĐ-UBND ngày 01/12/2022	3.785	3.785		3.785	3.711		0	3.785		0	74		3.711	
18	Nhà văn hóa bán Chông Du Tàu	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình	Xã Chiềng Công	Xã Chiềng Hoa	2022-2024		2174/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	1.460	1.460		1.460	1.405		260	1.460		260	55		1.405	

			Nông nghiệp và PTNT																		
19	Nhà văn hóa bản Tảo Ván	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Cống	Xã Chiềng Hoa	2022-2024		2176/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	1.459	1.459		1.459	1.429		284	1.459		284	30	1.429	
20	Nhà văn hóa bản Lọng Bó	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Cống	Xã Chiềng Hoa	2022-2024		2177/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	1.401	1.401		1.401	1.363		260	1.401		260	38	1.363	
21	Nhà văn hóa bản Xã Súng	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Ân	Xã Chiềng Hoa	2022-2024		2129/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	1.486	1.486		1.486	1.473		309	1.486		309	13	1.473	
22	Thủy lợi Lạ Lầu, bản Nong Hoi Dưới	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Ân	Xã Chiềng Hoa	2022-2024		2053/QĐ-UBND ngày 08/12/2022	2.500	2.500		2.500	2.415		0	2.500		0	85	2.415	
23	Nâng cấp tuyến đường từ trung tâm xã đến bản Hán Trạng, Xã Súng	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Ân	Xã Chiềng Hoa	2022-2024		1882/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	10.761	10.761		10.761	10.582		1.426	10.761		1.426	179	10.582	
24	Nhà văn hóa bản Pá Tong, xã Tạ Bú	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Tạ Bú	Xã Mường Bú	2022-2024		2169/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	1.299	1.299		1.299	1.266		251	1.299		251	33	1.266	
25	Nhà văn hóa UBND xã Tạ Bú	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban	Xã Tạ Bú	Xã Mường Bú	2022-2024		2070/QĐ-UBND ngày 12/12/2022	3.641	3.641		3.646	3.455		1.379	3.646		1.379	191	3.455	

			QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT																		
26	Nhà văn hóa bán Lúa Xé	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Hoa	Xã Chiềng Hoa	2022-2024		2187/QĐ- UBND ngày 19/12/2022	1.293	1.293		1.293	1.243		232	1.293		232	50	1.243	
27	Nhà văn hóa bán Nong É	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Hoa	Xã Chiềng Hoa	2022-2024		2128/QĐ- UBND ngày 15/12/2022	1.288	1.288		1.288	1.251		243	1.288		243	37	1.251	
28	Nhà văn hóa UBND xã Chiềng Hoa	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Hoa	Xã Chiềng Hoa	2022-2024		2060/QĐ- UBND ngày 08/12/2022	2.496	2.496		2.496	2.433		482	2.496		482	63	2.433	
29	Nhà văn hóa bán Huổi Má xã Chiềng Hoa	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Hoa	Xã Chiềng Hoa	2022-2024		2180/QĐ- UBND ngày 15/12/2022	1.229	1.229		1.229	1.193		222	1.229		222	36	1.193	
30	Dự án điện nông thôn, điện không an toàn trên địa bàn huyện Mường La	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Huyện Mường La	Xã Mường La	2022-2024		1838/QĐ- UBND ngày 18/11/2022	10.972	10.972		10.972	9.109	4	1.385	10.972	4	1.385	238	10.734	
31	Tuyến đường trục bán từ đầu điểm trường học đến nhà ông Lữ bán Pá Xúm	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Mường Bú	Xã Mường Bú	2022-2024		1797/QĐ- UBND ngày 11/11/2022	1.808	1.808		1.808	1.765		354	1.808		354	43	1.765	
32	Nhà văn hóa bán Huổi Hào	Ban QLDA đầu	Ban QLDA	Xã Mường Bú	Xã	2022-2024		2164/QĐ-	1.298	1.298		1.298	1.225		0	1.298		0	73	1.225	

		tư xây dựng	ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT		Mường Bú			UBND ngày 15/12/2022													
33	Đường nội bản Pá Xúm	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Mường Bú	Xã Mường Bú	2022-2024		1879/QĐ- UBND ngày 23/11/2022	1.551	1.551		1.551	1.517		0	1.551		0	33	1.517	
34	Đường từ đường vành đai Năm Giôn đến Bản Huồi Ban	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Mường Trai	Xã Mường La	2022-2024		1691/QĐ- UBND ngày 31/10/2022	2.591	2.591		2.591	2.500		489	2.591		489	91	2.500	
35	Mở rộng và xây đắp tràn đường giao thông bản Nà Nong lên nghĩa trang nhân dân bản Nà Nong	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Thị trấn Ít Ong	Xã Mường La	2022-2024		2083/QĐ- UBND ngày 12/12/2022	2.126	2.126		2.126	1.915		261	2.126		261	211	1.915	
36	Sửa chữa, nâng cấp đường tiểu khu Nang Cau	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Thị trấn Ít Ong	Xã Mường La	2022-2024		2085/QĐ- UBND ngày 12/12/2022	500	500		500	461		73	500		73	38	461	
37	Đường giao thông bản Nà Tông (giáp nhà máy may đi vào UBND thị trấn)	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Thị trấn Ít Ong	Xã Mường La	2022-2024		2092/QĐ- UBND ngày 12/12/2022	3.647	3.647		3.647	3.593		852	3.647		852	54	3.593	
38	Đường giao thông nông thôn từ bản Nong Chay đến bản Nà Thườn xã Mường Chùm	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và	Xã Mường Chùm	Xã Mường Bú	2022-2024		1799/QĐ- UBND ngày 11/11/2022	1.334	1.334		1.334	1.308		266	1.334		266	26	1.308	

			PTNT																		
39	Đường giao thông vào bản Púng Quai, xã Chiềng San	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng San	Xã Mường La	2024-2025		126/QĐ-UBND ngày 18/01/2024	3.315	3.315		3.317	3.174		2.114	3.317		2.114	143		3.174
b	Đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.								10.830	10.830	0	10.830	9.683	0	1.210	10.830	0	1.210	685		10.145
*	Công trình đã hoàn thành quyết toán								10.830	10.830	0	10.830	9.683	0	1.210	10.830	0	1.210	685		10.145
1	Đầu tư chợ xã Ngọc Chiến huyện Mường La	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Ngọc Chiến	Xã Ngọc Chiến	2022-2024		1933/QĐ-UBND ngày 29/11/2022	7.833	7.833		7.833	6.833		889	7.833		889	538		7.295
2	Đầu tư chợ xã Chiềng Lao huyện Mường La	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Lao	Xã Chiềng Lao	2022-2024		1919/QĐ-UBND ngày 25/11/2022	2.998	2.998		2.998	2.850		321	2.998		321	147		2.850
4	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch								641	641	0	762	641	641	0	762	641	0	121		641
a	Công trình đã hoàn thành nhưng chưa quyết toán								641	641	0	762	641	641	0	762	641	0	121		641
1	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa bản Pú Pầu, xã Chiềng San	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng San	Xã Mường La	2024-2025		2260/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	284	284		300	284	284		300	284		16		284
2	Nâng cấp, Cải tạo nhà văn hóa bản Tôm, xã Tạ Bú	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Tạ Bú	Xã Mường Bú	2024-2025		2261/QĐ-UBND ngày 11/12/2024	357	357		462	357	357		462	357		105		357
c	Vốn chưa phân bổ																			0	
5	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn								89.265	89.265	0	90.895	82.254	1.104	32.065	90.895	1.104	32.065	3.746		87.149
5.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù								89.265	89.265	0	90.895	82.254	1.104	32.065	90.895	1.104	32.065	3.746		87.149

a	Công trình đã hoàn thành quyết toán								69.603	69.603	0	70.735	64.583	938	25.178	70.735	938	25.178	3.248		67.487	
1	Xây dựng nhà giáo viên bán Pá Xã Hồng, xã Chiềng Ân	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Ân	Xã Chiềng Hoa	2022-2024	2030/QĐ-UBND ngày 07/12/2022		499	499		484	488	0	0	484	0	0	-4		488	
2	Thủy lợi Pá Kim, xã Chiềng Muôn	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Muôn	Xã Mường La	2022-2024	1798/QĐ-UBND ngày 11/11/2022		4.698	4.698		4.664	4.626	0	0	4.664	0	0	37		4.626	
3	Sửa chữa, nâng cấp lớp học bán Pá Xã Hồng, xã Chiềng Ân	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Ân	Xã Chiềng Hoa	2024-2025	151/QĐ-UBND ngày 22/01/2024		548	548		550	513	0	222	550	0	222	37		513	
4	Công trình Cầu bán Pá Xã Hồng, xã Chiềng Ân	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Ân	Xã Chiềng Hoa	2024-2025	181/QĐ-UBND ngày 24/01/2024		11.682	11.682		11.682	11.294	0	6.241	11.682	0	6.241	91		11.591	
5	Đường giao thông nội bản + kẻ chống sạt lở khu bán Pá Kim, xã Chiềng Muôn	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Muôn	Xã Mường La	2024-2025	180/QĐ-UBND ngày 24/01/2024		788	788		800	767	0	344	800	0	344	33		767	
6	Sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi bán Pá Kim, xã Chiềng Muôn	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Muôn	Xã Mường La	2024-2025	152/QĐ-UBND ngày 22/01/2024		1.895	1.895		1.900	1.806	0	802	1.900	0	802	94		1.806	
7	Nhà văn hóa bán Nong Quai, xã Chiềng Muôn	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD	Xã Chiềng Muôn	Xã Mường La	2024-2025	239/QĐ-UBND ngày 02/02/2024		1.617	1.617		1.617	804	0	362	1.617	0	362	62		1.554	

			các công trình Nông nghiệp và PTNT																			
8	Sửa chữa, nâng cấp điểm trường mầm non bán Nong Quai, xã Chiềng Muôn	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Muôn	Xã Mường La	2024-2025		99/QĐ-UBND ngày 16/01/2024	699	699		700	699	0	330	700	0	330	1		699	
9	Đường giao thông liên bản Pá Xã Hồng, xã Chiềng An đi bản Nậm Hồng, xã Chiềng Công	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng An + Chiềng Công		2024-2025		146/QĐ-UBND ngày 22/01/2024	8.877	8.877		9.569	7.786	415	2.316	9.569	415	2.316	1.073		8.496	
10	Xây dựng sân chơi cho trẻ Nậm Hồng, Chiềng Công	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Công	Xã Chiềng Hoa	2024-2025		158/QĐ-UBND ngày 22/01/2024	745	745		750	722	0	326	750	0	326	28		722	
11	Sửa chữa, nâng cấp điểm trường mầm non bán Ké, xã Ngọc Chiến	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Ngọc Chiến	Xã Ngọc Chiến	2024-2025		98/QĐ-UBND ngày 16/01/2024	1.198	1.198		1.200	1.132	0	498	1.200	0	498	68		1.132	
12	Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông bản Pá Tây, xã Pá Toong	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Pá Toong	Xã Mường La	2024-2025		87/QĐ-UBND ngày 15/01/2024	7.444	7.444		7.500	7.096	0	3.134	7.500	0	3.134	244		7.256	
13	Sửa chữa, nâng cấp điểm trường mầm non bán Huổi Ban, xã Mường Trai	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Mường Trai	Xã Mường La	2024-2025		150/QĐ-UBND ngày 22/01/2024	850	850		850	824	0	374	850	0	374	26		824	
14	Kè chống sạt lở khu dân cư, trường học bản Huổi Ban, xã Mường Trai	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường	Xã Mường Trai	Xã Mường	2024-2025		153/QĐ-UBND ngày	2.490	2.490		2.500	2.022	523	702	2.500	523	702	93		2.407	

			La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT		La			22/01/2024													
15	Sửa chữa, nâng cấp điểm trường mầm non bản Huổi Ngần, xã Nậm Giôn	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Nậm Giôn	Xã Chiềng Lao	2024-2025		44/QĐ-UBND ngày 08/01/2024	688	688		700	661	0	291	700	0	291	39	661	
16	Kê bảo vệ khu dân cư bản Huổi Ngần, xã Nậm Giôn	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Nậm Giôn	Xã Chiềng Lao	2024-2025		97/QĐ-UBND ngày 16/01/2024	3.404	3.404		3.500	3.329	0	1.480	3.500	0	1.480	171	3.329	
17	Thủy Lợi Bản Huổi Ngần, xã Nậm Giôn	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Nậm Giôn	Xã Chiềng Lao	2024-2025		41/QĐ-UBND ngày 08/01/2024	2.498	2.498		2.500	2.375	0	1.055	2.500	0	1.055	125	2.375	
18	Sửa chữa, nâng cấp điểm trường mầm non bản Huổi Lẹ, xã Nậm Giôn	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Nậm Giôn	Xã Chiềng Lao	2024-2025		45/QĐ-UBND ngày 08/01/2024	719	719		720	694	0	314	720	0	314	26	694	
19	Sửa chữa, nâng cấp điểm trường mầm non bản Co Đưa, xã Nậm Giôn	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Nậm Giôn	Xã Chiềng Lao	2024-2025		43/QĐ-UBND ngày 08/01/2024	681	681		700	599	0	229	700	0	229	101	599	
20	Kê chống sạt lở khu dân cư, trường học bản Huổi Tổng, xã Chiềng Lao	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Lao	Xã Chiềng Lao	2024-2025		294/QĐ-UBND ngày 26/02/2024	1.087	1.087		1.050	1.050	0	522	1.050	0	522	0	1.050	

21	Đường giao thông nội bản Huổi Tông, xã Chiềng Lao	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Lao	Xã Chiềng Lao	2024-2025		125/QĐ-UBND ngày 18/01/2024	9.517	9.517		9.800	8.649	0	3.472	9.800	0	3.472	586	9.214	
22	Đường giao thông nội bản Tàng Khè - Huổi Quảng, xã Chiềng Lao	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Lao	Xã Chiềng Lao	2024-2025		127/QĐ-UBND ngày 18/01/2024	2.497	2.497		2.500	2.497	0	391	2.500	0	391	3	2.497	
23	Đường giao thông bản Huổi Hóc, xã Nậm Păm	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Nậm Păm	Xã Mường La	2024-2025		179/QĐ-UBND ngày 24/01/2024	3.499	3.499		3.500	3.169	0	1.320	3.500	0	1.320	293	3.207	
24	Kè chống sạt lở khu dân cư, trường học bản Huổi Liêng, xã Nậm Păm	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Nậm Păm	Xã Mường La	2024-2025		78/QĐ-UBND ngày 15/01/2024	981	981		1.000	981	0	453	1.000	0	453	19	981	
b	Công trình đã hoàn thành nhưng chưa quyết toán								14.974	14.974	0	15.360	13.629	0	5.380	15.360	0	5.380	386	14.974	
1	Đường liên bản Lọng Bong - Nậm Hồng, xã Hua Trai	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Hua Trai	Xã Chiềng Lao	2024-2025		159/QĐ-UBND ngày 22/01/2024	9.381	9.381		9.660	8.553		3.315	9.660		3.315	279	9.381	
2	Đường giao thông nội bản Nong Quai, xã Chiềng Muôn	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Muôn	Xã Mường La	2024-2025		84/QĐ-UBND ngày 15/01/2024	3.696	3.696		3.800	3.358	0	1.351	3.800	0	1.351	104	3.696	
3	Nhà văn hóa bản Huổi Ngàn, xã Nậm Giôn	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD	Xã Nậm Giôn	Xã Chiềng Lao	2024-2025		81/QĐ-UBND ngày 15/01/2024	1.897	1.897		1.900	1.718	0	714	1.900	0	714	3	1.897	

			các công trình Nông nghiệp và PTNT																		
c	Công trình đang thi công							4.688	4.688	0	4.800	4.042	166	1.507	4.800	166	1.507	112		4.688	
1	Đường giao thông bản Huổi Ngán, xã Nậm Giôn	Ban QLDA đầu tư xây dựng	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Nậm Giôn	Xã Chiềng Lao	2024-2025	83/QĐ- UBND ngày 15/01/2024	4.688	4.688		4.800	4.042	166	1.507	4.800	166	1.507	112		4.688	
VII	SÔNG MÃ							34.965	34.422	543	36.014	30.506	-	8.155	36.014	-	8.155	4.286		31.728	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt							11.300	11.300	-	10.528	11.117	-	4.512	10.528	-	4.512	-		10.528	
d	Hỗ trợ nước sinh hoạt							11.300	11.300	-	10.528	11.117	-	4.512	10.528	-	4.512	-	-	10.528	
*	Các Dự án hoàn thành quyết toán							11.300	11.300	0	10.528	11.117	0	4.512	10.528	0	4.512	0	0	10.528	
1	Nước sinh hoạt bản Nà Lăn, xã Yên Hưng	Ban QLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Ban QLDA ĐTXD Sông Mã thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Yên Hưng	Xã Chiềng Sơ	2024-2025	2390- 21/8/2024	3.000	3.000		2.754	2.839		134	2.754		134			2.754	
2	Nước sinh hoạt bản Huổi Léch xã Đũa Môn	Ban QLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Ban QLDA ĐTXD Sông Mã thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Đũa Môn	Xã Mường Lăm	2024-2025	2391- 23/8/2024	2.800	2.800		2.607	2.779		617	2.607		617			2.607	
3	Nước sinh hoạt bản Khua Hơ, xã Huổi Một	Ban QLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Ban QLDA ĐTXD Sông Mã thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Huổi Một	Xã Huổi Một	2024-2025	3275- 11/11/2024	2.800	2.800		2.698	2.800		1.871	2.698		1.871			2.698	
4	Nước sinh hoạt bản Huổi Nóng, xã Chiềng Khoong,	Ban QLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Ban QLDA ĐTXD Sông Mã thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Khoong	Xã Chiềng Khoong	2024-2025	3276- 11/11/2024	2.700	2.700		2.469	2.700		1.890	2.469		1.890			2.469	
3	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các							16.583	16.040	543	15.326	12.704	-	3.300	15.326	-	3.300	811		14.515	

	đơn vị sự nghiệp công																			
3.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi							16.583	16.040	543	15.326	12.704	-	3.300	15.326	-	3.300	811		14.515
a	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên đối với các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn.							16.583	16.040	543	15.326	12.704	-	3.300	15.326	-	3.300	814		14.512
*	Các Dự án hoàn thành quyết toán							16.583	16.040	543	15.326	12.704	0	3.300	15.326	0	3.300	814	3	14.515
1	Nhà lớp học mầm non bản Mường Cai, xã Mường Cai	Ban QLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Ban QLDA ĐTXD Sông Mã thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Mường Cai	Xã Chiềng Khoong	2022-2023		4254 - 19/8/2022	1.783	1.400	383	1.245	1.248		1.245				3	1.248
2	Thủy lợi Nà Kéo, bản Đũa Luông, xã Đũa Mòn	Ban QLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Ban QLDA ĐTXD Sông Mã thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Đũa Mòn	Xã Mường Lầm	2022-2023		4249 - 19/8/2022	2.400	2.240	160	1.857	1.714		1.857			143		1.714
3	Nâng cấp tuyến đường từ Bản Ten đến bản Co Tông xã Chiềng En	Ban QLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Ban QLDA ĐTXD Sông Mã thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng En	Xã Bó Sinh	2024-2025		5581- 13/11/2023	5.000	5.000		5.000	3.708		1.400	5.000		1.400	314	4.686
4	Cầu treo qua suối Lẹ bản Nà Hò - khu Buôn Ban, xã Mường Sai	Ban QLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Ban QLDA ĐTXD Sông Mã thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Mường Sai	Xã Chiềng Khương	2024-2025		5585- 13/11/2023	1.800	1.800		1.624	1.398		500	1.624		500	(60)	1.684
5	Nhà văn hóa bản Bon, xã Chiềng Khoong	Ban QLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Ban QLDA ĐTXD Sông Mã thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Khoong	Xã Chiềng Khoong	2024-2025		5574- 13/11/2023	700	700		700	573		200	700		200	39	661
6	Cầu cứng qua suối Sít, bản Sái - bản Púng Căm, xã Mường Sai	Ban QLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Ban QLDA ĐTXD Sông Mã thuộc Ban QLDA ĐTXD	Xã Mường Sai	Xã Chiềng Khương	2024-2025		5584- 13/11/2023	4.000	4.000		4.000	3.400		1.000	4.000		1.000	343	3.657

[illegible]

2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết									30.878	30.878	0	30.888	25.942	13	4.689	30.888	13	4.689	4.946	0	25.942	
*	Các Dự án hoàn thành quyết toán									20.388	20.388	0	20.388	16.413	13	160	20.388	13	160	3.975		16.413	
1	Dự án bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Pu Hao, xã Mường Lạn	Ban QLDA ĐTXD huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Mường Lạn	Xã Mường Lạn	2022-2024		2189, 18/11/2022		20.388	20.388	0	20.388	16.413	13	160	20.388	13	160	3.975		16.413	
*	Các Dự án chuyển tiếp									10.490	10.490	0	10.500	9.529	0	4.529	10.500	0	4.529	971		9.529	
1	Dự án bố trí sắp xếp dân cư tập trung (tại chỗ) bản Năm Pùn, xã Mường Lèo	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Mường Lèo	Xã Mường Lèo	2024-2025		1076, 17/9/2024		10.490	10.490	0	10.500	9.529		4.529	10.500		4.529	971		9.529	
3	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công									16.531	12.874	3.657	6.788	6.699	0	3.064	6.788	0	3.064	89	5.780	12.478	
3.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi									16.531	12.874	3.657	6.788	6.699	0	3.064	6.788	0	3.064	89	5.780	12.478	
a	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên đối với các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn.									16.531	12.874	3.657	6.788	6.699	0	3.064	6.788	0	3.064	89	5.780	12.478	
*	Các Dự án hoàn thành quyết toán									4.031	4.031	0	3.724	3.635	0	0	3.724	0	0	89		3.635	
1	Cấp điện khu bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Năm Lạn, xã Mường Lạn, huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Mường Lạn	Xã Mường Lạn	2023-2025		1867, 26/9/2023		4.031	4.031	0	3.724	3.635			3.724			89		3.635	
*	Các Dự án chuyển tiếp									12.500	8.843	3.657	3.064	3.064	0	3.064	3.064	0	3.064	0	5.780	8.843	
1	Nhà bán trú điểm trung tâm trường PTDT BT Tiểu học Mường Lạn xã Mường Lạn	Ban QLDA ĐTXD huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Mường Lạn	Xã Mường Lạn	2024-2025		1364, 19/11/2024		12.500	8.843	3.657	3.064	3.064		3.064	3.064		3.064		5.780	8.843	
4	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực									14.980	14.980	0	15.175	14.418	0	1.327	15.175	0	1.327	561		14.614	
*	Các Dự án hoàn thành quyết toán									14.980	14.980	0	15.175	14.418	0	1.327	15.175	0	1.327	561		14.614	

1	Trường PTDT bán trú TH và THCS Năm Lạnh huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Năm Lạnh	Xã Sốp Cộp	2022-2023		2017, 29/10/2022	14.980	14.980	0	15.175	14.418		1.327	15.175		1.327	561		14.614	
IX	THUẬN CHÂU								161.959	159.964	0	158.952	140.260	2.301	47.018	158.952	2.301	47.018	17.486		141.466	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt								9.246	9.246	0	9.934	8.525	0	7.328	9.934	0	7.328	1.184		8.750	
a	Hỗ trợ đất ở											641				641			641		0	
d	Hỗ trợ nước sinh hoạt								9.246	9.246	0	9.293	8.525	0	7.328	9.293	0	7.328	543		8.750	
*	Các Dự án hoàn thành quyết toán								1.500	1.500	0	1.500	1.437	0	240	1.500	0	240	63		1.437	
1	NSH bán Nà Muống, xã É Tông	Ban QLDA ĐTXD huyện Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	É tông	Long Hẹ	2024-2025		4505-18/10/2024	1.500	1.500		1.500	1.437		240	1.500		240	63		1.437	
*	Các Dự án hoàn thành chưa quyết toán								2.046	2.046	0	2.046	2.000	0	2.000	2.046	0	2.000	46		2.000	
1	NSH bán Hát Pàng xã Mường Bám	Ban QLDA ĐTXD huyện Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Mường Bám	Mường Bám	2025-2026		5193-09/12/2024	2.046	2.046		2.046	2.000		2.000	2.046		2.000	46		2.000	
*	Các Dự án chuyển tiếp								5.700	5.700	0	5.700	5.088	0	5.088	5.700	0	5.088	388		5.312	
1	NSH bán Linh Luông, xã Chiềng Pắc	Ban QLDA ĐTXD huyện Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Chiềng Pắc	Thuận Châu	2025-2026		5194-09/12/2024	2.800	2.800		2.800	2.625		2.625	2.800		2.625	175		2.625	
2	NSH bán Pục Tôm xã Mường Khiêng	Ban QLDA ĐTXD huyện Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Mường Khiêng	Mường Khiêng	2025-2026		5195-09/12/2024	2.900	2.900		2.900	2.463		2.463	2.900		2.463	213		2.687	
*	Chưa phân bổ chi tiết											47				47			47		0	

2	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công							114.685	112.689	0	111.348	98.608	477	31.621	111.348	477	31.621	12.337		99.011	
2.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi							114.685	112.689	0	111.348	98.608	477	31.621	111.348	477	31.621	12.337		99.011	
a	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên đối với các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn.							114.685	112.689	0	111.348	98.608	477	31.621	111.348	477	31.621	12.337		99.011	
*	Các Dự án hoàn thành quyết toán							52.543	50.548	0	47.022	45.449	23	2.970	47.022	23	2.970	1.573		45.449	
1	Đường vào bản Pá Ný	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Pá Lông	Co Mạ	2022-2023		5097-05/10/2022	6.400	5.600		5.556	5.418			5.556	0	0	137		5.418
2	Đường giao thông bản Chùn	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Thôn Môn	Thuận Châu	2022-2023		5077-29/9/2022	6.952	5.952		5.952	5.696			5.952	0	0	256		5.696
3	NLH trường TH Co Mạ 1	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Co Mạ	Co Mạ	2022-2023		5658-04/11/2022	6.000	5.880		4.099	4.090			4.099	0	0	9		4.090
4	NVH xã Mường É	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Mường É	Mường É	2022-2023		5669-04/11/2022	3.780	3.705		2.005	1.865			2.005	0	0	140		1.865
5	Đường giao thông bản Phé	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Tôgn Cọ	Chiềng La	2023-2024		2025-21/4/2023	1.918	1.918		1.918	1.757			1.918	0	0	161		1.757
6	Đường giao thông bản Hán - Tạ Khoang	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Chiềng Pha	Bình Thuận	2024-2025		5794 22/11/2023	7.562	7.562		7.562	7.380		1.380	7.562	0	1.380	182		7.380
7	NBT trường THCS Mường Khiêng, xã Mường Khiêng	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Mường Khiêng	Mường Khiêng	2024-2025		5798 22/11/2023	4.687	4.687		4.687	4.561		623	4.687	0	623	126		4.561
8	Cầu Pá Hốc, xã Co Tông	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Co Tông	Co Mạ	2024-2025		5618 17/11/2023	977	977		977	911	10		977	10	0	65		911
9	Nhà văn hóa bản Pá Chảo A	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và	Co Tông	Co Mạ	2024-2025		6056 25/11/2023	1.270	1.270		1.270	1.205	13		1.270	13	0	65		1.205

			PTNT																			
10	Đường vào bản Tụ Tầu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Pá Lông	Cò Mạ	2024-2025		5606 16/11/2023	4.441	4.441		4.441	4.212		846	4.441	0	846	229		4.212	
11	Trường MN 1T4P điểm Pha Lụ	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Chiềng La	Chiềng La	2024-2025		5793 22/11/2023	3.557	3.557		3.557	3.479		51	3.557	0	51	78		3.479	
12	Đường bản Kẹ - bản Mầu Xá	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Phổng Láp	Mường É	2024-2025		5792 22/11/2023	5.000	5.000		5.000	4.877		70	5.000	0	70	123		4.877	
*	Các Dự án hoàn thành chưa quyết toán								35.625	35.625	0	34.445	33.175	413	8.709	34.445	413	8.709	1.270		33.175	
1	Nhà ở bán trú học sinh trường PTDTBT - THCS Cò Mạ	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Cò Mạ	Cò Mạ	2024-2025		6055 25/11/2023	8.069	8.069		8.069	7.822		2.022	8.069	0	2.022	247		7.822	
2	Nhà lớp học trường TH - THCS É Tổng	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	É Tổng	Long Hẹ	2024-2025		5620 17/11/2023	4.800	4.800		3.753	3.566		1.066	3.753	0	1.066	187		3.566	
3	Cầu qua suối Hua Lánh - Pá Lầu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	bản Lắm	Muối Nội	2024-2025		5607 16/11/2023	2.200	2.200		2.200	2.066		466	2.200	0	466	134		2.066	
4	Đường vào bản Pù	Ban QLDA	Ban QLDA	Chiềng Ngâm	Chiềng	2024-2025		5796	6.142	6.142		6.030	5.997		855	6.030	0	855	33		5.997	

		ĐTXD Thuận Châu	ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT		La			22/11/2023													
5	Cầu bản Múa	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Chiềng Ngâm	Chiềng La	2024-2025		5797 22/11/2023	1.782	1.782		1.782	1.694		1.106	1.782	0	1.106	88	1.694	
6	Cầu bản Pải	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Nậm Lầu	Nậm Lầu	2024-2025		5609 16/11/2023	2.689	2.689		2.668	2.598	0	398	2.668	0	398	70	2.598	
7	Dự án điện an toàn trên địa bàn huyện	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Mường Khiêng, Pá Lông...	Mường Khiêng, Co Mạ	2024-2025		6049 24/11/2023	5.096	5.096		5.096	4.922	412	55	5.096	412	55	174	4.922	
8	Thủy lợi bản Tĩm	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Chiềng Bóm	Púng Tra	2024-2025		5795 22/11/2023	2.580	2.580		2.580	2.401		1.385	2.580	0	1.385	179	2.401	
9	Đường vào bản Dồm	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Púng Tra	Púng Tra	2024-2025		5608 16/11/2023	2.267	2.267		2.267	2.110		1.356	2.267	0	1.356	157	2.110	
*	Các Dự án chuyển tiếp								26517	26517	0	26517	19.983	41	19.942	26.517	41	19.942	6.130	20.387	
1	Đường giao thông bản Búa, xã Phông Láng	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình	Phông Láng		2024-2025		4944 - 20/11/2024	540	540		540	535		535	540	0	535	5	535	

			Nông nghiệp và PTNT																		
2	Đường giao thông nội bán Co Kiệt	Ban QLDA huyện	Đã chuyển về xã Mường Khiêng làm CĐT	Liệp Tề	Mường Khiêng	2024-2025		4948 - 20/11/2024	4.424	4.424		4.424				4.424			4.424		0
3	NLH 2T6P TH-THCS Bán Lắm	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Bán Lắm		2024-2025		5169 7/12/2024	6.100	6.100		6.100	6.038		6.038	6.100	0	6.038	12		6.088
4	NLH 2T6P Trường MN 19/5 Phổng Láp	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Phổng Láp		2024-2025		5170 7/12/2024	8.200	8.200		8.200	8.100		8.100	8.200	0	8.100	10		8.190
5	Nhà văn hóa bán Pá Hóc	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Có Tông		2024-2025		5171 7/12/2024	1.270	1.270		1.270	1.237		1.237	1.270	0	1.237	29		1.241
6	NVH bán Khem	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Bó Mười		2024-2025		5172 7/12/2024	1.300	1.300		1.300	1.291	41	1.250	1.300	41	1.250	9		1.291
7	NVH bán Phạ	Ban QLDA huyện	Đã chuyển về xã Nậm Lầu làm CĐT	Púng Tra	Nậm Lầu	2024-2025		5173 7/12/2024	1.591	1.591		1.591				1.591			1.591		0
8	Nhà văn hóa bán Lót Mán	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Bó Mười		2024-2025		5174 7/12/2024	1.500	1.500		1.500	1.492		1.492	1.500	0	1.492	8		1.492
9	Nhà văn hoá bán Ái Khôm, xã Mường É	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban	Mường É		2024-2025		1685 10/4/2025	1.591	1.591		1.591	1.290		1.290	1.591	0	1.290	42		1.550

			QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT																		
*	Phân bổ chi tiết sau										3.365					3.365			3.365		0
3	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực								0	0		269	0	0	0	269	0	0	269		0
3.1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số								0	0	0	269	0	0	0	269	0	0	269		0
b	Phân bổ chi tiết sau										269					269			269		0
4	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch								1.436	1.436	0	1.422	1.327	556	623	1.422	556	623	12		1.410
*	Dự án hoàn thành chưa quyết toán								1.436	1.436		1.422	1.327	556	623	1.422	556	623	12		1.410
1	Nhà văn hóa bán Phát Chấp, xã Mường É	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Mường É	Mường É	2024-2025		4905 17/11/2024	1.436	1.436		1.422	1.327	556	623	1.422	556	623	12		1.410
5	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn								36.593	36.593		35.980	31.801	1.268	7.447	35.980	1.268	7.447	3.684		32.295
5.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù								36.593	36.593	0	35.980	31.801	1.268	7.447	35.980	1.268	7.447	3.684		32.295
a	Dự án hoàn thành quyết toán								6.611	6.611	0	6.223	5.908	3	147	6.223	3	147	315		5.908
1	Thủy Lợi bản Hiến, xã Liệp Tè	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Liệp Tè	Mường Khương	2024-2025		5610 16/11/2023	693	693		693	581			693	0	0	113		581
2	Thủy Lợi Bó Mạ	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Nong Lay	Chiềng La	2024-2025		5800 22/11/2023	696	696		696	580	3		696	3	0	116		580
3	Nhà bán trú Trường THCS Liệp Tè - Bản Hiến	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Liệp Tè	Mường Khương	2024-2025		6058 25/11/2023	5.222	5.222		4.833	4.747		147	4.833	0	147	86		4.747
b	Các Dự án hoàn thành chưa quyết toán								20.944	20.944	0	20.719	19.796	1.203	1.266	20.719	1.203	1.266	923		19.796
1	Đường giao bản Song - Quốc lộ 6	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Chiềng La	Chiềng La	2023-2024		1727- 13/4/2023	7.079	7.079		7.079	6.861	113		7.079	113	0	218		6.861
2	Lưới điện sinh hoạt tại các bản có đồng bào dân tộc La Ha	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Liệp tè, chiềng La, ...	Mường Khương; Chiềng La	2024-2025		6051 24/11/2023	6.000	6.000		5.775	5.696		1.027	5.775	0	1.027	80		5.696
3	Nhà lớp học Trường THCS Liệp Tè - Bản Hiến	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Liệp Tè	Mường Khương	2024-2025		6059 24/11/2023	6.368	6.368		6.368	5.807	1.021	7	6.368	1.021	7	561		5.807
4	Kê chống sạt lở Trường THCS Liệp Tè - Bản Hiến	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu		Liệp Tè	Mường Khương	2024-2025		6060 25/11/2023	1.497	1.497		1.497	1.433	69	233	1.497	69	233	64		1.433
c	Các Dự án chuyển tiếp								9.038	9.038	0	9.038	6.097	62	6.033	9.038	62	6.033	2.447		6.591

1	Đường xuống bến đò bán Tát Uớt	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Liệp Tề	Mường Khiêng	2024-2025		4949 - 20/11/2024	1.550	1.550		1.550	1.508		1.508	1.550	0	1.508	42		1.508	
2	Nâng cấp, sửa chữa đường từ bán Tát uớt đi trung tâm xã Liệp Tề	Ban QLDA huyện	Đã chuyển về xã Mường Khiêng làm CBT	Liệp Tề	Mường Khiêng	2024-2025		4950 - 21/11/2024	1.920	1.920		1.920				1.920			1.920		0	
3	Đường nội bộ bán Song, xã Chiềng La	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Liệp Tề	Mường Khiêng	2024-2025		4951 - 21/11/2024	1.605	1.605		1.605	1.306		1.305	1.605	0	1.305	4		1.601	
4	Đường giao thông nội bán Bó Mạ	Ban QLDA huyện	Đã chuyển về xã Mường Khiêng làm CBT	Liệp Tề	Mường Khiêng	2024-2025		4952 - 21/11/2024	463	463		463				463			463		0	
5	Nhà lớp học trường mầm non Ánh Hồng - bán Hiên, xã Liệp Tề	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu	Ban QLDA ĐTXD Thuận Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Liệp Tề	Mường Khiêng	2024-2025		1686 - 10/4/2025	3.500	3.500		3.500	3.282	62	3.220	3.500	62	3.220	18		3.482	
d	Nộp trả UBND tỉnh tại QĐ số 272 ngày 29/01/2024 của UBND huyện TC																				0	
X	YÊN CHÂU								64.456	61.446	3.010	61.309	59.687	58	748	61.309	58	748	1.557		59.752	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt								6.200	5.930	270	5.793	5.765	0	0	5.793	0	0	28		5.765	
d	Hỗ trợ nước sinh hoạt								6.200	5.930	270	5.793	5.765	0	0	5.793	0	0	28		5.765	
*	Các Dự án hoàn thành quyết toán								6.200	5.930	270	5.793	5.765	0	0	5.793	0	0	28		5.765	
1	Hệ thống nước sinh hoạt bán Chiềng Hưng, xã Yên Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Yên Sơn	Xã Yên Sơn	2024		1050/QĐ-UBND ngày 09/8/2024	6.200	5.930	270	5.793	5.765			5.793			28		5.765	
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết								4.944	4.944	0	4.944	4.828	0	0	4.944	0	0	116		4.828	
a	Các Dự án hoàn thành quyết toán								4.944	4.944	0	4.944	4.828	0	0	4.944	0	0	116		4.828	
1	Dự án định canh định cư bán Nậm Bó,	Ban QLDA	Ban QLDA	Xã Phiêng	Xã	2022-2024		729/QĐ-	4.944	4.944		4.944	4.828			4.944			116		4.828	

	xã Phiêng Khoai, huyện Yên Châu	ĐTXD huyện Yên Châu	ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Khoài	Phiêng Khoài			UBND-12/8/2022														
3	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công								44.690	42.090	2.600	42.090	40.829	0	0	42.090	0	0	1.261		40.829	
3.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi								44.690	42.090	2.600	42.090	40.829	0	0	42.090	0	0	1.261		40.829	
a	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên đối với các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn.								44.690	42.090	2.600	42.090	40.829	0	0	42.090	0	0	1.261		40.829	
*	Các Dự án hoàn thành quyết toán								44.690	42.090	2.600	42.090	40.829	0	0	42.090	0	0	1.261		40.829	
1	Nhà văn hóa bản Thín, xã Sập Vạt, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Sập Vạt	Xã Yên Châu	2022-2024		733/QĐ-UBND-12/8/2022	900	810	90	810	770			810			40		770	
2	Nhà văn hóa bản Nghè, xã Sập Vạt, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Sập Vạt	Xã Yên Châu	2022-2024		735/QĐ-UBND-12/8/2022	1.200	1.080	120	1.080	1.066			1.080			14		1.066	
3	Bổ sung cơ sở vật chất trường mầm non Hòa Bình, xã Sập Vạt, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Sập Vạt	Xã Yên Châu	2022-2024		732/QĐ-UBND-12/8/2022	4.340	4.340	0	4.340	4.242			4.340			98		4.242	
4	Nhà văn hoá bản Pá Sang, xã Sập Vạt, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Sập Vạt	Xã Yên Châu	2022-2024		1013/QĐ-UBND-07/10/2022	900	810	90	810	769			810			41		769	
5	Nhà văn hóa xã Sập Vạt, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD	Xã Sập Vạt	Xã Yên Châu	2022-2024		1014/QĐ-UBND-07/10/2022	2.150	2.150	0	2.150	2.138			2.150			12		2.138	

			các công trình Nông nghiệp và PTNT																		
6	Nhà văn hóa bán Cò Chĩa, xã Yên Sơn, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Yên Sơn	Xã Yên Sơn	2022-2024		743/QĐ- UBND- 13/8/2022	1.200	1.100	100	1.100	1.075			1.100			25		1.075
7	Nhà văn hóa bán Kim Sơn I, xã Yên Sơn, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Yên Sơn	Xã Yên Sơn	2022-2024		744/QĐ- UBND- 13/8/2022	1.000	900	100	900	883			900			17		883
8	Nhà văn hóa bán Nhôm, xã Chiềng Đông, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Đông	Xã Yên Châu	2022-2024		731/QĐ- UBND- 12/8/2022	1.000	900	100	900	890			900			10		890
9	Nhà văn hóa xã Chiềng Đông, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng Đông	Xã Yên Châu	2022-2024		742/QĐ- UBND- 13/8/2022	2.500	2.500	0	2.500	2.242			2.500			258		2.242
10	Nhà văn hóa bán Nà Đit, xã Chiềng On, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng On	Xã Yên Sơn	2022-2024		745/QĐ- UBND- 13/8/2022	1.500	1.420	80	1.420	1.330			1.420			90		1.330
11	Nhà văn hóa bán Đin Chá, xã Chiềng On, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Chiềng On	Xã Yên Sơn	2022-2024		1017/QĐ- UBND- 07/10/2022	1.200	1.080	120	1.080	1.035			1.080			45		1.035
12	Nhà văn hóa bán Mường Lựm, xã Mường Lựm, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện	Ban QLDA ĐTXD Yên	Xã Mường Lựm	Xã Chiềng	2022-2024		1015/QĐ- UBND-	1.100	1.000	100	1.000	987			1.000			13		987

		Yên Châu	Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT		Hặc			07/10/2022													
13	Nhà văn hóa bản Mé, xã Mường Lựm, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Mường Lựm	Xã Chiềng Hặc	2022-2024		1016/QĐ-UBND-07/10/2022	1.100	1.000	100	1.000	977			1.000			23	977	
14	Nâng cấp đường từ Ngã ba Ôn Ôc - Bản Dào, xã Mường Lựm, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Mường Lựm	Xã Chiềng Hặc	2022-2024		1121/QĐ-UBND-24/10/2022	8.000	8.000	0	8.000	7.816			8.000			184	7.816	
15	Bổ sung cơ sở vật chất Trường Mầm non Sao Mai, xã Tú Nang, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Tú Nang	Xã Chiềng Hặc	2022-2024		1122/QĐ-UBND-24/10/2022	4.000	4.000	0	4.000	3.897			4.000			103	3.897	
16	Nâng cấp đường Bò Mon - Cay Ton, xã Tú Nang, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Tú Nang	Xã Chiềng Hặc	2022-2024		1123/QĐ-UBND-24/10/2022	7.600	6.000	1.600	6.000	5.787			6.000			213	5.787	
17	Bổ sung cơ sở vật chất trường Mầm non Hoa Mai, xã Phiêng Khoài, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT	Xã Phiêng Khoài	Xã Phiêng Khoài	2022-2024		1125/QĐ-UBND-24/10/2022	5.000	5.000	0	5.000	4.925			5.000			75	4.925	
4	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực								7.082	7.082	0	7.082	6.978	58	0	7.082	58	0	104	6.978	
4.1	Tiêu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số								7.082	7.082	0	7.082	6.978	58	0	7.082	58	0	104	6.978	
a	Các Dự án hoàn thành quyết toán								7.082	7.082	0	7.082	6.978	58	0	7.082	58	0	104	6.978	

[illegible]

		Khúa	Khúa		Khúa																
11	Suối Bàng	UBND xã Suối Bàng	UBND xã Tô Múa	xã Suối Bàng	xã Tô Múa							80	80			80				0	
b	Hỗ trợ nhà ở	UBND các xã		UBND các xã		2023-2025						1.320	8.480	3.120	0	1.320	3.120	0	0		1.320
1	Lóng Luồng	UBND xã Lóng Luồng	UBND xã Văn Hồ	xã Lóng Luồng	Xã Văn Hồ							800								0	
2	Xuân Nha	UBND xã Xuân Nha	UBND xã Xuân Nha	xã Xuân Nha	Xã Xuân Nha							640								0	
3	Chiềng Xuân	UBND Xã Chiềng Xuân	UBND xã Chiềng Sơn	Xã Chiềng Xuân	Xã Chiềng Sơn							600	160			160				0	
4	Chiềng Yên	UBND xã Chiềng Yên	UBND xã Văn Hồ	xã Chiềng Yên	Xã Văn Hồ							480	240			240				0	
5	Liên Hòa	UBND Xã Liên Hòa	UBND xã Song Khúa	Xã Liên Hòa	xã Song Khúa							1.160	960			960				0	
6	Lóng Luồng	UBND xã Lóng Luồng	UBND xã Văn Hồ	xã Lóng Luồng	Xã Văn Hồ							360	360			360				0	
7	Mường Mên	UBND Xã Mường Mên	UBND xã Văn Hồ	Xã Mường Mên	Xã Văn Hồ							320	240			240				0	
8	Mường Tè	UBND xã Mường Tè	UBND xã Song Khúa	xã Mường Tè	Xã Song Khúa							880	120			120				0	
9	Quang Minh	UBND Xã Quang Minh	UBND xã Song Khúa	Xã Quang Minh	xã Song Khúa							360	80			80				0	
10	Song Khúa	UBND xã Song Khúa	UBND xã Song Khúa	xã Song Khúa	Xã Song Khúa							880								0	
11	Tân Xuân	UBND xã Tân Xuân	UBND xã Xuân Nha	xã Tân Xuân	Xã Xuân Nha							240								0	
12	Chiềng Khoa	UBND xã Chiềng Khoa	UBND xã Tô Múa	xã Chiềng Khoa	xã Tô Múa							120								0	
13	Văn Hồ	UBND xã Văn Hồ	UBND xã Văn Hồ	xã Văn Hồ	Xã Văn Hồ							400	40			40				0	
14	Tô Múa	UBND xã Tô Múa	UBND xã Tô Múa	xã Tô Múa	xã Tô Múa							320								0	
15	Suối Bàng	UBND xã Suối Bàng	UBND xã Tô Múa	xã Suối Bàng	xã Tô Múa							920	920			920				0	
e	Chưa phân bổ chi tiết											9.316	227		1.240	9.316		1.240	9.089		227
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết											762	-	-	-	762	-	-	762		0

c	Chưa phân bổ chi tiết														762				762			0		
3	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị													5.607	0	0		5.607	0	0	5.607	0		
*	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi													5.607	0			5.607			5.607	0		
	Chưa phân bổ													5.607				5.607			5.607	0		
3	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công								27.750	27.750	0	28.643	22.346	1.037	12.257	28.643	1.037	12.257	4.281		24.362			
3.1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi								27.750	27.750	0	21.857	21.857	1.037	12.257	21.857	1.037	12.257	0		21.857			
a	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; an toàn đối với các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn.								27.750	27.750	0	21.857	21.857	1.037	12.257	21.857	1.037	12.257	0		21.857			
*	Các Dự án hoàn thành quyết toán								15.000	15.000	0	10.080	10.080	1.037	480	10.080	1.037	480			10.080			
1	Đường Ib Suối Mực - Pá puộc - Chiềng yền	Ban QLDA	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	Xã Chiềng Yên	Xã Văn Hồ	2022-2023			1385-02/12/2021	15.000	15.000			10.080	10.080	1.037	480	10.080	1.037	480		1.043	11.123	
*	Các Dự án chuyển tiếp								12.750	12.750	0	11.777	11.777	0	11.777	11.777	0	11.777	0	11.777	0	973	12.750	
1	Đường từ trung tâm bản Nà Pa - bản Cóm xã Mường Men, huyện Văn Hồ	Ban QLDA	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	Xã Mường Men	Xã Văn Hồ	2025-2026			629 14/5/2025	5.250	5.250			4.700	4.700		4.700	4.700		4.700		550	5.250	
2	Đường từ trung tâm bản Nà Pa - bản Chột xã Mường Men huyện Văn Hồ	Ban QLDA	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	Xã Mường Men	Xã Văn Hồ	2025-2026			630 14/5/2025	7.500	7.500			7.077	7.077		7.077	7.077		7.077		423	7.500	
3.2	Chưa phân bổ									25.000	25.000	0	6.786	489			6.786			6.297		489		
4	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực												5.564	5.287	0	928	5.564	0	928	277		5.287		
4.1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số												5.564	5.287	0	928	5.564	0	928	277		5.287		
a	Các Dự án hoàn thành quyết toán								6.416	6.416	0	5.564	5.287	0	928	5.564	0	928	277		5.287			

1	Công trình Trường TH và THCS Mường Men	Ban QLDA ĐTXD	Ban QLDA ĐTXD Văn Hồ thuộc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp nông thôn	Xã Mường Men	Xã Văn Hồ	2023-2024		344-14/4/2023	6.416	6.416	0	5.564	5.287	0	928	5.564	0	928	277		5.287	
XII	THÀNH PHỐ								2.000	2.000	0	2.663	1.869	314	1.555	2.663	314	1.555	794	131	2.000	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt								2.000	2.000	0	2.663	1.869	314	1.555	2.663	314	1.555	794	131	2.000	
a	Hỗ trợ nước sinh hoạt								2.000	2.000	0	2.663	1.869	314	1.555	2.663	314	1.555	794	131	2.000	
*	Các Dự án chuyển tiếp								2.000	2.000	0	1.869	1.869	314	1.555	1.869	314	1.555	0	131	2.000	
1	Nước sinh hoạt tổ 3, tổ 4, bản Lá Sắng, phường Chiềng An, thành phố Sơn La	Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố Sơn La	Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố Sơn La	Phường Chiềng An	Phường Chiềng An	2025-2026		2940 - 27/12/2024	2.000	2.000		1.869	1.869	314	1.555	1.869	314	1.555		131	2.000	
*	Chưa giao chi tiết											794				794			794		0	
C	CHƯA PHÂN BỐ					0		0	0	0	0	0	0	0	0	0				12.857	12.857	Hoàn trả NSTW do hết đối tượng
*	Tiêu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quế, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi																			5.607	5.607	
5	Tiêu dự án 2, Dự án 10																			7.250	7.250	Điều chỉnh tại Nghị quyết số 516/NQ-HĐND ngày 23/6/2025

Biểu số 04

**PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2025 (BỔ SUNG) NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI**
(Kèm theo Nghị quyết số 546/NQ-HĐND ngày 22/8/2025 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn bổ sung năm 2025	Ghi chú
	TỔNG SỐ	155.603	
I	CẤP TỈNH QUẢN LÝ	99.727	
II	CẤP HUYỆN CHUYỂN VỀ CẤP TỈNH QUẢN LÝ	55.876	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	5.089	
2	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	4.731	
3	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công	39.268	
4	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	196	
5	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	244	
6	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	6.348	